

TRÁI TIM  
*Mách bảo*



Tình yêu không dành  
cho kẻ lừa nhác,  
đôi khi nó đòi hỏi  
những hành động thật  
quyết liệt...

SUSANNA TAMARO



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

SUSANNA TAMARO

*Nguyễn Huy Trọng dịch*

TRÁI TIM  
*Mách bảo*  
follow your heart



**NHÀ XUẤT BẢN TRẺ**

epub©vctvegroup

08-01-2018

*Gửi đến Pietro*

*Hỡi Shiva, đâu là thực tại của Người?*

*Đâu là vũ trụ với muôn vàn kỳ diệu?*

• **Trích kinh cầu nguyện đấng Shiva**

# *Opicina, Ngày 17 tháng Mười Một,*

## *1992*

Cháu đi đã được hai tháng rồi, và trong suốt hai tháng ấy bà chẳng nhận được tin tức gì ngoài tấm bưu thiếp vồn vẹn lời nhắn rằng cháu vẫn còn sống. Sáng nay, lúc ở trong vườn, bà đứng trước cây hoa hồng của cháu rất lâu. Dù trời đã sang thu, cây hoa hồng vẫn trổ hoa đỏ rực, đứng ngạo nghễ giữa những bụi cây tàn úa khác. Cháu còn nhớ lúc bà cháu mình trồng nó chứ? Lúc đó cháu chỉ mới mười tuổi đầu và vừa đọc xong cuốn *Hoàng Tử Bé*, món quà bà tặng cháu nhân dịp học hết lớp Năm. Cháu đã yêu cuốn sách ấy biết nhường nào. Trong tất cả các nhân vật, cháu yêu nhất cây hoa hồng và con cáo; cháu không thích cây bao bắp, con rắn, người phi công hay bất kỳ gã đàn ông rỗng tuếch và kiêu ngạo nào trên những tiểu hành tinh. Và rồi vào một buổi sáng nọ lúc đang ăn sáng, cháu bảo rằng, “Cháu muốn một cây hoa hồng.” Khi bà phản đối vì chúng ta đã có rất nhiều hoa hồng trong vườn, cháu vẫn cương quyết, “Cháu muốn một cây của riêng cháu cơ, cháu muốn chăm nó và giúp nó lớn thật cao.” Dĩ nhiên là ngoài cây hoa hồng, cháu còn muốn một con cáo. Cháu bé bỏng của bà thật ranh mãnh khi biết đề nghị thứ đơn giản trước một thứ khác hầu như không thể thực hiện được. Làm sao bà có thể từ chối con cáo khi đã đồng ý về cây hoa hồng chứ? Thế là chúng ta đã tranh luận thật lâu, và cuối cùng thỏa hiệp rằng cháu sẽ có một con chó.

Đêm trước khi đi gặp con chó cháu đã không hề chớp mắt. Cứ mỗi nửa tiếng đồng hồ cháu lại gõ cửa phòng bà và nói, “Cháu không ngủ được.” Trước bảy giờ sáng hôm sau, cháu đã tắm rửa, ăn mặc chỉnh tề, dùng xong bữa sáng, rồi mặc sẵn áo khoác và ngồi đợi bà trên chiếc ghế bành. Đúng tám giờ rưỡi bà cháu mình có mặt tại cổng Trại thú nuôi khi nó còn chưa mở cửa. Cháu liên tục ngó qua song sắt và hỏi, giọng đầy lo lắng, “Làm sao biết

con nào là của cháu hử bà?” Bà cố gắng trấn an cháu rằng, đừng quá lo, cứ nhớ cách Hoàng Tử Bé thuần phục con cáo là được thôi mà.

Và rồi chúng ta đã trở lại Trại thú nuôi ấy liên tiếp trong ba ngày. Có tới hơn hai trăm con chó, mà cháu thì muốn xem hết tất cả chúng. Cháu dừng lại trước mỗi chuồng và đứng yên lặng như một người vô hồn, đứng đưng với tất cả mọi thứ xung quanh, trong khi những con chó dữ tợn lao vào lưới thép, nhảy chồm chồm và sủa văng lên, găng sức xé toạc những mắt lưới với vuốt chân nhọn hoắt. Bà chủ trại đã ở đấy với chúng ta. Bà ta tưởng cháu cũng như mấy cô bé bình thường khác nên cứ cố làm cho cháu chú ý đến đám chó chỉ được cái mẽ ngoài. “Nhìn con Cocker Spaniel này này,” bà ta cất giọng, rồi lại hỏi “Cháu thích con Collie kia chứ?” Câu trả lời duy nhất của cháu chỉ là vài tiếng càu nhàu, rồi cháu tiếp tục đi đến những chuồng khác mà chẳng hề đoái hoài tới bà ta.

Vào ngày thứ ba của cuộc tìm kiếm đây cam go này, chúng ta đã gặp Buck. Cậu ta ngồi tí mé sau một trong những chiếc cũi dành riêng cho các con chó đang dưỡng bệnh. Khi bà cháu mình đến đó, thay vì chạy tới đón chào cùng những con chó khác, cu cậu ngồi thừ ở đấy và thậm chí chẳng buồn ngẩng đầu lên. “Nó kìa!” cháu reo lên, chỉ tay vào cậu ta. “Cháu muốn con chó đó.” Cháu còn nhớ vẻ kinh ngạc trên khuôn mặt bà chủ trại chứ? Bà ta không thể hiểu nổi tại sao cháu lại chọn con chó lai tội nghiệp ấy. Tất nhiên là bà ta không thể hiểu rồi. Nom Buck cứ như thể đã gom mọi đặc điểm của loài chó trên thế giới này vào thân hình nhỏ bé của cậu, với cái đầu của chó sói, đôi tai mềm rũ của chó săn, móng vuốt của chó chồn, chiếc đuôi mịn mượt của chó phốc sóc và bộ lông đen pha đỏ của chó Doberman. Khi chúng ta vào văn phòng để ký kết giấy tờ, cô gái làm việc ở đây đã kể chuyện về Buck. Kẻ nào đó đã quăng cậu đi trong lúc xe đang chạy vào đầu hè năm ấy, khiến cậu ta bị chấn thương nghiêm trọng đến nỗi một chân sau treo lủng lẳng không thể bước đi.

Buck đang nằm ngay bên cạnh bà đây. Cứ mỗi lần bà viết, cu cậu lại thờ dãi và cạ cạ chóp mũi lên chân bà. Mồm và đôi tai cậu đã dần chuyển sang trắng bệch, và gần đây đôi mắt còn phủ lên lớp màng đục như tất cả những

con chó lớn tuổi khác. Mỗi lần nhìn cậu là bà không thể ngăn nổi xúc động. Cứ như thể là một phần của cháu đang ở đây với bà vậy, phần mà bà thương yêu nhất, phần mà nhiều năm trước đã chọn ra con chó buồn bã, xấu xí nhất trong số hai trăm con chó tại Trại thú nuôi ấy.

Suốt mấy tháng qua, mỗi lúc quần quanh đơn độc trong nhà, những năm tháng bất hòa và khó chịu khi bà cháu mình còn sống cùng nhau đã biến đi mất hút. Ký ức còn lại trong bà chỉ là quãng thời gian khi cháu còn bé, ngây thơ, mong manh và bối rối biết bao. Đó chính là cô bé mà bà đang viết cho đây, chứ không phải là cô gái kiêu căng, bảo thủ của những năm tháng sau này. Chính cây hoa hồng đã gợi ý cho bà đấy. Sáng nay khi lướt ngang qua nó, dường như bà nghe nó bảo “Lấy giấy bút ra và viết thư cho cô bé đi.” Bà biết rằng chúng ta đã thỏa thuận với nhau trước khi cháu đi là không thư từ gì cả, và bà vẫn cố giữ lời, dù miễn cưỡng lắm. Những dòng chữ này sẽ không bao giờ đến được Mỹ với cháu đâu.

Nếu bà không còn ở đây khi cháu quay trở lại thì chúng sẽ thay bà chờ cháu. Tại sao bà lại nói điều này? Bởi vì gần một tháng trước, lần đầu tiên trong đời bà đã trải qua trận ốm thập tử nhất sinh. Và giờ đây bà biết rằng, có một việc có thể sẽ xảy ra: Sáu hay bảy tháng tới có thể bà sẽ không còn ở đây để mở cửa và ôm chầm lấy cháu nữa. Trước đây một người bạn của bà nói rằng khi bệnh tật đến với những người vốn luôn khỏe mạnh, nó sẽ ập đến bất thành linh và vô cùng dữ dội. Đúng là nó đã xảy ra với bà: Buổi sáng nọ khi bà đang tưới cây hoa hồng, trời đất bỗng nhiên đóng sầm lại. Nếu cô Razman không nhìn thấy bà qua hàng rào ở giữa hai khu vườn thì chắc cháu đã mồ côi rồi. Mồ côi ư? Có phải cháu gọi ai đó như vậy khi bà họ mất? Bà cũng không chắc lắm. Có lẽ ông bà không được xem là quan trọng tới mức phải có một thuật ngữ đặc biệt nào đó để gọi khi không còn họ nữa. Đâu có ai là góa hay mồ côi khi mất đi ông bà đâu. Việc họ bị lãng quên cũng tự nhiên thôi, cứ như mấy chiếc ô bị ai đó đăng trí bỏ quên ấy mà.

Khi tỉnh dậy trong bệnh viện bà không nhớ gì cả. Lúc mắt vẫn còn nhắm, bà có cảm giác như có hai sợi ria mỏng, dài thượt mọc ra tựa như ria mèo. Nhưng đến khi mở mắt, bà nhận ra đó là hai ống dẫn nhỏ bằng nhựa được



gắn vào bên trong mũi và chạy vất qua môi. Xung quanh bà toàn là máy móc lạ lẫm. Vài ngày sau bà được chuyển sang một căn phòng bình thường, nơi có hai bệnh nhân khác nằm ở đó. Một buổi chiều nọ hai vợ chồng cô chú Razman đã đến thăm bà. Chú Razman bảo, “Con chó của bà đã sủa như điên như dại. Nhờ nó mà bà vẫn còn sống đấy.”

Khi bà bắt đầu đi lại được, một bác sĩ trẻ từng đến kiểm tra cho bà nhiều lần trước đây có ghé thăm. Anh ta lấy ghế ngồi bên cạnh giường bà và bảo, “Vì bà không có ai thân thích để săn sóc và ra quyết định giúp, cho nên tôi phải nói chuyện trực tiếp với bà. Tôi sẽ rất thẳng thắn.” Thế là anh ta nói, và trong lúc ấy bà quan sát anh ta hơn là nghe. Anh ta có đôi môi mỏng dính, mà cháu biết rồi đấy, bà có bao giờ thích người môi mỏng đâu. Theo anh ta thì tình trạng của bà tệ đến mức không thể về nhà được nữa. Anh ta nhắc đến tên hai hay ba trại dưỡng lão nào đấy mà bà có thể đến ở. Chắc hẳn đã đọc được phản ứng trên gương mặt bà cho nên anh ta liền nhanh nhẩu thêm vào, “Bà đừng nghĩ những trung tâm dưỡng lão đều tệ như trước kia. Ngày nay mọi thứ thay đổi rồi – các căn phòng đều sáng sủa và tràn ngập ánh mặt trời, ngoài ra còn có các khu vườn rộng để mọi người đi dạo nữa đấy.” Bà liền lên tiếng, “Thưa bác sĩ, anh có biết tí gì về người Eskimo không?” “Dĩ nhiên là tôi biết,” anh ta trả lời và đứng lên. “Chuyện là thế này, tôi muốn được chết như họ,” bà nói, và bởi vì anh ta tỏ vẻ không hiểu gì sất nên bà lại tiếp tục, “Tôi thà nhắm mắt chết giữa luống bí ngòi trong vườn rau của mình còn hơn là sống thêm một năm bẹp dí trên giường trong một căn phòng quét vôi trắng toát.” Đến lúc đó thì anh ta đã ra tới cửa, và trước khi biến mất, anh ta còn nhếch mép cười khẩy. “Nhiều người cũng nói đại loại thế, rồi cuối cùng cũng chạy lại đây, run rẩy như tàu lá và tuyệt vọng nài xin được chăm sóc.”

Ba ngày sau đó bà phải ký vào một bản cam kết ngốc nghếch, tuyên bố rằng nếu có chết thì trách nhiệm hoàn toàn thuộc vào cái thân già này thôi. Bà đưa bản cam kết cho một cô y tá trẻ với cái đầu bé tẹo và đôi hoa tai to khủng rồi thu dọn mấy món đồ ít ỏi và đến trạm taxi.

Ngay khi nhìn thấy bà ngoài cổng, Buck đã chạy lòng vòng như một gã cuồng, và dường như để xóa bỏ hết mọi nghi ngờ của bà về mức độ vui mừng khôn xiết của cu cậu, Buck đã giẫm lên hai, ba luống hoa gì đấy và sửa mãi không thôi. Lúc ấy bà chẳng còn hơi sức nào để la rầy cu cậu nữa. Khi cậu ta đến chỗ bà với chiếc mũi dính đầy đất, bà đã thốt lên, “Thấy chưa, anh bạn già? Chúng ta lại sống cùng nhau nữa nhé,” và gãi gãi đằng sau tai cu cậu.

Những ngày sau đó hầu như bà chẳng làm được gì. Kể từ khi xảy ra chuyện, nửa người bên trái không còn nghe theo lệnh của bà như trước đây nữa. Nhất là tay trái của bà đã chậm hẳn đi. Bà không muốn nó thống trị mình nên ráng ép buộc bản thân phải dùng tay trái nhiều hơn tay phải. Bà cột một chiếc nơ hồng trên cổ tay để mỗi khi lấy cái gì đấy thì sẽ nhớ là dùng tay trái thay vì tay phải. Khi cơ thể còn hoạt động tốt, ta không nhận ra rằng sẽ đến ngày nó có thể biến thành kẻ thù lớn nhất của ta, và nếu ý chí của ta lung lay, nó sẽ tàn lụi đi chỉ trong tích tắc, và rồi ta sẽ bị đánh bại.

Có vẻ như khả năng tự chủ của bà kém hẳn rồi nên bà đã đưa chùm chìa khóa cho vợ chú Walter. Cô ấy ghé thăm mỗi ngày và mang cho bà những thứ cần thiết.

Mỗi khi quanh quẩn trong nhà và khu vườn, suy nghĩ về cháu cứ lặp đi lặp lại đến nỗi đã trở thành một ám ảnh thật sự. Nhiều lần bà không thể kiềm chế đến mức đã nhắc điện thoại lên tính gửi điện tín cho cháu, nhưng mỗi khi nhân viên tổng đài lên tiếng thì bà thay đổi ý định ngay. Tối nay, ngồi trên chiếc ghế bành này – với khoảng trống trước mặt và sự yên lặng bao trùm xung quanh – bà tự hỏi phải làm thế nào mới là tốt nhất. Tốt cho cháu, tất nhiên rồi, chứ không phải cho bà. Đối với bà, dĩ nhiên là dễ chịu hơn biết bao khi có cháu ở bên cạnh khi bà ra đi. Nếu bà nói cho cháu biết về bệnh tật của mình, chắc là cháu sẽ bỏ dở việc lưu trú ở Mỹ rồi tất tả về nhà ngay. Nhưng rồi sao? Rồi thì, ai biết được, có thể bà sẽ sống thêm ba hay bốn năm nữa, có thể là bị gắn chặt với chiếc xe lăn, thậm chí là bị lú lẫn, và cháu sẽ thực hiện nghĩa vụ chăm sóc bà. Có lẽ cháu sẽ làm điều đó với tất cả sự tận tâm của mình, nhưng rồi thời gian trôi đi, sự tận tâm ấy sẽ chuyển thành tức

tối và oán giận. Oán giận bởi vì năm tháng trôi qua và cháu sẽ lãng phí tuổi thanh xuân của mình; và bởi vì tình yêu của bà, cũng như hiệu ứng boomerang sẽ đẩy cháu đi vào ngõ cụt. Đó chính là tiếng nói xuất phát từ sâu thẳm bên trong bà phản đối việc gọi điện thoại cho cháu. Nhưng ngay khi bà cho rằng đó là quyết định đúng đắn thì một giọng nói khác chen vào, tranh luận điều ngược lại. Bà tự hỏi điều gì sẽ xảy ra nếu cháu mở cửa bước vào một căn nhà trống toang từ lâu đã không người ở thay vì nhìn thấy bà và Buck vui mừng đón cháu về nhà? Còn điều gì tồi tệ hơn một chuyến trở về dở dang chứ? Giả sử cháu nhận được bức điện tín thông báo rằng bà đã chết, liệu cháu có cảm giác đó là sự phản bội không? Hay là một thủ đoạn hèn hạ? Cháu đã cư xử vô lễ với bà trong vài tháng qua nên giờ bà trừng phạt lại cháu bằng cách ra đi không một lời báo trước. Có lẽ đó không còn là trò “gậy ông đập lưng ông” nữa mà là đẩy xuống vực thẳm mất rồi. Bà nghĩ không ai có thể sống nổi với những điều như vậy. Cháu tưởng tượng nhé: tất cả những điều cháu muốn nói với ai đó cháu yêu thương sẽ ở bên trong cháu mãi mãi; bà của cháu sẽ nằm dưới ba tấc đất, và cháu sẽ không còn dịp nhìn vào mắt bà, không thể ôm chặt bà, không thể nói ra những điều cháu chưa kịp nói.

Ngày tháng như thoi đưa mà bà chẳng thể quyết định được gì. Và rồi sáng nay, chính cây hoa hồng đã thúc giục bà dậy. Hãy viết thư cho cô bé đi, hãy ghi chép lại những điều xảy ra hàng ngày và để lại cho cô bé trước khi bà ra đi. Vì vậy mà bà ngồi đây, trong phòng bếp, nhìn chăm chăm vào mấy cuốn tập cũ của cháu và nhai nhai cây bút như một đứa trẻ đang vật lộn với bài tập về nhà. Viết chúc thư ư? Không hẳn thế; bà nghĩ rằng đó chỉ là vài điều thổ lộ sẽ ở lại cùng cháu trong những năm tháng sau này, vài điều cháu có thể đọc bất cứ khi nào cháu cần bà bên cạnh. Đừng lo, bà không có ý định giáo điều hay cố làm cho cháu buồn đâu, chỉ là bà muốn trò chuyện với cháu, thật thân tình, như cách mà bà cháu mình vẫn từng làm trước khi những năm tháng chia cách chúng ta ập đến. Bà đã sống quá lâu và sẽ bỏ lại phía sau mình rất nhiều người, bà biết rằng sự vắng mặt của người chết không làm chúng ta day dứt bằng những lời chưa kịp nói khi họ đã ra đi.

Cháu biết đấy, bà cảm thấy mình như là mẹ của cháu dù đã đến tuổi này rồi, cái tuổi mà thường thì ai cũng chỉ ở vai trò là bà thôi. Điều này có nhiều cái lợi. Lợi cho cháu, bởi vì bà-là-mẹ luôn chu đáo và khoan dung hơn mẹ-là-mẹ, và cũng lợi cho bà nữa, bởi vì không giống như những cụ bà khác trải qua tuổi già yếu của mình với những ván bài và tiệc trà chiều, bà phải kéo lê đời mình trở lại với cuộc sống bình thường. Thế nhưng ở đâu đó trong chuyện này, có những thứ đã đổ vỡ mất rồi. Đó không phải là lỗi của bà, và cũng không phải là lỗi của cháu. Có trách thì trách quy luật của tự nhiên thôi.

Thời thơ ấu và tuổi già thật giống nhau. Vì nhiều lý do mà ở cả hai lứa tuổi này, chúng ta hầu như không có khả năng phòng vệ, chúng ta chưa – hoặc không còn – năng động trong cuộc sống, và mọi phản ứng đều xảy ra rất tự nhiên cũng như không hề tính toán. Ở tuổi thiếu niên, một lớp vỏ bọc vô hình bắt đầu xuất hiện bao quanh cơ thể chúng ta và nó cứ tiếp tục dày lên trong suốt cuộc sống trưởng thành. Quá trình này tương tự như sự phát triển của ngọc trai vậy; vết thương càng lớn và càng sâu thì lớp vỏ bọc quanh ấy càng rắn chắc. Tuy nhiên, khi thời gian thấm thoắt trôi qua, cũng như một chiếc váy đã được mặc quá nhiều lần, những chỗ co giãn sẽ yếu dần đi, các sợi chỉ bục ra và chỉ một cử động bất thành hình cũng đủ làm nó bị xé toạc. Lúc đầu cháu không nhận thấy gì bởi vì luôn tin chắc rằng lớp vỏ bọc của mình hoàn toàn nguyên vẹn, nhưng rồi đến một ngày nào đó, chỉ một việc hết sức bình thường xảy ra cũng có thể làm cho cháu bật khóc như một đứa trẻ.

Vì vậy, lúc bà nói rằng một vết rạn nứt tự nhiên đã chia cách chúng ta thì bà cũng không hề ǎn ý gì. Khi lớp vỏ bọc của cháu bắt đầu hình thành thì lớp vỏ bọc của bà đã rách bươm. Cháu không chịu nổi nước mắt của bà còn bà không thể chịu đựng sự vô lễ đột ngột của cháu. Mặc dù bà đã chuẩn bị cho sự thay đổi tính tình của cháu khi bước qua tuổi thiếu niên, thế nhưng khi nó diễn ra, bà vẫn cảm thấy quá khó khăn để mà chấp nhận. Bỗng dừng lại có một con người mới đứng trước mặt bà, và bà không hề biết sẽ phải làm gì với cô gái ấy.

Tối hôm đó, khi đã định tâm trở lại, bà cảm thấy vui vì những gì đang xảy ra với cháu. Bà dặn lòng mình rằng chẳng ai có thể đủ lông đủ cánh lớn lên mà không bị tổn thương cả. Nhưng khi cháu đóng sầm cửa trước mặt bà vào buổi sáng hôm sau, hành động đó thật đáng buồn, nó làm bà muốn khóc. Bà không còn đủ sức để mà tranh cãi với cháu nữa. Đến lúc bước sang tuổi tám mươi thì cháu mới hiểu rằng cái tuổi này sẽ làm cho cháu cảm thấy mình như một chiếc lá vào cuối tháng Chín vậy. Ánh sáng mặt trời ít đi và cái cây sẽ rút từng chút một chất dinh dưỡng ngay từ bên trong để có thể nuôi sống nó. Khí Ni-tơ, chất diệp lục và các chất đạm đều bị hút vào trong thân cây, vẻ xanh tốt của nó sẽ biến mất đi và tính dẻo dai cũng không còn nốt. Cháu vẫn còn tươi xanh trên cành, nhưng chẳng qua chỉ là vấn đề thời gian mà thôi. Những chiếc lá xung quanh cháu rồi sẽ rụng dần từng chiếc một, và cháu nhìn chúng rơi trong nỗi sợ hãi rằng một cơn gió sẽ nổi lên. Đối với bà thì cơn gió ấy chính là cháu, là sức sống của tuổi trẻ đầy hiếu thắng. Cháu không hề để ý, phải không cháu yêu? Rằng chúng ta sống trên cùng một thân cây, chỉ có điều là ở hai mùa hoàn toàn khác biệt.

Bà đang nghĩ về cái ngày cháu ra đi. Cả hai bà cháu mình đều đã bồn chồn lo lắng nhỉ? Cháu không cho bà đi cùng ra sân bay, và cứ mỗi khi bà nhắc cháu mang theo thứ gì đó thì cháu trả lời rằng, “Cháu đi tới Mỹ chứ có phải sa mạc đâu.” Khi cháu ra đến cửa, bà đã hét to với giọng the thé đầy căm giận, “Tự lo đi nhé.” Và cháu nói mà thậm chí chẳng thèm quay lại, “Bà lo cho Buck và cây hoa hồng đi.”

Cháu biết đấy, bà đã thất vọng với những lời từ biệt ấy biết nhường nào. Bà lão ủy mị này mong chờ những điều khác cơ, cho dù là có sáo rỗng như một nụ hôn hay vài lời âu yếm đi chăng nữa. Chỉ đến đêm hôm đó, khi bà không thể ngủ được và cứ mặc đồ ngủ mà đi quanh quẩn trong căn nhà trống trải, bà mới nhận ra rằng lo cho Buck và cây hoa hồng có nghĩa là lo cho một phần của cháu vẫn còn đang sống với bà, cái phần vui vẻ ấy. Và bà cũng hiểu ra vì sao cháu đã đưa ra một lời đề nghị cộc lốc như vậy: không phải là cháu vô cảm, cháu chỉ đang rất căng thẳng và suýt khóc đấy thôi. Đó chính là lớp vỏ bọc mà bà từng nói đến – nó chật đến nỗi đã làm cháu hầu như không thở được. Cháu có nhớ bà liên tục nói điều gì với cháu vào những

tháng cuối ấy không? Những giọt nước mắt chảy ngược vào trong sẽ tích tụ lên trái tim cháu. Rồi cuộc chúng sẽ tạo thành một lớp vỏ cứng bọc quanh và làm tê liệt trái tim, cũng như lớp khoáng cặn làm tê liệt một chiếc máy giặt vậy.

Bà biết những ẩn dụ thô kệch của mình không làm cho cháu thích thú đâu. Có lẽ cháu sẽ phó mặc cho cuộc sống, vì tất cả chúng ta đều sống với nguồn cảm hứng từ thế giới chúng ta am tường nhất mà.

Giờ bà phải tạm biệt cháu thôi. Buck đang thở dài thườn thượt và nhìn bà chăm chăm với đôi mắt van nài đấy. Cu cậu là một thứ đáng lưu tâm trong nhịp điệu của tự nhiên. Cho dù là mùa nào đi nữa thì cậu ta đều nhắc bà giờ ăn chính xác như một chiếc đồng hồ Thụy Sĩ.

## ***Ngày 18 tháng Mười Một***

Đêm qua mưa thật lớn. Những giọt mưa cứ quất ràn rạt vào cửa chớp khiến bà thức giấc đến mấy lần. Sáng nay lúc mở mắt dậy, trời vẫn còn u ám lẫm, thế nên bà nằm rảnh trong chăn thêm một lúc nữa. Tháng năm trôi qua khiến nhiều thứ đổi thay! Ở tuổi của cháu, bà như một con chuột sóc có thể ngủ nướng đến tận giờ ăn trưa nếu không bị ai quấy rầy. Thế mà giờ đây, lúc nào bà cũng tỉnh giấc trước bình minh cho nên ngày cứ kéo dài đến vô cùng vô tận. Thật tàn nhẫn, phải không cháu? Thêm nữa, những thời khắc buổi sáng là đỉnh điểm của mọi sự tệ hại, chúng ta không thể nghĩ được gì khác, mà chỉ biết ngồi đó và quan sát những dòng suy nghĩ trôi ngược về quá khứ. Suy nghĩ của người già không có tương lai; phần lớn đều buồn bã, tệ hơn nữa là u sầu tột độ. Bà thường cố gắng tìm hiểu sự trêu ngươi của tạo hóa này. Hôm nọ, sau khi xem một bộ phim tài liệu trên tivi bà cứ suy tư mãi. Bộ phim đó nói về những giấc mơ của loài vật. Tất cả các sinh vật thuộc mọi cấp bậc từ lớp Chim trở lên thường rất hay mơ. Chim sẻ ngô và bồ câu mơ, thỏ và sóc mơ, chó và những con bò nằm dài trên đồng cỏ cũng mơ. Tất cả chúng đều mơ, nhưng theo những cách thức khác nhau. Các loài động vật bị săn đuổi có những giấc mơ ngắn ngủi, thường chỉ như các chớp ảnh hơn là một giấc mơ thật sự. Ngược lại, giấc mơ của những loài thú săn mồi thường dài và phức tạp. Người dẫn chuyện kể rằng, “Hoạt động mơ là cách để thiết lập chiến lược sống sót. Các loài thú săn mồi không ngừng tìm ra những phương thức mới để tìm kiếm thức ăn, trong khi các loài bị săn đuổi – những loài ăn cỏ vốn có thức ăn ở ngay trước mặt – chỉ bận tâm đến một điều duy nhất: thoát hiểm thật nhanh.”

Vì vậy một con linh dương thường mơ thấy cánh đồng cỏ xavan trải dài tít tắp ngay trước mắt, trong khi một con sư tử lại mơ đến những cách thức biến đổi không ngừng để tóm được linh dương. Điều này khiến bà chợt nghĩ,

khi còn trẻ chúng ta chẳng khác gì những loài ăn thịt, còn về già lại là loài ăn cỏ. Bởi vì những người già không chỉ ngủ ít mà còn chẳng mơ, hoặc là có mơ nhưng rồi cũng quên đi mất. Trẻ con và thanh niên thì lại mơ rất nhiều, và những giấc mơ ấy sống động đến nỗi có thể quyết định tâm trạng của họ suốt cả ngày sau đó. Cháu có nhớ mình đã khóc như thế nào mỗi khi thức dậy vào những tháng cuối cùng bà cháu mình còn bên nhau không? Cháu ngồi đó cùng tách cà phê ở trước mặt và những dòng nước mắt cứ thế lặng lẽ tuôn trào hai bên má. Nếu bà hỏi vì sao cháu khóc thì cháu trả lời trong dáng bộ càng chán nản hơn nữa, “Cháu không biết.” Ở tuổi của cháu, có quá nhiều thứ để bận tâm, có quá nhiều kế hoạch để làm và cháu thì cảm thấy bất an với tất cả những điều đó. Giấc mơ của chúng ta không theo một trình tự hay logic cụ thể nào cả; nó góp nhặt những mảnh vụn thừa thãi của mỗi ngày và thổi phồng lên hay làm biến dạng chúng đi, rồi sau đó trộn lẫn tất cả vào nhau cùng với một hỗn hợp bao gồm những khát khao lớn lao và những nhu cầu thể xác cơ bản nhất. Vì vậy, một người đang đói mơ thấy mình ngồi tại một bàn ăn nhưng chẳng thể ăn, một người đang lạnh mơ thấy mình ở Bắc Cực mà không có một manh áo khoác, một người vừa bị xúc phạm lại mơ thấy mình trở thành một chiến binh khát máu.

Còn cháu, cháu thường mơ thấy gì ở cái xứ sở đầy những xương rồng và cao bồi đó? Bà muốn biết lắm. Hẳn là đôi khi bà cũng được hiện diện nhỉ, trong trang phục của một người đàn bà da đỏ chẳng hạn? Chắc cũng có Buck nữa, được cải trang dưới lớp sồi đồng cỏ chẳng? Cháu có nhớ nhà không? Có nghĩ đến ta và Buck chứ?

Cháu biết không, tối qua lúc đang ngồi đọc sách trên ghế bành, bỗng nhiên bà nghe có tiếng động đều đều ở trong phòng. Bà ngẩng lên và thấy Buck đang ngủ mà đuôi cứ đập nhẹ nhẹ trên sàn. Gương mặt cậu ta trông hạnh phúc làm sao và bà chắc chắn rằng cu cậu đang mơ về cháu. Có lẽ cậu ta mơ thấy cháu đã trở về và đang hân hoan chào đón cháu, hay cũng có thể là cậu ta nhớ đến lúc cả hai đi dạo vui vẻ bên nhau trước đây. Chó rất biết cách hòa hợp theo xúc cảm của con người, chúng sống với chúng ta từ rất lâu, ngay từ thời điểm nào ta không biết rõ, và vì vậy mà cả hai dần dần trở nên bình đẳng như nhau. Đó là lý do mà nhiều người căm ghét chó. Họ thấy



quá nhiều khía cạnh của chính họ được phản chiếu trong ánh mắt dịu dàng, đầy tuân phục của những con chó, những khía cạnh mà họ không hề muốn biết. Buck thường mơ về cháu trong mấy ngày nay. Nhưng bà thì không thể mơ được, hay có lẽ là bà đã mơ nhưng rồi chẳng nhớ.

Khi bà còn bé, một bác gái mới lâm cảnh góa bụa có sống cùng với gia đình bà một thời gian. Bác ấy là một người cực kỳ duy linh và cứ mỗi lần trốn khỏi tầm mắt của bố mẹ bà, bà và bác ấy lại nấp vào trong góc tối và bác ấy dạy bà nhiều điều về năng lực siêu thường của trí não con người. “Nếu cháu muốn liên lạc với ai đó ở thật xa,” bác ấy nói, “cháu phải áp tấm ảnh của họ lên lòng bàn tay, bước ba bước theo hình chữ thập và nói ‘Tôi đây, tôi ở đây.’” Theo bác ấy, làm như vậy bà sẽ có khả năng thần giao cách cảm với người mình lựa chọn.

Chiều nay bà đã làm như vậy trước khi bắt đầu viết. Lúc đó khoảng năm giờ chiều, chắc ở bên ấy đang là buổi sáng. Cháu có nhìn thấy bà không? Hay nghe thấy bà chứ? Bà thấy cháu tại một trong những quán bar tràn ngập ánh đèn và sàn gạch rục rỡ cùng nhiều người đang ăn sandwich kẹp thịt. Đó là một đám đông lớn đầy màu sắc nhưng bà nhận ra cháu ngay vì cháu mặc chiếc áo len có hình những con hươu xanh đỏ, chiếc áo cuối cùng mà bà đã đan cho cháu. Thế nhưng mọi thứ đã diễn ra quá nhanh, những hình ảnh chỉ thoáng vụt qua như ta hay thấy trong các bộ phim trên tivi cho nên bà không kịp nhìn thấy điều gì biểu lộ trong đôi mắt cháu. Cháu có vui không? Hơn tất cả mọi thứ trên đời, đó là điều bà quan tâm nhất.

Cháu còn nhớ chúng ta đã bàn luận bao nhiêu lần về việc liệu bà có phải trả tiền cho cháu đi du học không? Cháu khẳng định rằng việc đi nước ngoài là hoàn toàn cần thiết cho cháu, tri thức của cháu sẽ không được phát triển nếu không thoát ra khỏi cái không khí ngột ngạt ở nơi cháu đã được nuôi nấng và dạy dỗ này. Cháu chỉ vừa mới tốt nghiệp trung học và đang dò dẫm trong bóng tối để biết mình muốn làm gì khi trưởng thành. Lúc còn bé, cháu có biết bao niềm đam mê: cháu muốn trở thành một bác sĩ thú y, một nhà thám hiểm, hay là một bác sĩ chăm sóc cho những trẻ em nghèo. Bỗng dưng mọi hoài bão ấy tan biến đi như mây khói. Lòng độ lượng cháu dành

cho người khác trong những năm tháng đầu đời dần dần thu hẹp lại khi thời gian trôi qua; chỉ trong thoáng chốc, sự thôi thúc mãnh liệt đầy nhân từ và lòng trắc ẩn bên trong cháu đã biến thành nỗi yếm thế, xa cách và cháu luôn bị ám ảnh rằng mình sẽ có một số phận đầy bất hạnh. Đôi khi có tin tức về một chuyện độc ác nào đó trên tivi, cháu lại cười cợt bà vì đã cảm thấy sốc hay đồng cảm với người ta. “Làm sao một chuyện như vậy có thể làm bà ngạc nhiên ở cái tuổi này chứ?” cháu đã nói như thế đấy. “Bà vẫn chưa nhận ra à? Chính những quy luật đào thải tự nhiên thống trị thế giới này!”

Lúc đầu, những lời nhận xét như vậy làm bà ghệt thở, cứ như thể là đang có một con quái vật đang ngồi ngay bên cạnh bà vậy. Bà trừng mắt nhìn cháu và tự hỏi cháu từ đâu tới, đó có phải là những gì bà đã làm gương cho cháu học tập không? Tuy nhiên, bà không bao giờ trả lời cháu vì bà cảm nhận rằng thời gian cho đối thoại đã chấm dứt, dù bà có nói gì đi chăng nữa thì cũng chỉ dẫn đến một cuộc đấu khẩu mà thôi. Một mặt bà e ngại vì tính mình yếu đuối, bà cũng sợ phải lãng phí sức mạnh của mình nữa, còn mặt khác, bà cảm thấy thứ mà cháu mong muốn chỉ là một cuộc đối đầu trực diện, và cứ thế, những cuộc đối đầu khác sẽ tuần tự nối chân nhau, cái sau càng dữ dội hơn cái trước. Bà có thể cảm thấy nguồn năng lượng sôi sục bùng nổ đằng sau những lời lẽ của cháu, một nguồn năng lượng đầy ngạo mạn khó có thể kiềm chế được và luôn sẵn sàng bùng nổ. Khi đó bà chỉ dàn xếp mọi chuyện thật hòa nhã và giả vờ thờ ơ trước sự tấn công của cháu, còn cháu buộc phải tìm ra những cách khác để thỏa mãn chính mình.

Đó là lúc cháu dọa sẽ bỏ đi thật xa, sẽ biến mất khỏi cuộc đời bà mà không để lại bất kỳ dấu tích nào. Có lẽ cháu đã mong muốn bà hành động như một cụ bà tuyệt vọng, nhún nhường van xin cháu ở lại. Và khi bà nói rằng việc cháu ra đi là một ý kiến hay, cháu bắt đầu nao núng, như thể một con rắn đang ngóc đầu và nhe nanh sẵn sàng tấn công bỗng dưng nhận ra chẳng có đối tượng nào để nó phun nọc độc cả. Thế là cháu bắt đầu thương lượng, cháu đưa ra hàng tá kế hoạch rất đổi mơ hồ, cuối cùng cho đến một ngày lúc uống cà phê, cháu đã thông báo với bà bằng một giọng tự tin mới mẻ, “Cháu sẽ sang Mỹ.”

Bà đón chào quyết định này như những người khác, với sự quan tâm thân thiện. Bà không muốn sự cho phép của mình sẽ đẩy cháu đi đến những quyết định vội vã mà cháu chưa hoàn toàn chắc chắn. Trong những tuần sau đó cháu liên tục nói về ý tưởng đi đến Mỹ. “Nếu cháu ở đó một năm,” cháu nhắc đi nhắc lại, “ít nhất cháu sẽ học được một ngoại ngữ và cháu không lãng phí thời gian.” Bà làm cho cháu phát cáu lên khi chỉ ra rằng chẳng có gì sai trái khi lãng phí thời gian cả, và rồi cơn tức giận của cháu đã lên đến đỉnh điểm khi bà tuyên bố cuộc đời này không phải là một cuộc đua mà là tập bản: tiết kiệm thời gian chẳng cần thiết, điều quan trọng là khả năng bắn trúng đích cơ. Cháu liền lấy tay gạt hai chiếc ly bay ra khỏi bàn và òa khóc tức tưởi. “Bà ngốc lắm,” cháu đã nói như thế và úp mặt vào hai tay. “Bà ngốc lắm. Bà không hiểu đó mới là thứ cháu cần à?” Suốt mấy tuần sau chúng ta như thể hai binh sĩ vừa mới chôn một quả mìn dưới cánh đồng và rất cẩn thận để khỏi phải giẫm chân lên nó. Chúng ta đều biết nó ở đâu, nó là cái gì và cứ thế tránh ra xa, giả vờ rằng thứ ta sợ chỉ là một cái gì đó khác. Cuối cùng nó nổ tung và cháu rưng rức khóc, nói rằng cháu không hiểu bất cứ thứ gì. Cháu sẽ không bao giờ hiểu đâu cháu ạ, rằng bà đã cố gắng hết mức có thể để che giấu sự hoang mang tội độ của mình. Mẹ cháu, cách nó đã làm để có cháu trên đời, cái chết của nó - bà đã chẳng hé miệng kể cho cháu bất cứ điều gì về những chuyện đó cả. Chính sự im lặng của bà làm cho cháu tin rằng những thứ như vậy không ảnh hưởng tới bà và chúng không quan trọng. Nhưng mẹ cháu là con gái của bà - có lẽ cháu chưa bao giờ suy nghĩ về điều đó. Hoặc có thể là cháu đã suy nghĩ nhưng thay vì nói ra, cháu chỉ giữ kín trong lòng. Cũng như thế mà đôi khi bà không thể lý giải được cái cách cháu nhìn bà hay những lời cay đắng cháu thốt ra. Cháu không nhớ gì về mẹ của cháu, nơi mà đáng lý mẹ cháu sẽ ở đó chỉ là một khoảng trống; cháu vẫn còn quá nhỏ khi mẹ cháu ra đi. Nhưng bà có tới ba mươi ba năm tròn ký ức, ba mươi ba năm cộng với chín tháng mang nặng đẻ đau ra mẹ cháu.

Làm sao cháu có thể nghĩ là bà dừng dừng với tất cả mọi chuyện chứ?

Tính nhút nhát và cả sự ích kỷ chính là lý do bà chẳng bao giờ nhắc đến những chuyện này. Bà e ngại phải nói về mẹ cháu vì như thế sẽ không thể

tránh khỏi việc phải nói về chính bản thân và những tội lỗi của mình, cả những việc có thật hay chỉ là đồn thổi; và bà đã ích kỷ vì hy vọng rằng tình yêu thương của mình có thể đủ lớn để khóa lấp sự thiếu vắng của mẹ cháu, cũng như đủ lớn để ngăn cháu không nhớ mẹ và hỏi bà, “Ai là mẹ của cháu, tại sao mẹ cháu mất hờ bà?”

Khi cháu còn bé, bà cháu mình đã hạnh phúc biết nhường nào. Trái tim bé bỏng của cháu tràn ngập hạnh phúc, một niềm hạnh phúc không hề nông cạn. Bóng dáng của những suy nghĩ nghiêm túc luôn nằm đợi trong đầu cháu, và cháu có thể vừa mới cười vui đầy thôi bỗng chốc im lặng đến không ngờ. “Cái gì vậy cháu, cháu đang nghĩ gì thế?” bà đã hỏi và cháu đáp lại cứ như thể là đang nói về buổi ăn xế của mình, “Cháu tự hỏi liệu bầu trời sẽ kết thúc hay cứ kéo dài vô tận bà nhỉ?” Bà tự hào biết bao khi cháu của bà như thế, sự nhạy cảm của cháu cũng giống như bà vậy, và bà không thấy bất kỳ khoảng cách nào ở giữa hai chúng ta: chúng ta là bạn bè và cũng là những người thân thiết nhất. Lúc ấy bà có một ảo tưởng – và chính bà luôn ấp ủ ảo tưởng đó – rằng những điều như vậy sẽ trường tồn. Nhưng chẳng may là không phải lúc nào chúng ta cũng được treo lơ lửng trong những bong bóng xà phòng và tung bay hân hoan trong không khí; cuộc sống của chúng ta có hai giai đoạn trước và sau, chính điều này đã nhốt chúng ta lại trong một chiếc bẫy và phủ quanh chúng ta bằng một tấm lưới. Người ta hay nói rằng “Đời cha ăn mặn, đời con khát nước.” Điều này đúng, tuyệt đối đúng, đời cha ăn mặn đời con khát nước, đời ông ăn mặn đời cháu khát nước, đời cụ ăn mặn đời chắt khát nước. Có những sự thật giải thoát cho ta, nhưng cũng có những sự thật làm ta khiếp sợ: điều này rơi vào vế thứ hai. Đường dây tội lỗi có ngọn nguồn từ đâu? Từ Cain<sup>u</sup> à? Ta phải quay ngược trở lại xa đến thế sao? Có điều gì ẩn sau tất cả những chuyện thế này? Có lần bà đọc được trong một cuốn sách triết học Ấn Độ rằng số phận là không thể tránh khỏi và tự do ý chí chỉ là ảo tưởng. Sau khi đọc xong điều này, bà cảm thấy bình an vô cùng.

Thế nhưng ngay ngày hôm sau, khi đọc thêm một số trang nữa, bà biết rằng số phận chẳng là gì khác ngoài chính kết quả của những hành động

trong tiền kiếp của chúng ta, chính bàn tay chúng ta đã tạo nên vận mệnh của mình. Vì vậy mà bà quay trở lại với điều mình nghi vấn lúc đầu. Đây là chiếc chìa khóa của mọi sự việc? Bà tự hỏi. Chọn sợi nào để tháo gỡ cả cuộn chỉ đây? Mà đó có phải là chỉ không, hay là thứ gì chắc chắn hơn thế nữa? Liệu chúng ta có thể cắt đứt hoặc bẻ gãy nó, hay sẽ bị nó trói buộc mãi mãi?

Thôi, bà phải dừng đây, đầu óc bà không còn như trước nữa rồi. Dĩ nhiên là những ý tưởng vẫn còn đấy, và lối suy nghĩ của bà không hề thay đổi, chỉ có điều là bà không còn gắng lâu được. Bà đang mệt và đầu óc cứ quay cuồng như những lúc cố đọc sách triết học lúc bà còn trẻ. Sự tồn tại, không tồn tại, và tính nội tại – chỉ một vài trang là bà choáng váng như thể chúng ta đi xe buýt lên trên núi. Giờ bà phải tạm biệt cháu thôi. Có lẽ bà sẽ vào phòng khách và lại làm cho mình mù mẫn trước cái hộp tivi bé con con đáng yêu mà cũng đáng ghét ấy.

## ***Ngày 20 tháng Mười Một***

Chúng ta lại được trò chuyện cùng nhau, cũng đã đến ngày thứ ba rồi nhỉ. Hay chính xác là lần thứ ba sau bốn ngày. Hôm qua bà mệt đến nỗi không thể đọc chứ nói gì là viết. Vì cảm thấy bồn chồn không yên và chẳng biết phải làm gì nên cả ngày bà chỉ quanh quẩn trong nhà và khu vườn. Không khí thật dễ chịu, và suốt khoảng thời gian ấm áp nhất trong ngày, bà ra ngồi trên chiếc ghế dài cạnh cây đầu xuân<sup>[2]</sup>. Xung quanh bà, bãi cỏ và những luống hoa cực kỳ bừa bộn. Trông thấy chúng, bà lại nhớ đến lần tranh cãi của chúng ta về lá rụng ở ngoài vườn. Lúc nào ấy nhỉ? Năm ngoái chăng? Hay năm kia? Bà bị chứng viêm cuống phổi kéo dài không dứt và cứ thế lá cây chất đống trên bãi cỏ, những cơn gió xoáy tung chúng lên và thổi bay rải rác khắp vườn. Lúc đứng sau cửa sổ nhìn chăm chăm ra ngoài – bầu trời tối sầm và khu vườn trông như bị bỏ hoang - một nỗi buồn vô hạn đã bao phủ lấy bà. Sau đó, bà đi vào phòng cháu khi cháu đang nằm dài trên giường, hai tai dính chặt với tai nghe. Bà bảo cháu hãy làm ơn cào lá rụng đi. Bà phải lặp đi lặp lại đến mấy lần, càng lúc càng to hơn cho đến lúc cháu nghe thấy mới thôi. Thế rồi cháu chỉ nhún vai nói, “Để làm gì chứ? Chẳng ai dọn lá rụng ngoài tự nhiên cả, chúng nằm đó và cứ thế mục rữa thôi mà.” Tự nhiên là đồng minh vĩ đại của cháu trong những ngày ấy, chính các quy luật bất biến của tự nhiên đã giúp cháu biện hộ cho mọi hành động của mình. Thay vì giải thích cho cháu hiểu một khu vườn chính là sự thuần hóa tự nhiên, một con chó hoang muốn ngày càng trở nên giống chủ thì cần phải có sự chăm sóc liên tục như một con chó thực thụ, bà chỉ lui về phòng khách mà không nói thêm lời nào. Một lát sau, khi đi ra tủ lạnh, cháu thấy bà khóc nhưng chẳng thém để ý. Bẵng đi một lúc cháu mới xuất hiện trở lại và hỏi, “Bữa tối có gì?” Vì thấy bà vẫn còn ngồi khóc ở đó nên cháu xuống bếp và bắt đầu lục tung hết cả lên. “Bà muốn gì,” cháu la to khắp cả nhà, “bánh

pudding chocolate hay là trứng omelet?” Vì biết lúc ấy bà đang quá tức giận cho nên cháu mới cố gắng hết sức để đối xử tốt với bà. Buổi sáng hôm sau, khi mở mấy cánh cửa chớp bà thấy cháu mặc chiếc áo mưa bằng vải dầu màu vàng đang cào lá rụng trên bãi cỏ dưới trời mưa như trút nước. Khoảng chín giờ cháu vào nhà và bà giả vờ như không biết chuyện gì đã xảy ra; bà biết cháu ghét cay ghét đắng chính cái tính hay mũi lòng của mình.

Khi nhìn những luống hoa xơ xác sáng nay, bà thấy lòng nặng trĩu và nghĩ rằng cần phải gọi ai đó để cứu vãn tình trạng nhếch nhác đã xảy ra khi bà ốm. Thật ra bà đã nghĩ tới điều này khi vừa rời bệnh viện nhưng chưa thực sự quyết định tiến hành. Năm tháng trôi qua và bà ngày càng có tâm lý muốn sở hữu khu vườn cho riêng mình, bà không cho bất cứ ai tưới những khóm hoa thực được hay ngắt những chiếc lá úa. Thật lạ lùng, bởi vì lúc còn con gái, bà chán ngấy những công việc vô tích sự này. Có một khu vườn nào phải là một đặc ân, đó chỉ là việc vất vả thôi. Tất cả những gì bà phải làm là chẳng thèm để ý trong một hai ngày, và sau đó những trật tự mà bà đã chịu khó để đạt được phải nhường chỗ cho sự bừa bộn – bừa bộn làm bà khó chịu nhất trên đời. Bên trong bà không có sự tập trung cũng như không có một trọng tâm nào, và bà không thể chịu nổi khi thấy nội tâm của mình phản chiếu lên thế giới bên ngoài. Lẽ ra bà phải nhớ điều này khi bảo cháu đi cào lá rụng ở ngoài vườn!

Sợi dây kết nối giữa chúng ta với ngôi nhà và đồ đạc bên trong hay những thứ xung quanh nó là một điều ta chỉ có thể hiểu tường tận khi tới một lứa tuổi nhất định nào đấy. Bước qua tuổi sáu mươi hay bảy mươi, bỗng nhiên ta thấy ngôi nhà và khu vườn không còn đơn thuần là một ngôi nhà hay khu vườn mà ta sống một cách ngẫu nhiên, vì tiện nghi hay vì chúng quá đẹp; đó là ngôi nhà và khu vườn của ta, chúng thuộc về ta như chiếc vỏ thuộc về một con hào sống bên trong nó. Tất cả những gì ta tích trữ bấy lâu đã hình thành nên chiếc vỏ ấy, ký ức của chúng ta đã được khắc lên thành những vân hình xoắn ốc, chiếc vỏ - ngôi nhà bao bọc lấy chúng ta, và có lẽ sự hiện diện của ta cùng với bao cay đắng và ngọt bùi sẽ mãi mãi tồn tại ở đó ngay cả sau khi ta chết.

Tối hôm qua bà không muốn đọc nên đã xem tivi. Hay chính xác là nghe tivi, vì trong vòng nửa tiếng là bà đã mơ màng ngủ. Bà chỉ nghe tiếng được tiếng mất như những lúc ta nửa tỉnh nửa mơ nghe loáng thoáng vài câu chuyện của hành khách trên tàu. Đó là một chương trình về các giáo phái hiện đại. Các phóng viên đã phỏng vấn hàng loạt những người sùng đạo, vài người chân thật, vài kẻ xạo sự, và tất cả họ đều huyền thuyên tràng giang đại hải. Bà liên tục nghe thấy từ nghiệp chướng, và nó làm bà nghĩ tới giáo sư triết học của bà ở trường trung học.

Thầy còn trẻ và có vẻ không theo bất kỳ tôn giáo nào vào thời điểm đó. Khi giảng dạy về Schopenhauer, thầy có nói một chút về các trường phái triết học Á Đông và từ đó giới thiệu quan niệm về nghiệp chướng. Lúc ấy bà không chú tâm lắm, từ ngữ và ý nghĩa của nó cứ chạy vào tai này rồi lọt qua tai kia. Qua nhiều năm, trong đầu bà vẫn còn loáng thoáng một ý niệm mơ hồ rằng nghiệp chướng có liên quan đến luật vay trả, ăn miếng trả miếng, gieo gió gặt bão hay đại loại thế. Bà đã không hề nghĩ đến nghiệp chướng hay những gì liên quan tới nó cho đến khi cô hiệu trưởng trường mầm non gọi bà đến để bàn luận về hành vi kỳ lạ của cháu. Cháu đã làm náo động cả trường! Trong giờ kể chuyện, chẳng hiểu vì sao cháu lại bắt đầu kể về kiếp trước của cháu. Lúc đầu các giáo viên nghĩ rằng đó chỉ là hành động trẻ con còn sót lại bên trong cháu. Họ cố không cho rằng câu chuyện ấy là quan trọng cũng như ra sức đưa cháu vào thế bí. Nhưng cháu đã không hề mắc bẫy, thậm chí cháu còn nói một thứ tiếng nước ngoài mà chưa ai nghe thấy bao giờ. Khi việc đó xảy ra đến lần thứ ba, cô hiệu trưởng đã mời bà đến văn phòng. Cô ta khuyên rằng bà cần đưa cháu đến một chuyên gia tâm lý chuyên điều trị trẻ em để giúp ích cho cháu và cả tương lai của cháu sau này. “Cô bé bị tổn thương,” cô ta nói, “việc cư xử như vậy là tất yếu, cô bé chỉ cố gắng để thoát khỏi thực tại.” Lẽ dĩ nhiên là bà không bao giờ đưa cháu đến chuyên gia tâm lý nào cả. Đối với bà, cháu là một đứa trẻ vui tươi, bà nhất định tin rằng những tưởng tượng kỳ lạ của cháu không bắt nguồn từ hiện tại u buồn mà bởi vì những nguyên nhân hoàn toàn khác. Bà chưa bao giờ buộc cháu phải nói về những chuyện đã xảy ra, và cháu cũng không cảm thấy cần nhắc lại chúng. Có thể là những câu chuyện làm khiếp vía các giáo viên ở



trường đã biến mất khỏi ký ức của cháu đúng vào cái ngày cháu kể cho họ nghe.

Bà có cảm tưởng rằng việc thảo luận những vấn đề tương tự như vậy đang là một trong những năm gần đây. Lúc xưa, các chủ đề này thường rất hiếm, thế mà giờ đây chúng đã trở thành câu chuyện cửa miệng của mọi người. Dạo trước bà đọc một tờ báo nói rằng ở Mỹ thậm chí còn có những nhóm người biết về tiền kiếp. Họ gặp nhau và nói về cuộc sống của họ ở kiếp trước. Vì vậy mà một bà nội trợ có thể nói rằng, “Tôi là một ả gái điếm ở New Orleans vào thế kỷ mười chín cho nên tôi không thể chung thủy với chồng mình được.” Hay một nhân viên làm việc ở trạm xăng bào chữa cho tính phân biệt chủng tộc của mình rằng một bộ lạc da đen đã ăn tươi nuốt sống anh ta trong một chuyến thám hiểm vào thế kỷ mười sáu. Những lời biện hộ phi lý! Vì mất đi cội nguồn văn hóa nên họ mới tạo dựng nên tiền kiếp để vá vúi thực tại bất định và u ám của chính mình. Nếu những vòng đời thực sự có ý nghĩa thì bà chắc chắn rằng nó sẽ khác chứ không phải như thế này.

Sau vụ việc ở trường mầm non, bà mua vài cuốn sách với hy vọng rằng chúng có thể sẽ giúp bà hiểu cháu tốt hơn. Một trong những bài tiểu luận viết rằng trẻ em có thể nhớ chi tiết về tiền kiếp thường là những đứa bé đã chết non hay chết vì bạo lực. Những ám ảnh của cháu như ống ga bị rò rỉ hay tất cả những thứ có thể nổ tung trong phút chốc không thể được giải thích bằng bất kỳ trải nghiệm nào trong thời thơ ấu của cháu, và chính vì vậy mà bà sẵn sàng lý giải mọi chuyện như sau. Khi cháu mệt, lo lắng hay ngủ say, cháu trở thành nạn nhân của những nỗi sợ hãi rất phi lý. Không phải ông ba bị, phù thủy hay ma sói làm cho cháu khiếp đảm, cháu chỉ sợ rằng toàn vũ trụ có thể sẽ đột ngột bị nổ tung. Một vài lần đầu, cháu xuất hiện trong phòng bà vào lúc nửa đêm, sợ hãi đến tột độ và bà thức dậy vỗ về cháu rồi đưa cháu trở lại giường. Cháu nằm đó, nắm chặt tay bà và đòi bà kể một câu chuyện với kết thúc có hậu. Để đảm bảo rằng bà không nói điều gì trái ý, trước tiên cháu mô tả chính xác điều cháu muốn câu chuyện sẽ xảy ra, và cứ thế bà không làm gì cả ngoài việc lặp lại từng từ một theo hướng dẫn của cháu. Bà kể câu chuyện một lần, hai lần và đến lần thứ ba, khi chắc chắn là

cháu đã bình tâm trở lại, bà quay về phòng mà vẫn còn nghe tiếng cháu lí nhí ngái ngủ hỏi bà, “Chuyện xảy ra như vậy hở bà? Có thật là nó luôn kết thúc như thế không?”

Nhưng vào những đêm khác, dù tin rằng việc cho trẻ con ngủ cùng với người lớn là không tốt, bà không nở lòng nào đưa cháu về giường. Khi cảm nhận sự hiện diện của cháu kể bên chiếc bàn con, bà vẫn nằm đó, không xoay lưng lại và trấn an cháu, “Mọi thứ sẽ ổn thôi, không có gì nổ tung đâu, cháu cứ trở về phòng đi.” Rồi giả vờ ngủ thật say. Sau đó bà nghe tiếng thở nhè nhẹ khi cháu vẫn đứng yên đó một lúc, rồi chiếc giường khê cọt kẹt và cháu nằm xích vào gần bà, ngủ mệt nhoài như một con chuột cuối cùng cũng trở về được với hang ổ an toàn của mình sau khi một chuyện khủng khiếp xảy ra. Tờ mờ sáng hôm sau, để cháu không nhận ra, bà bế cháu trên tay và đưa cháu trở về phòng, lúc ấy người cháu ấm như một lát bánh mì nướng và vẫn còn say ngủ. Khi thức dậy, cháu hầu như không nhớ gì và luôn tin chắc rằng mình đã ngủ cả đêm trên chiếc giường của mình.

Ngày hôm đó bà đã nhẹ nhàng trò chuyện với cháu về những hoảng loạn đang dày vò cháu. “Cháu không thấy ngôi nhà của mình chắc chắn thế nào ư?” bà nói thế. “Nhìn những bức tường dày này, làm sao chúng có thể nổ tung được chứ?” Nhưng tất cả những nỗ lực nhằm trấn an cháu đều vô ích, cháu vẫn liên tục nhìn trừng trừng vào khoảng trống trước mắt và lặp đi lặp lại, “Mọi thứ có thể nổ tung.” Bà chưa bao giờ ngừng băn khoăn về nỗi khiếp sợ của cháu. Sự nổ tung ấy là gì? Có phải đó là ký ức về mẹ cháu, về bi kịch của một kết thúc đầy đột ngột của con gái bà? Có phải nó thuộc về kiếp sống mà cháu đã tình cờ miêu tả cho các cô giáo ở trường mầm non? Hay cả hai điều trên đã hòa lẫn vào nhau tại một góc khuất nào đấy trong trí nhớ của cháu? Ai có thể trả lời được bây giờ? Dù người ta có nói gì đi nữa, bà tin rằng vẫn còn nhiều điều bí ẩn về trí não của con người. Cuốn sách mà bà nhắc tới cũng nói rằng trẻ con với hồi ức về tiền kiếp có rất nhiều ở Ấn Độ và Á Đông, nơi quan niệm về sự luân hồi đã được truyền thống chấp nhận. Bà không có vấn đề gì để tin vào điều này cả. Nhưng hãy tưởng tượng điều gì sẽ xảy ra nếu bà chạy đến mẹ của mình và nói bằng một thứ tiếng lạ lùng không hề báo trước, hoặc là bà bảo rằng, “Con không chịu nổi mẹ nữa,

sống với mẹ ở kiếp trước tốt hơn biết bao nhiêu.” Cháu có thể biết chắc là bà ấy sẽ cho rằng bà bị quản trí mất rồi.

Có cách nào để tránh đi số mệnh mà môi trường sống và sự di truyền đã vận vào chúng ta? Bà cũng không biết nữa. Có lẽ tại một thời điểm nào đó trong chuỗi sợ hãi bị giam hãm trải qua nhiều thế hệ, một ai đó sẽ thành công trong việc phát hiện ra một nấc thang cao hơn chút đỉnh và ra sức bước lên bằng tất cả ý chí của mình. Chộp ngay cơ hội, đưa không khí tươi mát tràn ngập vào phòng – bà nghĩ đó chính là bí quyết nhỏ bé của những vòng đời. Nhỏ bé nhưng rất mệt mỏi và đáng sợ trong chính sự mơ hồ của nó.

Mẹ của bà lấy chồng năm mười sáu tuổi, và đến tuổi mười bảy thì sinh ra bà. Suốt thời thơ ấu – không, suốt cả cuộc đời – bà chưa bao giờ thấy bất cứ một cử chỉ âu yếm nào từ mẹ. Mẹ bà lấy chồng không phải vì tình yêu. Chẳng ai ép buộc bà ấy cả mà chính bà ấy làm điều đó, chủ yếu là vì bà ấy giàu có và thèm khát một tước hiệu danh giá cho dù mình là một người Do Thái cải đạo. Cha của bà là một người đàn ông lớn tuổi, một nam tước yêu âm nhạc đã say đắm với tài ca hát của mẹ bà. Sau khi có được con nối dõi theo yêu cầu của gia đình, họ sống những năm tháng còn lại của cuộc đời với những giận hờn và oán trách nhỏ nhen. Mẹ bà chết không nhắm mắt cùng với nỗi oán giận giữ khư khư trong lòng, và cả những sai lầm trong cuộc đời mà chính bà ấy chưa bao giờ nhận ra cũng đã bị chôn theo dưới nấm mồ. Bà khác xa mẹ mình, vì vậy mà đến năm lên bảy, lúc mà một đứa trẻ con đã biết đọc lập, bà không thể chịu nổi bà ấy nữa.

Bà phải chịu đựng mẹ mình rất nhiều. Bà ấy liên tục bị kích động, và lúc nào cũng chỉ vì những lý do vặt vãnh tầm thường. Luận điệu về sự “hoàn hảo” của mẹ làm bà cảm thấy mình thật tồi tệ, và cái giá bà phải trả là bị ghẻ lạnh và xa lánh. Lúc đầu bà cố gắng tìm mọi cách để có thể giống mẹ, nhưng tất cả mọi nỗ lực đều vụng về và dẫn đến những kết cục đầy thảm họa. Càng cố, bà càng cảm thấy khó chịu. Chối bỏ chính bản chất của mình sẽ dẫn đến tình trạng coi khinh bản thân, và từ đó đi đến sự oán giận chỉ trong gang tấc. Khi bà nhận thức được rằng tình thương của mẹ chỉ đơn thuần là vì thể diện, vì một ai đó mẹ muốn bà trở thành chứ không phải vì con người thật sự của

bà, bà bắt đầu ghét mẹ, nổi căm ghét chỉ biết giấu giếm trong căn phòng và trái tim nhỏ bé của bà.

Để chạy trốn khỏi những cảm giác này, bà ẩn náu trong thế giới của riêng mình. Mỗi đêm khi đi ngủ, bà quấn chiếc đèn bàn bằng một tấm vải để đọc các cuốn sách phiêu lưu đến tận tờ mờ sáng. Bà cũng rất hay mơ mộng viễn vông. Có một thời gian bà mơ mình trở thành hải tặc trên biển Đông, một hải tặc hết sức đặc biệt, chuyên lấy của cải cướp được từ kẻ giàu đem chia cho người nghèo. Những mơ mộng bất chính cuối cùng được thay thế bởi những tưởng tượng đầy vị tha. Bà nghĩ bà có thể sẽ trở thành một bác sĩ và đến Châu Phi để chăm sóc cho những em bé da đen nhỏ xíu. Nhưng sang mười bốn tuổi, bà đọc tiểu sử của Schliemann và biết rằng mình sẽ không bao giờ trở thành bác sĩ vì niềm đam mê thật sự của bà là khảo cổ học. Trong vô số các nghề nghiệp bà tưởng tượng ra, bà vẫn tin rằng đó chính là sự lựa chọn tốt nhất của mình.

Để thực hiện ước mơ, thực sự là bà đã đấu tranh lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng với cha bà: Bà muốn cha cho phép đến trường trung học để học các môn cổ điển. Cha bà trả lời rằng đó là một lời đề nghị phi lý, nếu bà muốn học thì chỉ nên học các ngôn ngữ hiện đại. Tuy nhiên, cuối cùng bà cũng được toại nguyện và rời trường cấp hai với thẳng lợi hoàn toàn. Nhưng bà chỉ tự lừa dối bản thân mình thôi. Sau khi học hết trung học, bà thông báo về ý định muốn học tại một trường đại học ở Rome. Cha bà đã phản ứng một cách đầy kiên quyết: “Ta không muốn nói chuyện đó,” và theo phong tục thời đó, bà chỉ tuân lệnh mà không hề cất một tiếng kêu ca. Những người trẻ tuổi thường nghĩ rằng chiến thắng trong một trận đấu có nghĩa là chiến thắng toàn cuộc; đó là một sai lầm. Giờ nghĩ lại về chuyện này, bà tin rằng sau rốt thì cha bà hẳn sẽ nhân nhượng nếu bà biết đấu tranh tới cùng. Sự từ chối thẳng thừng của ông ấy cũng giống như hệ thống giáo dục thời bấy giờ vậy. Không ai thật sự tin rằng bọn trẻ có thể tự ra quyết định cả. Kết quả là khi những người trẻ đưa ra suy nghĩ độc lập của mình, họ đều phải trải qua thử thách. Đối với cha mẹ bà, việc bà đầu hàng ngay từ trở ngại đầu tiên chính là bằng chứng rõ ràng rằng những gì bà muốn không phải là thiên hướng nghề nghiệp thực sự mà chỉ là những ý muốn nhất thời.

Với cha mẹ bà, con cái trước hết chỉ là trách nhiệm xã hội. Họ thờ ơ với sự phát triển bên trong của con trẻ, đồng thời cực kỳ nghiêm khắc với những cử chỉ sáo rỗng và khuôn phép bề ngoài. Bà phải ngồi thẳng lưng tại bàn ăn với hai khuỷu tay đặt sát bên sườn. Và cho dù đã làm như vậy thì việc ấy cũng chẳng có nghĩa lý gì khi tất cả mọi suy nghĩ của bà chỉ tập trung vào vấn đề làm thế nào để kết thúc cuộc đời một cách thiết thực nhất. Thể diện mới là quan trọng, còn những thứ khác chỉ là con số không.

Và chính vì vậy mà bà lớn lên với cảm giác rằng mình giống một con vượn người cần được huấn luyện cẩn thận chứ không phải là một con người thật sự với bao niềm vui cùng những thất vọng và khao khát được yêu thương. Sự bất mãn sớm muộn rồi cũng dẫn đến nỗi cô đơn cùng cực, một nỗi cô đơn lớn dần lên và bao phủ quanh ta như một khoảng chân không, và ta chậm chạp, vụng về, vẫy vùng trong đó như một tay thợ lặn ngờ nghệch.

Nỗi cô đơn còn xuất phát từ những câu hỏi bà tự đặt ra mà không có lời giải đáp. Mới năm hay sáu tuổi đầu bà đã nhìn xung quanh và tự hỏi tại sao mình lại ở đây? Mình từ đâu đến, những thứ xung quanh từ đâu đến, cái gì ở đằng sau tất cả, có phải mọi thứ đã có mặt trước khi mình được sinh ra, và liệu chúng sẽ tồn tại mãi mãi? Bà đã đặt ra tất cả những câu hỏi mà bất kỳ đứa trẻ nhạy cảm nào cũng tò mò khi chúng bắt đầu nhìn thấy sự phức tạp của thế giới xung quanh. Bà tin chắc rằng người lớn cũng đặt ra những câu hỏi như vậy, và dần dần họ sẽ có lời giải đáp. Tuy nhiên, sau hai, ba lần hỏi mẹ và vú nuôi, bà vỡ lẽ rằng họ chẳng những không biết câu trả lời mà những câu hỏi ấy còn chưa bao giờ xuất hiện trong đầu họ.

Cháu có thể hiểu bởi vì vậy mà cảm giác bị xa lánh của bà ngày càng tăng lên. Bà phải tự mình giải quyết mọi vấn đề mà không có ai giúp đỡ. Mỗi ngày trôi qua, những băn khoăn về mọi thứ xung quanh càng chồng chất, những câu hỏi cứ lớn dần lên và ngày càng đáng sợ, chỉ cần nghĩ đến chúng là đã thấy ghê người.

Lần đầu tiên bà đối diện với cái chết là lúc sáu tuổi. Cha bà có nuôi một con chó săn tên Argus, nó rất điềm đạm, đáng yêu và lập tức trở thành người bạn thân thiết nhất của bà. Bà dành cả những buổi chiều để chơi với cậu ta

trò ăn bánh bìn-trộn-cỏ hay thỉnh thoảng đóng vai một người thợ uốn tóc còn cậu ấy là khách hàng, kết quả là Argus đi loanh quanh khắp vườn với những chiếc cặp tóc trang trí đeo lưng lẳng trên tai mà không một tiếng phàn nàn. Nhưng rồi đến một ngày, khi bà thử một kiểu tóc mới thì phát hiện ra một khối u ở cổ họng của cậu ta. Vài tuần sau, cu cậu không chạy nhảy như trước nữa, thậm chí còn chẳng buồn đứng trước mặt bà tỏ vẻ thèm thường khi bà đang nhâm nhi quả vặt.

Vào một buổi sáng nọ, bà đi học về và không thấy Argus đứng đợi ở ngoài cổng nữa. Lúc đầu bà cứ nghĩ là cu cậu đi đâu đó với cha bà. Nhưng lúc nhìn thấy cha đang chăm tĩn làm việc mà không có cậu ấy nằm dưới chân, bà cảm thấy lo lắng vô cùng. Bà chạy ra ngoài và khản cổ gọi tên cậu khắp vườn, rồi vào nhà và lục tung mọi góc ngách đến hai ba lần. Tối hôm đó, khi đến chỗ cha mẹ để hôn chúc ngủ ngon như thông lệ, bà lấy hết can đảm để hỏi cha, “Argus đâu ạ?” “Argus,” cha nói mà không liếc mắt khỏi tờ báo, “Argus đi mất rồi.” “Nhưng tại sao ạ?” bà hỏi. “Bởi vì nó đã phát mệt với mấy cái trò của con.”

Vô tâm? Hời hợt? Tàn ác? Câu trả lời kiểu gì vậy chứ? Lúc nghe thấy những lời lẽ ấy, bà cảm thấy có điều gì đó đổ vỡ trong lòng. Ban đêm bà không thể ngủ, còn ban ngày thì bất cứ chuyện nhỏ nhặt gì cũng đủ làm bà khóc nức nở. Sau một hay hai tháng gì đó, một bác sĩ nhi khoa đã được mời tới. “Cô bé bị kiệt sức,” ông ta nói và đưa cho bà hàng tá thuốc dầu gan cá. Không ai hỏi tại sao bà không ngủ được hay tại sao lúc nào bà cũng cầm theo quả banh đã bị gặm nát bươm của Argus.

Theo tính toán của bà thì chính sự kiện này đã đánh dấu thời điểm bà bước vào thế giới của người lớn. Vào lúc sáu tuổi? Đúng thế, vào lúc sáu tuổi. Argus ra đi vì bà đã từng là một cô bé tồi, chính vì vậy mà mọi cư xử của bà không còn được bình thường nữa; nó ảnh hưởng tới mọi thứ xung quanh, nó phá hủy mọi thứ, nó làm cho tất cả đều tan thành mây khói.

Vì sợ sẽ gây ra một sai lầm khác, dần dần bà trở nên lãnh đạm, hay do dự và kém năng động hẳn. Mỗi đêm bà nắm chặt quả banh trong tay và thút thít khóc, “Argus, làm ơn trở về đi, dù có làm gì sai thì tớ vẫn yêu cậu hơn tất cả

mọi thứ mà.” Khi cha bà mang về nhà một con chó con khác, bà thậm chí chẳng thèm nhìn nó. Bà muốn nó cứ ở yên đó, cái đồ xa lạ!

Đạo đức giả đã thống trị luôn cách nuôi dạy con cái vào thời kỳ đó. Bà còn nhớ rõ một ngày nọ khi đi dạo với cha, bà nhìn thấy một con chim cổ đỏ nằm chết dưới bờ giậu. Bà không ngại ngần cầm nó lên và đưa cho cha. “Bỏ xuống!” cha bà hét lên. “Con không thấy nó đang ngủ à?” Cái chết, cũng như tình yêu, là những đề tài không được đề cập tới. Có phải mọi chuyện đã tốt hơn gấp nghìn lần khi cha mẹ nói với bà rằng Argus đã chết? Đáng lẽ cha phải bế bà trên tay và thủ thỉ, “Argus bị ốm, cha buộc phải giết để giải thoát cậu ta khỏi đau đớn. Giờ thì cậu ấy đang ở một nơi hạnh phúc hơn rồi con ạ.” Dĩ nhiên là bà sẽ khóc dữ hơn, sẽ đau buồn khôn nguôi, sẽ đến thăm mộ cậu ấy, sẽ liên tục trò chuyện không ngớt với cậu ấy ở dưới ba tấc đất. Nhưng rồi sau đó, dù có chậm rãi nhưng chắc chắn là bà sẽ bắt đầu quên đi, sẽ có những niềm đam mê mới, và Argus sẽ chỉ còn là một ký ức tận sâu trong tâm trí, một ký ức đáng yêu của thuở ấu thơ. Thay vào đó, Argus đã trở thành một điều chết chóc nhỏ nhoi bà vẫn mang nặng trong lòng.

Đó là lý do vì sao bà nói rằng mình đã trưởng thành vào lúc sáu tuổi, bởi vì các thú vui ở lứa tuổi ấy đã bị thay thế bằng những nỗi lo âu, và sự tò mò trẻ con của bà đã nhường chỗ cho sự thờ ơ, lãnh cảm. Có phải cha mẹ của bà là những con người tàn bạo? Không, hoàn toàn không. Vào thời điểm ấy, họ tuyệt đối bình thường.

Đến lúc về già mẹ bà mới bắt đầu kể vài câu chuyện về thời thơ ấu của mình. Bà ngoại của bà đã chết khi mẹ bà vẫn còn là một cô bé. Trước đó, một người anh của mẹ bà cũng đã chết vì chứng viêm phổi khi mới lên ba. Mẹ của bà được sinh ra không lâu sau đó và vương phải nỗi bất hạnh cùng cực khi đã mang phận gái mà còn chào đời vào đúng ngày giỗ của anh trai. Để nhắc nhở về sự trùng hợp đầy đau thương này, mẹ của bà phải mặc áo tang ngay trước khi cai sữa. Phía trên chiếc nôi của bà ấy có treo một bức chân dung của anh trai bằng sơn dầu to lù lù; và mỗi khi mẹ bà mở mắt, nó lại nhắc nhở rằng bà ấy chỉ là một sự thay thế, một phiên bản vô tích sự của

một ai đó tốt đẹp hơn gấp bội. Cháu có hiểu được không? Làm sao có thể oán trách sự lạnh lùng, xa cách và cả những lựa chọn đại dột của bà ấy? Và nếu có thể quay ngược trở lại xa hơn nữa để quan sát mẹ của bà ấy, hay mẹ của mẹ của bà ấy, ai biết chúng ta còn khám phá được bao nhiêu thứ nữa.

Thông thường nổi bất hạnh được di truyền qua các thế hệ phụ nữ, từ mẹ chuyển sang con theo một số các gen dị tính. Các dị tính này thay vì biến mất thì lại càng phát triển dữ dội, vững chắc và không thể diệt trừ. Thời kỳ đó rất khác đối với đàn ông; họ có của cải, chính trị, các cuộc chiến tranh và đặc biệt là có cơ hội để giải tỏa nguồn năng lượng của mình. Chúng ta thì không thể. Trải qua không biết bao nhiêu thế hệ, phụ nữ luôn bị giam hãm trong nhà bếp, phòng ăn và phòng tắm; chúng ta đã có hàng triệu bước tiến, thực hiện hàng triệu hành động, nhưng mỗi việc làm như vậy chỉ chõng chất thêm oán thù và bất mãn. Bà đã đấu tranh cho nữ quyền ư? Không, đừng lo, chẳng qua là bà đang cố gắng tìm hiểu rõ ràng cái gì ở đằng sau tất cả những chuyện này.

Cháu còn nhớ mỗi tháng Tám bà cháu mình hay leo lên đồi để xem pháo hoa rực rỡ trên đại dương vào mùa lễ hội *Ferragosto* không? Đôi lúc chúng ta lại thấy một chiếc pháo phát nổ trước khi phóng lên thật cao. Đấy, cứ mỗi lần suy nghĩ về cuộc đời của mẹ bà, hay của bà ngoại bà, hoặc của rất nhiều người quen biết khác, hình ảnh ấy lại xuất hiện trong tâm trí bà – những quả pháo hoa xì xèo ở tầm thấp thay vì sẽ bay tít lên tận trời xanh.



## ***Ngày 21 tháng Mười Một***

Bà đọc ở đâu đó nói rằng khi viết tác phẩm *I promessi sposi*, Manzoni đã thức dậy mỗi sáng sớm để hân hoan hội ngộ với các nhân vật của mình. Bà không thể làm như vậy được. Dù nhiều năm trôi qua, bà vẫn không thấy hào hứng gì khi kể về gia đình mình, mẹ của bà vẫn luôn là người vô cảm và lạnh lùng như một chiến binh Thổ Nhĩ Kỳ trong tâm trí bà. Sáng nay, để cố gắng mang đến một chút không khí tươi vui giữa mình và bà ấy, cũng như giữa mình với chính ký ức của mình, bà đã đi dạo trong vườn. Trời đã mưa suốt cả tối qua. Bầu trời đằng Tây đã trong trở lại nhưng vẫn còn những đám mây màu tím mờ mờ phía sau nhà. Bà trở vào nhà trước khi một cơn mưa khác kéo đến. Ngay sau đó sấm chớp nổi âm âm, căn nhà bỗng trở nên tối om và bà phải bật đèn lên. Bà cũng rút ổ cắm TV và tủ lạnh để chớp không đánh hỏng chúng, rồi sau đó bỏ đèn pin vào túi và đi vào phòng bếp để thực hiện cuộc trò chuyện mỗi ngày với cháu.

Ấy vậy mà khi vừa ngồi xuống, bà nhận ra rằng mình vẫn chưa sẵn sàng, có lẽ vì có quá nhiều điện tích trong không khí, còn suy nghĩ của bà thì bay lượn như những tia lửa. Vì vậy, bà đứng lên và đi dạo quanh nhà một lát cùng với Buck gan dạ leo đèo sau chân mà không biết chính xác sẽ đi tới chỗ nào. Bà đi vào căn phòng vốn là phòng ngủ của bà với ông cháu, sau đó là phòng ngủ của bà (nó từng là của mẹ cháu), rồi đến phòng ăn đã bị quên lãng bấy lâu nay, và cuối cùng là phòng của cháu. Khi đi quanh quẩn, bà nhớ như in ấn tượng về ngôi nhà khi bước vào lần đầu tiên: Bà không thích nó một chút nào. Không phải bà chọn nó, chính ông ngoại Augusto của cháu đã làm điều đó trong một cơn vội vã. Ông bà cần một nơi để sống và không thể chờ đợi lâu hơn nữa. Vì nó đủ lớn và có một khu vườn nên ông ấy nghĩ như vậy là thỏa mãn mọi yêu cầu của cả hai rồi. Đúng khoảnh khắc mở cánh cổng bước vào trong, bà nghĩ ngay rằng ngôi nhà chẳng có chút thẩm mỹ

nào, hay có thể nói là thẩm mỹ tồi tệ nhất quả đất. Không có bộ phận nào ăn nhập với chi tiết nào, dù là hình dáng hay màu sắc. Một bên của nó trông giống như một biệt thự gỗ Thụy Sĩ, bên còn lại có cửa sổ tròn lớn và mái tầng nên chẳng khác nào những ngôi nhà dọc theo các con kênh ở Hà Lan. Nếu nhìn từ đằng xa, cháu sẽ thấy bảy ống khói khác nhau, mà cháu biết là chúng chỉ có thể tồn tại trong một câu chuyện cổ tích mà thôi. Ngôi nhà này được xây dựng từ những năm hai mươi, nhưng không có đặc điểm nào của nó nói lên điều đó. Việc thiếu vắng cá tính riêng của nó làm bà phật lòng, phải đến hàng mấy năm trời bà mới quen với suy nghĩ rằng nó là của mình, và sự tồn tại của cả gia đình mình đang nằm trong bốn bức tường của nó.

Khi bà đứng trong phòng cháu, vài ánh chớp lóe sáng và làm tắt hết mấy bóng đèn. Thay vì bật đèn pin lên, bà chỉ nằm xuống giường. Ngoài kia trời đang mưa âm ỉ và gió rít dữ dội, còn bên trong này lại có nhiều âm thanh khác nhau, tiếng cọt két, lọc cọc và rên rỉ của những thanh gỗ khi có sức nặng đè lên. Bà nhắm mắt lại trong một giây và ngôi nhà hiện ra như một chiếc thuyền buồm đang lênh đênh trên biển cỏ. Cơn mưa kéo dài mãi cho đến giờ ăn trưa, bà nhìn ra ngoài cửa sổ và thấy hai nhánh dẻ gãy đổ.

Giờ thì bà đã trở lại phòng bếp, chiến trường xưa cũ của mình. Bà đã ăn và rửa xong mấy cái đĩa. Buck đang ngủ dưới chân bà, cu cậu đã mệt lử vì quá kích động lúc sáng nay. Càng lớn tuổi, cu cậu càng sợ sấm chớp và cảm thấy rất khó khăn để trở lại bình thường.

Một trong những cuốn sách bà mua lúc cháu đi nhà trẻ có nói rằng tiền kiếp sẽ quyết định ta sẽ được sinh ra ở gia đình nào. Chúng ta sẽ có một người mẹ và một người cha cụ thể, bởi vì chỉ có họ mới có thể giúp chúng ta hiểu biết hơn và tiến một bước nhỏ lên phía trước. Nhưng nếu điều đó xảy ra, bà băn khoăn, thì tại sao mọi thứ vẫn đứng yên sau bao nhiêu thế hệ? Tại sao chúng ta đi giật lùi mà không phải tiến tới?

Theo một bài báo trong chuyên mục khoa học bà mới đọc được thì quá trình tiến hóa có thể xảy ra hoàn toàn khác so với những gì chúng ta biết bấy lâu nay. Những giả thiết mới nhất cho rằng sự thay đổi không diễn ra dần dần. Móng vuốt dài hơn hay một chiếc mỏ đa năng hơn không hình thành từ

từ từng milimét một và kéo dài từ thế hệ này sang thế hệ khác. Đúng vậy, chúng xuất hiện một cách rất đột ngột; mọi thứ có thể thay đổi và khác đi giữa mẹ và con. Những bộ xương còn được lưu giữ – như xương hàm, móng, sọ cùng các loại răng khác nhau – đã khẳng định điều này. Không có những hình thức trung gian nào được tìm thấy ở đa số các loài. Ông bà thì thế này nhưng có thể cháu chắt lại thế kia, luôn luôn có một bước nhảy vọt giữa các thế hệ tiếp nối nhau. Giá như cuộc sống nội tâm của con người cũng như thế nhỉ.

Sự thay đổi tích lũy một cách ngấm ngấm, chúng từ từ, chậm rãi, và đến một ngày nào đó sẽ bùng nổ mãnh liệt.

Bỗng nhiên một ai đó sẽ phá vỡ vòng lẩn quẩn và quyết định trở nên khác biệt. Số phận, di truyền, hay sự dạy dỗ - chúng bắt đầu từ đâu và sẽ kết thúc ở đâu? Thôi, tạm thời đừng suy nghĩ về bí ẩn này nữa, không thì cháu sẽ mất hết cả tinh thần.

Không lâu sau khi bà cưới chồng, bác của bà – cái người cực kỳ duy linh mà bà từng nhắc tới – đã nhờ một người bạn biết bói toán đoán số tử vi cho bà. Vào một ngày nọ, bà ta giúi vào tay bà một tờ giấy và nói, “Xem đi, đây là tương lai của con.” Đó là một bức vẽ hình học với rất nhiều hành tinh, đường kẻ và những góc cạnh rất thú vị. Bà nhớ lúc đó đã nghĩ rằng chẳng có sự hài hòa hay tính liên tục nào trong bức vẽ cả, nó chỉ gồm một chuỗi các bước nhảy vọt cùng những ngã rẽ đầy đột ngột và lộn xộn. Phía sau tờ giấy, bà thầy bói có viết rằng, “Một chặng đường đầy cam go, con phải ăn ở có đức thì mới có thể đi đến cuối đường.”

Bà cảm thấy như sét đánh ngang tai. Cho đến thời điểm đó, cuộc đời bà có vẻ như đã vô vị một cách tẻ nhạt rồi. Dĩ nhiên là bà có nhiều vấn đề, nhưng chúng cũng không quá đổi nghiêm trọng như thế, đó mới chỉ là những vết rạn còn con cháu chưa phải là những hố sâu thăm thẳm. Mãi về sau, khi đã trưởng thành, làm vợ, làm mẹ, làm góa phụ, rồi lên chức bà, bà vẫn luôn giữ phong thái bình thường. Chỉ có một sự kiện đặc biệt, nếu nó được gọi là như thế, thì đó chính là cái chết bi thảm của mẹ cháu. Tuy nhiên, khi nhìn kỹ về cuộc đời mình, bà có thể thấy rằng bức vẽ tử vi kia hoàn toàn

không sai sự thật. Bên dưới một bề mặt rắn chắc và đều đặn, bên dưới những lộ trình nhàm chán của một người đàn bà trung lưu là những chuyển động không ngừng, những niềm hân hoan nho nhỏ, những vết thương lòng, bóng tối đột ngột và những vực sâu không đáy. Bà đã thường xuyên tuyệt vọng về cuộc đời và cảm thấy mình như một anh lính chỉ biết đánh dấu thời điểm ra quân mà chưa bao giờ đi đến được bất cứ đâu. Thời gian thay đổi, con người thay đổi, mọi thứ xung quanh đều thay đổi, duy chỉ có mình bà là vẫn như vậy mà thôi.

Và rồi cái chết của mẹ cháu đã chấm dứt cuộc diễu hành đơn điệu của bà. Mọi ý chí của bản thân vốn luôn rất khiêm nhường giờ bỗng dưng sụp đổ chỉ trong tích tắc. Bà tự nhủ rằng có lẽ mình đã có chút tiến triển, nhưng nay lại đi giạt lùi và bị đẩy vào những hố sâu hơn. Có những ngày bà nghĩ mình không thể tiếp tục được nữa, dường như mọi hiểu biết nhỏ bé của mình được tích lũy bao lâu nay giờ đây không còn mảy may tác dụng. Cũng may là bà không thể đắm mình mãi trong những cơn tuyệt vọng; cuộc sống vẫn tiếp tục, và những nhu cầu của nó cũng vậy.

Cuộc sống chính là cháu. Lúc chào đời, cháu nhỏ bé và yếu đuối biết bao. Cháu không có ai ngoài bà trên thế giới này và cháu đã làm rộn ràng ngôi nhà buồn bã, tĩnh lặng bằng những tiếng khóc hay tràng cười bất chợt. Bà còn nhớ lúc nhìn chiếc đầu to đáng yêu của cháu lắc lư giữa chiếc bàn và cái ghế sofa, bà đã tự nhủ rằng, “Ôi, mọi thứ vẫn chưa kết thúc.” Bởi vì cơ hội đã mang đến cho bà sự độ lượng đầy bất ngờ, và bà lại có thể thử thêm một lần nữa.

Cơ hội. Chồng của bà Morpurgo từng nói với bà rằng từ này không hề tồn tại trong tiếng Do Thái. Nếu muốn nói đến những gì liên quan tới cơ hội, ta phải mượn từ may rủi trong tiếng Ả Rập. Thật hài hước, phải không cháu? Hài hước nhưng nó cũng khẳng định rằng: Đã có Chúa thì không có chỗ cho cơ hội, thậm chí là không có chỗ cho phát âm khiêm nhường để miêu tả từ ấy. Tất cả đều đã được ra lệnh và sắp đặt từ trên cao, mọi thứ xảy ra với chúng ta đều có lý do của nó. Bà luôn cực kỳ ghen tỵ với những người có thể nhìn thế giới này đầy trù mẫn và không một chút do dự như vậy - đối

với họ lựa chọn thật dễ dàng. Còn đối với bà, cho dù đã nỗ lực với tất cả thiện chí của mình thì cũng chưa bao giờ có được cái nhìn như vậy quá hai ngày liên tiếp. Rồi bà lại ngựa đi đường cũ khi vẫn xem thế giới này đầy tàn nhẫn và bất công; bà không thể bào chữa cho những điều đã xảy ra và tri ân cuộc sống, lòng bà luôn chất chứa một nỗi giận dữ bất trị.

Và bây giờ bà sẽ thực hiện một hành động cực kỳ liều lĩnh: Bà sẽ gửi cho cháu một nụ hôn. Bà biết là cháu rất ghét những nụ hôn, có phải không? Chúng ném vào vỏ bọc của cháu như những quả banh tennis ấy nhỉ. Nhưng như vậy thì cũng mặc, bà cứ gửi cho cháu một nụ hôn dù cháu có thích hay không, cháu không thể làm gì được cả. Đây này, nụ hôn của bà nhẹ bằng, trong suốt và bay vượt đại dương.

Bà mệt quá. Bà vừa đọc lại hết tất cả những gì đã viết cho tới giờ với tâm trạng thật hồi hộp. Liệu cháu sẽ hiểu gì không? Bà có hăng hà sa số thứ trong đầu và chúng cứ muốn chạy ra, cho nên thứ này xô đẩy thứ kia như những quý cô chen lấn vào cuối mùa giảm giá. Bà không bao giờ có thể sắp xếp những suy nghĩ của mình nên cứ để chúng chảy ra theo trình tự từ đầu tới cuối. Đôi khi bà tự hỏi rằng đó có phải là vì mình chưa bao giờ được học Đại học hay không. Bà đã đọc rất nhiều sách và tò mò về hàng tỷ thứ, nhưng rồi những thứ bà suy nghĩ lại là tã giấy, lò nướng bánh hay cảm xúc của mình. Một nhà thực vật học dạo quanh một cánh đồng và hái những bông hoa theo một trình tự nhất định, anh ta biết đóa hoa nào hấp dẫn, và đóa hoa nào thì không; anh lựa chọn, loại bỏ và quyết định những mối quan hệ của mình. Nhưng một người đi picnic trên cùng cánh đồng này lại có phương pháp khác, anh ta chọn một đóa hoa bởi vì nó màu vàng, chọn thêm một hoa nữa bởi vì nó màu xanh, chọn tiếp một hoa khác bởi vì mùi hương của nó, và bông hoa kế đó được anh chọn chỉ đơn giản là vì nó mọc cạnh vệ đường. Bà tin rằng đây cũng chính là cách mà bà thu nhặt kiến thức của mình. Mẹ của cháu liên tục đánh đổ bà về điều đó. Mỗi khi bắt đầu bất cứ một cuộc tranh luận nào, bà đều đầu hàng ngay lập tức. “Mẹ không biết lý lẽ gì cả,” mẹ của cháu bảo vậy. “Như tất cả bọn tư sản, mẹ không thể bảo vệ niềm tin của mình một cách thực sự nghiêm túc.”

Cũng như cháu luôn bị thúc đẩy bởi những âu lo đầy dữ dội, nguồn động lực của mẹ cháu chính là lý tưởng hóa. Đối với mẹ cháu, việc bà nói đến những thứ nhỏ nhặt thay vì chuyện trọng đại cũng đủ để khiến trách bà. Con bé cho rằng vì bà giàu có cho nên sẽ chạy theo những thứ xa hoa và tự nhiên sẽ hiến mình cho quý dữ.

Cứ nhìn vào cái cách mà đôi khi mẹ cháu nhìn bà, bà chắc chắn rằng nếu có một phiên tòa mà mẹ cháu làm chủ tọa thì nó sẽ xử bà án tử hình. Đó là vì bà sống trong một ngôi nhà khá to với cả một khu vườn chứ không phải là một túp lều hay nhà tập thể ở ngoại ô. Không chỉ vậy, bà còn thừa kế một khoản tiền nhỏ đủ cho cả hai sống tạm ổn. Để tránh những sai lầm mà cha mẹ mình mắc phải, bà đã (hay ít nhất là cũng đã cố gắng) quan tâm đến những gì mẹ cháu nói. Bà chưa bao giờ nhạo báng mẹ cháu, và chưa bao giờ cho nó thấy rằng những ý tưởng chuyên chế độc tài ấy xa lạ như thế nào đối với bà. Dầu vậy thì bà cũng tin rằng mẹ cháu biết là bà đã chùn lòng trước những lời lẽ như học vẹt của nó.

Ilaria theo học ở Đại học Padua. Mẹ cháu có thể dễ dàng đi học ở Trieste nhưng nó không chịu nổi việc sống với bà nữa. Mỗi khi bà đề nghị đi thăm nó thì câu trả lời chỉ là sự im lặng đầy chống đối. Việc học của con bé tiến triển khá chậm chạp. Bà không biết nó sống với ai, và nó cũng không bao giờ nói. Bà cảm thấy lo lắng bởi vì bà biết con bé rất dễ bị tổn thương. Đó là vào năm 1968, thời điểm của những vụ bạo động tháng Năm nổ ra ở Paris, những phong trào sinh viên cấp tiến, những trường đại học bị chiếm đóng. Nghe những cuộc điện thoại của mẹ cháu, bà nhận ra rằng mình không thể theo nó nữa, con bé lúc nào cũng sôi sục về một điều gì đó, mà cái điều ấy thì cứ thay đổi mãi không ngừng. Bà thực hiện tình mẫu tử của mình bằng việc cố gắng hiểu con bé nhưng tất cả sao quá khó khăn. Mọi thứ đều điên cuồng và mơ hồ, bên cạnh đó là hàng loạt ý tưởng mới mẻ cũng như đầy dẫy những điều tuyệt đối. Thay vì sử dụng từ ngữ của mình, Ilaria tuôn ra hàng loạt các khẩu hiệu, hết câu này đến câu khác. Bà rất lo lắng đến sự ổn định tinh thần của con bé và e ngại rằng khuynh hướng ngày càng kiêu căng của nó sẽ được củng cố vững mạnh bởi cảm giác được thuộc về một nhóm người có cùng niềm tin chắc chắn và những triết lý vững vàng.

Đến năm thứ sáu Đại học, một sự yên lặng kéo dài bất thường đã làm bà lo lắng đến nỗi phải đi tàu đến thăm nó. Bà chưa bao giờ làm như vậy trong suốt thời gian nó ở Padua. Con bé hoảng hốt khi mở cửa, và thay vì chào hỏi, nó đã tấn công bà. “Ai mời mẹ tới?” con bé hỏi nhưng không hề đợi câu trả lời. “Lẽ ra mẹ phải nói cho con biết trước chứ, con sắp đi rồi. Có một kỳ thi quan trọng sáng nay.” Con bé vẫn còn mặc áo ngủ nên rõ ràng là nó đang nói dối. Bà giả vờ không chú ý và đáp, “Không sao, mẹ sẽ đợi vậy, rồi mẹ con mình cùng ăn mừng thành công với nhau.” Không lâu sau đó con bé đã đi thật, vội vã đến nỗi để quên cả sách vở trên bàn.

Khi còn ở một mình trong căn hộ của con bé, bà đã làm những gì mà bất kỳ người mẹ nào cũng phải làm. Bà bắt đầu lục lọi khắp các ngăn tủ, tìm kiếm một dấu hiệu nào đó để có thể hiểu được cuộc đời con gái mình đang trôi dạt về đâu. Bà không hề có ý định do thám hay rà soát con bé, bà đâu có muốn điều tra nó chứ, làm sao bà có thể đi xa như vậy được. Bà chỉ có một nỗi lo lắng khủng khiếp và không thể nào bình tĩnh được nếu như không tìm ra manh mối. Ngoại trừ mấy tờ rơi và tờ bướm tuyên truyền cách mạng, bà không tìm thấy gì khác, không thư từ, cũng không nhật ký. Có một bức tranh treo trong phòng ngủ của con bé với dòng chữ “Gia đình tựa một bình ga dễ dàng phát nổ.” Trong trường hợp này, thì đây chính là manh mối rồi.

Ilaria quay trở lại vào xế hôm đó và trông có vẻ kiệt sức như lúc nó đi. “Con thi thế nào?” bà hỏi với giọng trù mến nhất có thể. Con bé nhún vai. “Cũng như mấy buổi thi khác thôi,” nó trả lời và lúc sau lại thêm vào, “Có phải vì vậy mà mẹ đến đây để kiểm tra con?” Bà muốn tránh một cuộc cãi vã nên chỉ lặng lẽ và từ tốn trả lời rằng bà chỉ có một khao khát, đó là được nói chuyện với con bé một lát.

“Nói chuyện?” con bé lặp lại đầy hoài nghi. “Về cái gì chứ? Những câu chuyện huyền bí của mẹ à?”

“Về con, Ilaria,” bà nói thật nhỏ nhẹ và cố nhìn vào mắt nó. Còn con bé cứ nhìn chăm chăm vào cây dương liễu đã qua kỳ xuân sắc khi nó bước tới gần cửa sổ. “Dù sao đi nữa thì con không có gì để nói cả, không phải với mẹ. Con không muốn uống phí thời gian với những cuộc trò chuyện tư sản

tuyệt mật.” Sau đó con bé chuyển mắt từ cây liểu sang đồng hồ đeo tay của mình và nói, “Muộn rồi, con có một buổi họp quan trọng. Mẹ phải đi thôi.” Bà không hề bận tâm, thay vì ra đi, bà bước đến nắm lấy tay nó. “Điều gì đang xảy ra vậy con?” bà hỏi. “Cái gì đang làm con khó chịu thế?” Bà nghe tiếng thở của con bé gấp hơn. “Tim mẹ đau nhói khi thấy con ra nông nỗi thế này,” bà thêm vào. “Cho dù con có từ mẹ, nhưng mẹ nào muốn từ con. Mẹ muốn giúp con, nhưng nếu con không chịu thì làm sao mẹ giúp được chứ.” Đúng lúc đó thì chiếc cằm của nó bắt đầu run run như mỗi khi nó sắp sửa khóc òa khi còn là một cô bé. Con bé giật tay ra và quay mặt vào tường. Thân hình gầy guộc và căng cứng của nó run bần bật trong tiếng khóc nức nở. Bà vuốt tóc nó, đầu con bé nóng như lửa còn đôi tay lại lạnh như đá. Con bé quay người lại ôm chầm lấy bà và giấu gương mặt lên vai bà. “Mẹ ơi,” con bé nói. “Con... con...”

Vào đúng khoảnh khắc đó thì tiếng chuông điện thoại reo vang.

“Cứ để nó reo,” bà thầm thì vào tai con bé.

“Con không thể,” nó trả lời và lau nước mắt.

Khi nhắc ống nghe lên, giọng con bé lại trở nên đanh thép và xa lạ. Từ cuộc nói chuyện ngắn ngủi của nó, bà biết rằng có chuyện gì đó rất nghiêm trọng đã xảy ra. Sự thật là ngay sau khi gác máy, con bé nói, “Con xin lỗi, nhưng giờ mẹ phải đi thôi.” Cả hai mẹ con cùng nhau bước ra, khi đến cửa thì con bé trở lại là chính mình trong giây lát để ôm bà thật nhanh và đầy hối hận. “Không ai có thể giúp con đâu,” con bé thì thầm khi ghì chặt lấy bà. Bà đi cùng nó vài bước đến chỗ khóa chiếc xe đạp của nó. Con bé cười lên xe và luồn hai ngón tay phía dưới sợi dây chuyền của bà rồi nói, “Ngọc trai phải không? Vật thông hành đặc biệt của mẹ đây mà. Mẹ chưa bao giờ có gan đi một bước mà không đeo nó từ lúc mới chào đời!”

Sau nhiều năm trôi qua, đó chính là tình tiết với mẹ cháu mà bà nhớ nhất. Bà thường hay suy tư về nó. Bà tự hỏi rằng tại sao trong tất cả những ký ức giữa hai mẹ con thì tình tiết đặc biệt này vẫn luôn xuất hiện đầu tiên trong trí nhớ của bà? Mới hôm nay thôi, khi bà nghĩ về nó đến lần thứ mười nghìn thì bỗng dưng nhớ tới một câu nói xưa, “Lưỡi luôn dò đến chỗ răng đau.” Có lẽ



là cháu bần khoản rằng chúng có liên quan gì với nhau đâu. Liên quan nhiều lắm đấy, tin bà đi. Tình tiết ấy liên tục xuất hiện là bởi vì đó chính là thời điểm duy nhất mà bà có thể tạo ra sự thay đổi. Mẹ cháu đã khóc lóc và ôm chầm lấy bà; đó là giây phút mà vỏ bọc của nó mở ra – một vết nứt nhỏ mà bà có thể chui vào, để rồi từ đó tạo ra một chỗ cho riêng mình. Có thể bà đã trở thành điểm tựa cho cuộc đời nó, nhưng để làm được như vậy thì cần phải có một quyết tâm hết sức lớn lao. Khi con bé bảo rằng “Mẹ phải đi thôi,” thì đáng lý bà phải ở lại. Bà phải thuê một phòng ở khách sạn gần đó, quay trở lại mỗi ngày để gõ cửa nhà nó cho đến khi vết nứt nhỏ kia trở thành một lối ra vào. Bà đã suýt làm được rồi đấy, bà có thể cảm thấy điều đó mà.

Thế nhưng bà đã chẳng làm gì. Với tính hay e ngại, sự lười nhác và thói quen lịch sự không đúng chỗ, bà đã làm theo những gì con bé bảo. Vì ghét cay ghét đắng tính xâm phạm riêng tư của mẹ mình cho nên bà luôn ao ước sẽ trở thành một người mẹ thật khác và để Ilaria hoàn toàn tự lập. Nhưng kiểu làm ra vẻ cao thượng ấy thường chỉ để ngụy trang cho sự thiếu quan tâm và cả mong muốn không bị dính líu vào việc của người khác. Đó là một ranh giới mong manh, cực kỳ mong manh. Bước qua ranh giới ấy hay không là việc phải làm ngay tức khắc, là quyết định dứt khoát giữa việc thực hiện hay không thực hiện. Thế nhưng ta chỉ nhận ra tầm quan trọng của thời khắc ấy khi nó đã trôi qua. Và rồi ta cảm thấy hối tiếc và hiểu rằng trong khoảnh khắc ấy, sự can thiệp là cấp thiết chứ không cần đắn đo về khả năng tự lập của người khác. Tình yêu không dành cho kẻ lười nhác, đôi khi nó đòi hỏi những hành động thật quyết liệt và chính xác. Cháu có thấy không? Bà đã che dấu sự nhút nhát vô tình của mình bằng ý nghĩ cao cả về sự tự do cá nhân đấy!

Ý nghĩ về số phận sẽ đến với chúng ta khi năm tháng trôi qua. Thông thường, chẳng ai ở tuổi cháu lại nghĩ đến nó cả, cháu nhìn nhận mọi thứ xảy ra như là kết quả từ chính ý chí của mình. Cháu cảm thấy mình hết một công nhân làm đường xa lộ, phải lát từng viên gạch để tạo nên một lối đi. Mãi sau đó cháu mới nhận ra con đường đã có từ trước, ai đó đã vẽ ra cho cháu và cứ thế cháu chỉ việc đi về phía trước. Một người thường khám phá ra điều này khi bước qua bốn mươi tuổi, đó là lúc ta biết rằng mọi thứ không còn phụ

thuộc vào một mình ta nữa. Đó là một thời khắc nguy hiểm; nhiều người bỗng dưng xuất hiện ý nghĩ về một định mệnh bị giam cầm mãi mà không thể thoát ra. Phải một thời gian nữa thì cháu mới hiểu được thực tế của số phận. Khoảng tuổi sáu mươi, khi con đường phía sau ta dài hơn phía trước, ta sẽ thấy những điều mình chưa bao giờ nhìn thấy trước đây: con đường ta đi không thẳng tắp mà xẻ nhánh liên tục, cứ mỗi bước chân đi là có một ngã rẽ, một mũi tên chỉ hướng mới – một bên có đường ngoặt hướng khác và bên kia là một lối đi đầy cỏ mọc mất hút giữa đám rừng. Ta có thể đang đi trên những con đường phụ ấy mà không hề hay biết, và còn có nhiều con đường khác nữa mà ta không thấy; ta tự hỏi những con đường mình vừa đi qua sẽ dẫn đến đâu, và liệu rằng chúng sẽ đưa ta đến nơi tốt hơn hay chỉ tệ đi; ta không biết, nhưng điều đó không ngăn ta khỏi cảm giác tiếc nuối. Lẽ ra ta phải làm cái điều mà ta đã không làm, ta thường quay ngược trở lại thay vì tiến lên phía trước. Cháu còn nhớ trò chơi Con rắn và bậc thang<sup>[3]</sup> không? Đấy, cuộc sống của ta cũng như thế đấy.

Tại những ngã rẽ trên đường đời, cháu sẽ gặp bao nhiêu cuộc đời khác. Việc làm quen với họ hay không, đồng hành cùng họ hay ngoảnh mặt quay đi là hoàn toàn phụ thuộc vào quyết định của cháu chính tại khoảnh khắc ấy; cho dù cháu không biết thì cả cuộc đời cháu và cuộc đời của những người ấy đều được quyết định vào lúc cháu chọn đi thẳng hay sẽ rẽ ngang.

## *Ngày 22 tháng Mười Một*

Tối qua trời trở, gió Đông nổi lên và quét bay những đám mây chỉ trong vài tiếng đồng hồ. Trước khi ngồi viết, bà đi tản bộ trong vườn. Gió vẫn thổi mạnh nên áo quần bà bay phần phật. Buck phấn khích vô cùng, cu cậu muốn đùa giỡn và chạy lon ton sau bà, mồm ngậm một quả thông. Với chút sức lực ít ỏi, bà chỉ có thể quăng quả thông được một lần và nó bay chẳng được xa mấy, thế nhưng cu cậu đã tỏ ra rất thỏa mãn. Sau khi kiểm tra sức khỏe cây hoa hồng, bà đến chào cây óc chó và cây anh đào, hai cái cây bà yêu thích nhất.

Cháu còn nhớ đã trêu bà như thế nào mỗi khi thấy bà vuốt ve một trong những bụi cây của chúng ta không? “Bà làm gì thế?” cháu hỏi, “Nó có phải là ngựa đâu chứ.” Khi bà giải thích rằng vuốt ve một cái cây không có gì khác với việc vuốt ve bất kỳ sinh vật sống nào, mà thậm chí là còn thích hơn, cháu chỉ nhún vai bước đi và tỏ vẻ không vừa lòng. Tại sao lại thích hơn chứ? Bởi vì mỗi lần gãi gãi đầu Buck, bà thực sự cảm nhận có một thứ gì đó rất ấm áp và sôi nổi, nhưng ẩn sâu bên dưới luôn thường trực một sự kích động dữ dội. Có lẽ là vì giờ ăn tối sắp đến rồi, hay là lâu quá mà chưa đến; cũng có thể là cậu ta đang mong chờ cháu, hoặc chỉ vì cu cậu đang nhớ lại một cơn ác mộng. Cháu thấy không? Chó, cũng như người, có quá nhiều suy nghĩ và đòi hỏi. Cả chó lẫn người đều không thể tự mình đạt được sự bình tâm và những niềm vui.

Cây cối thì lại khác. Từ lúc đâm chồi cho đến ngày tàn úa, một cái cây luôn đứng yên ở một vị trí nhất định. Chẳng như bất cứ một thứ nào khác, rễ cây cứ lằm lụi tiến sâu hơn vào lòng đất, còn tán lá lại cứ vươn mãi đến bầu trời. Những dòng nhựa chảy từ rễ tới ngọn và từ ngọn tới rễ. Cây vươn cao hay khép lại những tán lá là tùy thuộc vào ánh sáng mặt trời. Cây đợi chờ

mưa, đợi chờ nắng, đợi chờ mùa luân phiên thay đổi, và đợi chờ cái chết. Cây không thể sống được bằng ý chí của chính mình. Nó tồn tại và chấm hết. Giờ cháu đã thấy vì sao vuốt ve cây thật là thích chưa? Bởi vì cây đứng rất hiên ngang, bởi vì hơi thở của cây thật chậm rãi, bình thản và trầm sâu vô cùng. Ở đâu đó trong Kinh thánh viết rằng Chúa có hai lỗ mũi rất to. Điều này có lẽ là hơi bất kính, nhưng cứ mỗi lần cố gắng tưởng tượng về hình ảnh của Đấng Tạo Hóa, trong đầu bà lại có hình ảnh một cây sồi.

Lúc còn bé, nhà bà có một cây sồi, thân của nó to đến nỗi phải có hai người ôm mới xuể. Khi lên bốn hay năm tuổi, bà rất thích đến bên nó. Bà ngồi đấy, cảm nhận bãi cỏ ẩm ướt bên dưới, cơn gió mát rượi trên mặt và luồn trong mái tóc. Bà hít thật sâu và biết rằng có một trật tự của tất cả mọi thứ đang ở đâu đấy trên cao, và bà cũng như những thứ xung quanh đều thuộc vào trật tự ấy. Dù chẳng biết tí gì về âm nhạc nhưng lòng bà rộn tiếng ca vang. Bà không thể nói cho cháu biết đó là giai điệu gì, thực ra chẳng có giai điệu hay điệp khúc cụ thể nào, nó giống như nhịp điệu mạnh mẽ và đều đặn của hơi thở ở gần trái tim vậy; hơi thở ấy lan tỏa khắp trong bà, cả cơ thể và tâm trí, nó tỏa sáng như ánh mặt trời và ngân vang như âm nhạc. Bà cảm thấy vui sướng biết bao khi được sống và chẳng còn nhận thức điều gì khác ngoài niềm hạnh phúc của chính mình.

Có lẽ cháu sẽ nghĩ rằng thật kỳ lạ hoặc bất thường khi một đứa trẻ lại sớm có những trực giác như vậy. Tiếc là chúng ta hay cho rằng tuổi ấu thơ là giai đoạn mù quáng và thiếu sót chứ không phải là thời điểm phong phú nhất của cuộc đời. Và để chứng minh điều này là không đúng, tất cả những gì cháu cần làm là hãy nhìn thật kỹ vào đôi mắt của một đứa bé sơ sinh. Hãy thử làm khi cháu có cơ hội, và nhớ là phải quên đi tất cả mọi định kiến trước đó để quan sát đứa bé ấy thật gần. Đôi mắt ấy nói lên điều gì với cháu? Trống rỗng, vô thức? Hay già dặn, xa xăm, thông thái? Những đứa bé biết cách thở thật sâu một cách tự nhiên trong khi người lớn chúng ta lại mất đi khả năng này. Lúc lên bốn hay năm tuổi, bà chưa học được điều gì về Chúa hay tôn giáo, lại càng chưa biết được rằng những rắc rối là do chính con người tạo nên.

Cháu biết đấy, khi đến lúc phải cân nhắc có nên cho cháu học các lớp tôn giáo ở trường hay không, bà đã không thể đưa ra quyết định. Một mặt bà nhớ đến thảm họa của chính mình về những xung đột với những dạy dỗ giáo điều, nhưng mặt khác bà hoàn toàn tin rằng giáo dục không chỉ nhằm trau dồi kiến thức mà còn để tu dưỡng tinh thần. Rốt cuộc vấn đề đã tự giải quyết vào ngày con chuột hamster đầu tiên của cháu chết đi. Cháu nâng nó trên tay và nhìn bà bối rối. “Cậu ấy đang ở đâu hở bà?” cháu hỏi. Bà trả lời bằng cách lặp lại câu hỏi của cháu: “Thế cháu nghĩ cậu ấy đang ở đâu?” Cháu còn nhớ đã trả lời thế nào không? “Cậu ta ở tại hai nơi. Một phần ở đây, còn phần kia thì ở tí trên những đám mây.” Hai bà cháu mình đã chôn cậu ta và thực hiện một lễ tang nho nhỏ vào buổi chiều hôm ấy. Cháu quỳ trước mộ đất bé tí xíu và rì rầm cầu nguyện: “Hãy vui vẻ nhé, Tony. Rồi chúng ta sẽ gặp lại nhau một ngày nào đó.”

Có lẽ điều này bà chưa bao giờ nhắc đến, nhưng thực tế là bà đã học năm năm đầu tiên với các xơ ở Học viện Tâm Thánh. Hãy tin là khi kể lại điều này, đầu óc bà vốn đã quay cuồng nay lại càng thêm choáng váng. Các xơ đã dựng một máng cỏ khổng lồ đặt ở lối ra vào trường học suốt cả năm. Có Chúa Hải Đồng trong máng cỏ cùng Đức Cha, Đức Mẹ, con bò, con lừa, và bao bọc xung quanh là những dãy núi và vách đá bằng giấy bồi với một bầy cừu nhỏ. Mỗi con cừu đại diện cho một học sinh, và chúng sẽ được dịch chuyển gần hơn hay xa hơn máng cỏ của Chúa Hải Đồng tùy thuộc vào hạnh kiểm của mỗi người trong ngày hôm ấy. Mỗi buổi sáng tất cả học sinh đều đi ngang qua máng cỏ trước khi vào lớp học, vì vậy mà ai cũng buộc phải nhìn xem vị trí của mình đang ở đâu. Phía đối diện máng cỏ là một vực thẳm, nơi tất cả những con cừu tẻ nhất bị treo trên miệng vực với đôi chân nhỏ xíu lủng lẳng trong không trung. Từ năm sáu tuổi cho đến mười tuổi, những bước chân của con cừu kia đã quyết định tình trạng của cuộc đời bà. Và không cần nói thì cháu cũng biết con cừu của bà hầu như chẳng di chuyển ra khỏi bờ vực thẳm.

Với tất cả ý chí trong trái tim mình, bà đã cố gắng tôn trọng mọi lời răn dạy. Bà làm điều đó bởi vì đứa trẻ nào cũng có một mong muốn tự nhiên là biết vâng lời, nhưng không chỉ có vậy: Bà thực sự tin rằng mỗi người cần

phải sống tốt, không dối trá và tự phụ. Vậy mà bà vẫn luôn ở trên bờ vực thẳm. Vì sao? Vì những điều ngốc nghếch. Khi bà nước mắt ngấn dài tìm đến gặp xơ trường để hỏi lý do tại sao mình không được di chuyển đến lần thứ không biết bao nhiêu thì bà ấy trả lời rằng, “Bởi vì cái nơ cháu đeo hôm qua to quá... Bởi vì có bạn nghe cháu hát một mình khi tan học... Bởi vì cháu không rửa tay trước khi ngồi vào bàn ăn.” Cháu hiểu rồi chứ? Những tội lỗi của bà một lần nữa lại là những điều vụn vặt y như cái cách mà mẹ của bà đã buộc tội bà. Tất cả những giáo viên của bà không quan tâm đến những cố gắng bên trong mà chỉ chú ý đến sự vâng lời ở bề ngoài. Một ngày nọ khi bị đẩy tới sát bờ vực, bà òa khóc nức nở và nói, “Nhưng cháu yêu Chúa Hải Đồng.” Cháu có biết bà xơ đứng đó nói gì không? “Thế là cháu không những bừa bộn mà còn nói dối như cuội. Nếu thực sự yêu Chúa Hải Đồng thì cháu đã biết để tập vở ngay ngăn hơn rồi.” Và tạch, bà ta búng ngón tay và đẩy con cừu nhỏ bé của bà chúi đầu vào vực thẳm.

Bà cam đoan rằng mình đã không ngủ suốt hai tháng sau đó. Cứ mỗi khi nhắm mắt là bà có cảm giác tấm nệm dưới lưng bốc cháy và những giọng nói ghê rợn cất lên, “Hãy đợi đấy, bọn ta đến bắt ngươi đây!” Dĩ nhiên là bà không hề nói nửa lời với cha mẹ của mình. Khi thấy bà tái mét và lo âu sợ sệt, mẹ của bà chỉ nói rằng, “Con bé bị kiệt sức đấy,” và thế là bà phải nín thở nuốt thuốc bổ hết muông này đến muông khác.

Có ai biết được bao nhiêu người nhạy cảm và thông thái đã phải quay lưng mãi mãi với các vấn đề tâm linh chỉ vì những tình huống như vậy không? Mỗi lần nghe ai đó nói thời học trò của họ tuyệt vời biết bao nhiêu, và họ cảm thấy nuối tiếc khi quãng thời gian ấy đã trôi qua như thế nào thì bà chỉ biết câm lặng. Với bà thì đó là một trong những thời điểm tồi tệ nhất của cuộc đời mình, mà có lẽ là tồi tệ đến vô cùng tận bởi vì lúc nào bà cũng có cảm giác bất lực. Suốt thời tiểu học, trong bà lúc nào cũng có một trận chiến ác liệt giữa khao khát luôn trung thành với cảm giác thực sự bên trong mình và mong ước sẽ chấp nhận tất cả những gì người khác tin tưởng, cho dù bản năng mách bảo rằng đó là một điều sai trái.

Thật kỳ lạ, nhưng giờ sống lại với những cảm giác xưa cũ, bà có cảm giác rằng khủng hoảng lớn nhất của cuộc đời mình không xảy ra trong lứa tuổi thiếu niên như tất cả mọi người mà lại là những năm tháng ấu thơ. Ở lứa tuổi mười hai, mười ba hay mười bốn, bà đã sở hữu cho riêng mình cảm giác u sầu, ủ dột triền miên. Những câu hỏi siêu hình lớn lao đã dần dần lui về phía sau, và thay vào đó là những tưởng tượng vô hại mới mẻ. Bà đi lễ với mẹ vào các ngày Chủ Nhật và ngày lễ Thánh. Bà quý xuống thành tâm hối lỗi với mong muốn được lắng nghe, thế nhưng khi làm vậy, bà lại nghĩ về những chuyện khác: đây là một trong những hành động nhỏ bé bà làm chỉ hòng để đổi lấy một cuộc sống tĩnh lặng. Đó là nguyên do tại sao bà chưa bao giờ đăng ký cho cháu học các lớp giáo lý và bà cũng chưa bao giờ thấy hối tiếc về quyết định của mình. Khi trí tò mò trẻ con của cháu nảy ra những câu hỏi về một vấn đề nào đó, bà cố gắng trả lời một cách trực tiếp, khách quan chứ không để lại bất cứ cảm giác kỳ bí nào cả. Và khi cháu không hỏi thêm, bà lảng lạng tránh bàn đến vấn đề đó nữa. Đó là một trong những lĩnh vực mà chúng ta không thể lôi kéo hay thúc đẩy quá sức, nếu không thì chuyện sẽ xảy ra với ta như xảy ra với những người bán hàng rong vậy: khi càng thúc ép người khác mua hàng thì họ càng có vẻ đang lừa gạt. Với cháu, bà luôn cố gắng tránh làm tiêu tan mọi thứ cháu đang sở hữu. Và bà vẫn đang chờ đợi những điều khác sẽ xảy ra.

Nhưng đừng nghĩ con đường của bà lúc nào cũng phẳng lặng nhé. Dù chỉ mới bốn tuổi nhưng bà đã nghe nhịp thở truyền cảm hứng cho vạn vật, và đến lúc bảy tuổi thì quên bẵng hết mất rồi. Đúng là lúc đầu bà vẫn còn nghe thấy tiếng nhạc, âm thanh ấy ở đâu đó rất mơ hồ từ phía sau. Nó như một dòng suối len lỏi qua các hẻm núi, nếu bà đứng ở mỏm đá và cố gắng thì sẽ nghe được. Nhưng cuối cùng thì tiếng suối bỗng chuyển thành tiếng đài radio cũ xưa chỉ trong chớp mắt. Vào phút đầu tiếng nhạc vẫn còn in ỏi, nhưng đến phút sau là bà không thể nghe thấy nữa rồi.

Cha mẹ bà không bỏ lỡ bất kỳ cơ hội nào để mắng mỏ bà vì thói quen ca hát. Trong một buổi ăn tối nọ, bà đã bị tát – cái tát đầu tiên trong đời – bởi vì đã lú lo một cách vô thức. “Không được hát tại bàn ăn!” cha bà nạt nộ. “Không được hát khi con không phải là ca sĩ,” mẹ bà chêm vào. Thế là bà

khóc và nói trong nước mắt, “Nhưng con nghe thấy tiếng hát bên trong con đây này.” Đối với cha mẹ bà, tất cả những gì không thuộc về thế giới vật chất cứng nhắc đều hoàn toàn vô nghĩa.

Thứ âm nhạc ấy đã biến mất một cách chậm rãi nhưng chắc chắn, và niềm hạnh phúc tột độ đã ở bên bà trong suốt những năm tháng đầu đời cũng biến mất theo. Cháu biết đấy, đó là thứ bà nuôi tiếc nhất. Dĩ nhiên là sau đó có những lúc bà cảm thấy vui, nhưng niềm vui đối với hạnh phúc chỉ như một bóng đèn điện so với mặt trời. Niềm vui luôn cần có đối tượng, ta vui bởi vì một điều gì đó, nó là một điều kiện chỉ tồn tại được khi phụ thuộc vào thế giới bên ngoài. Còn hạnh phúc thì lại khác, nó không có đối tượng. Nó bao phủ lấy ta không vì một lý do cụ thể nào, và cũng như mặt trời, nó bùng cháy nhờ vào nhiên liệu từ chính trái tim mình.

Trong những năm tháng ấy, bà đã chối bỏ chính mình, chối bỏ phần sâu sắc nhất của bản thân để trở thành một người khác - người mà cha mẹ mong muốn bà trở thành. Bà đánh mất cả bản chất để vợ vào cho mình một tính cách hoàn toàn xa lạ. Cháu sẽ không mấy may nghi ngờ rằng thế giới này đánh giá cao tính cách hơn là bản chất của mỗi con người.

Trái ngược với ý kiến của đại số đông, tính cách và bản chất không bao giờ đi cùng nhau; thực tế là tính cách quyết định luôn cả bản chất. Một ví dụ điển hình là mẹ của bà có tính cách rất mạnh mẽ. Bà ấy luôn chắc chắn về tất cả những gì mình làm và không có gì, tuyệt đối không có gì, có thể phá hỏng sự vững chắc ấy. Bà thì trái ngược hoàn toàn. Không có lấy một khía cạnh nào của cuộc sống này có thể làm cho bà say mê. Bà luôn do dự trước mỗi lựa chọn, và vì trì hoãn quá lâu mà tất cả mọi thứ xung quanh đều mất hết kiên nhẫn để rồi từ đó quyết định thay cho bà.

Cháu đừng nghĩ là việc từ bỏ bản chất của mình để khoác lên một tính cách nào đó là một quá trình tự nhiên đối với bà. Trong thâm tâm, bà vẫn cố gắng phản kháng; một phần của bà luôn khao khát được là chính mình, nhưng phần khác – phần lúc nào cũng mong muốn được yêu thương – lại cố gắng tuân theo những đòi hỏi của thế giới bên ngoài. Bà ghét cay ghét đắng mẹ cùng những cử chỉ thiếu cận, rộng tuếch của bà ấy. Và bởi vì sự căm hận



đó mà dần dần, trái ngược với ý chí của mình, bà đã trở nên giống hệt bà ấy. Đó chính là mối đe dọa khủng khiếp trong việc dưỡng dục con người mà bất kỳ ai cũng không thể thoát khỏi. Không đứa trẻ nào có thể sống thiếu tình thương. Chính vì vậy mà chúng ta luôn đi theo hình mẫu đã được định sẵn ở đó, ngay cả khi không hề mong muốn và nghĩ rằng nó sai trái hoàn toàn. Những ảnh hưởng của việc này kéo dài mãi đến lúc ta trưởng thành. Khi trở thành một người mẹ, nó lại xuất hiện dù ta muốn hay không, và thậm chí ta còn không hề hay biết, nhưng nó khiến ta lặp lại các hành động như trước đây. Bởi thế mà khi mẹ cháu ra đời, bà tuyệt đối tin rằng mình đã đối xử một cách khác biệt. Và thật sự là bà đã làm thế, nhưng sự khác biệt ấy hóa ra cũng thiếu cặn và hoàn toàn sai lầm. Để tránh sự áp đặt lên mẹ cháu như bà đã từng bị trong những năm tháng đầu đời, bà luôn để mẹ cháu tự do lựa chọn. Bà muốn mẹ cháu cảm thấy rằng luôn có sự chấp thuận của bà trong mọi việc mà nó làm và liên tục nói rằng, “Chúng ta là hai con người khác nhau, mỗi chúng ta phải tôn trọng sự khác biệt của người còn lại.”

Đó là một sai lầm, sai lầm rất nghiêm trọng. Cháu có biết là gì không? Bà thiếu cá tính. Dù lúc đó đã trưởng thành nhưng bà không chắc chắn về tất cả mọi thứ. Bà không thể yêu thương bản thân và tôn trọng chính mình. Đứa trẻ nào cũng tinh nhạy và biết chớp lấy thời cơ nên mẹ cháu ngay lập tức hiểu ra mọi chuyện: nó cảm thấy bà yếu đuối, mong manh và dễ dàng bị khuất phục. Hình ảnh mà bà nhìn thấy trong đầu về mối quan hệ của hai mẹ con là một thân cây bị tàn phá bởi một dây leo. Cái cây ấy già hơn, cao hơn và nó đã tồn tại ở đó từ rất lâu nên rễ đâm sâu vào lòng đất.

Còn dây leo kia chỉ mới đâm chồi dưới gốc cây vào một mùa nọ, với vô số ngạnh và tua thay vì những cái rễ. Trên mỗi chiếc tua là hàng loạt những mấu nhỏ xíu để hút chất dinh dưỡng và leo lên thân cây. Sau một, hai năm thì nó đã chễm chệ tít trên ngọn cây cao. Khi cái cây bắt đầu rụng lá thì sợi dây leo kí sinh kia vẫn còn tươi xanh mơn mớn. Nó không ngừng sinh sôi nảy nở và cắm những chiếc tua vào thân cây, rồi cuối cùng bao phủ toàn bộ cây để tự mình đón lấy nắng mưa. Cuối cùng cái cây héo dần và chết đi, chỉ để lại thân cây bất hạnh suốt đời phục vụ cho sợi dây leo ích kỷ.

Sau cái chết bi thảm của mẹ cháu, bà đã chẳng nghĩ gì về nó trong nhiều năm liền. Đôi khi bà nhận ra rằng mình đã quên con gái và chỉ trích bản thân thật tàn nhẫn. Bởi vì bà đã có cháu để tiếp tục sống, đúng vậy, nhưng bà không nghĩ đó là lý do thật sự, hay có thể chỉ là một phần của lý do ấy thôi. Cảm giác về sự thất bại ở trong bà quá lớn cho nên bà không dám chấp nhận. Chỉ đến những năm tháng gần đây, khi cháu đã bắt đầu tách biệt khỏi bà và cố gắng mò mẫm con đường cho riêng mình thì bà lại nghĩ về mẹ cháu, nghĩ nhiều đến nỗi nó đã trở thành nỗi ám ảnh không nguôi. Bà hối tiếc vô hạn vì đã không bao giờ đủ dũng cảm để đối đầu với mẹ cháu, để nói ra những điều mình chưa nói, rằng “Con sai đến chết đi được, những thứ con làm thật ngốc nghếch.” Bà biết những khẩu hiệu nó sử dụng cực kỳ nguy hiểm, và bà cũng biết là mình cần phải ngay lập tức chấm dứt những việc như thế để bảo vệ nó, thế nhưng bà đã chần chừ không can thiệp vào. Không phải là bà thờ ơ, bà hiểu việc hai mẹ con cần phải bàn luận với nhau là tuyệt đối cần thiết. Lý do tại sao bà đã hành động – hay chính xác hơn là không hành động – chính là cách cư xử mà mẹ bà đã dạy cho bà. Để được yêu thương, bà phải tránh tranh cãi và giả vờ trở thành một con người khác. Ilaria vốn dĩ rất tự phụ và có tính cách mạnh mẽ hơn bà, cho nên bà sợ phải đối đầu trực tiếp cũng như ngại mâu thuẫn với nó. Nếu bà thật sự yêu thương con gái mình thì có lẽ bà đã phản ứng mạnh mẽ hơn và phải cứng rắn hơn với nó; lẽ ra bà phải buộc nó nên làm gì và tuyệt đối không nên làm gì nữa. Có lẽ đó chính là điều nó cần và mong muốn từ bà.

Ai có thể giải thích được vì sao chân lý cơ bản chính là những gì khó lĩnh hội nhất? Nếu vào thời điểm ấy bà có thể nhận ra rằng giá trị cốt lõi của tình yêu thương chính là sức mạnh thì có lẽ sự việc đã xảy ra khác rồi. Nhưng để được mạnh mẽ thì ta phải biết yêu thương chính mình; và để yêu thương chính mình thì ta cần biết rõ tất cả mọi thứ về bản thân, kể cả những bí mật được chôn vùi kỹ nhất và những thứ khó chấp nhận nhất trên đời. Làm sao ta có thể thực hiện được tất cả những điều này khi cuộc sống âm ỉ cứ lôi kéo ta đi theo nó? Nếu là thiên tài xuất chúng thì ta đã có thể làm được ngay từ đầu. Còn những người tầm thường như bà và mẹ cháu phải chấp nhận phó mặc cho số phận như những cành cây khô héo hay những hộp nhựa bị quăng

đi. Ai đó, hay là một cơn gió sẽ quăng ta xuống sông; và bởi vì ta nhẹ bẫng nên sẽ nổi chứ không chìm; đối với ta, điều này có vẻ như là một chiến thắng nên ngay lập tức ta bắt đầu trôi hết tốc độ; ta lao nhanh theo dòng nước để đến bất cứ nơi đâu; đôi khi rễ cây hay những hòn đá buộc ta phải dừng lại; ta bị mắc kẹt một lúc khi dòng nước đổ mạnh xuống, sau đó nước dâng lên và giải thoát ta để rồi ta lại tiếp tục trôi đi; ta nổi trên mặt nước khi dòng sông trôi êm ả, còn khi nước chảy xiết thì ta lại vật lộn dưới dòng; ta không biết rồi mình sẽ đi đâu, và thậm chí cũng chẳng bao giờ tự hỏi; dọc theo những quãng sông yên tĩnh, ta có thể thấy phong cảnh xung quanh, những bờ bãi, những bụi cây; và chi tiết hơn, ta thấy nhiều hình dạng và màu sắc, rồi sau đó ta chẳng thấy gì nữa bởi trôi quá nhanh; thời gian trôi qua, muôn vạn dặm trôi qua, những bờ bãi hạ thấp dần và con sông mở rộng ra, lúc này ta vẫn còn trôi trong lòng sông nhưng chẳng mấy chốc nữa đâu. “Ta đang đi đâu thế này?” ta tự hỏi, và đúng khoảnh khắc ấy ta đã ra tận biển khơi.

Phần lớn cuộc đời bà cũng giống như thế đấy. Bà không bơi mà chỉ biết thì thụp giữa dòng. Những động tác của bà rất lúng túng và không chắc chắn, bà cũng chẳng có chút niềm vui hay hạnh phúc nào cho nên bà hầu như không thể trôi nổi được.

Vì sao bà viết tất cả những thứ này cho cháu? Những thứ quá dài dòng, ủy mị này liệu có ý nghĩa gì cơ chứ? Có lẽ cháu đang chán ngấy và lật nhanh qua các trang một cách đầy giận dữ. Bà muốn gì thế, có lẽ cháu đang tự hỏi, bà đang dẫn cháu đi đâu? Cháu đúng đấy, bà lạc đề quá, thường thì bà cố ý rời đường chính để rẽ vào một lối nhỏ nào đó. Bà cố ra vẻ mình bị lạc đường, mà có lẽ không phải là ra vẻ nữa – bà đã thực sự lạc lối mất rồi. Nhưng đó là con đường duy nhất để đến nơi ta vất vả tìm kiếm bấy lâu: trọng tâm.

Cháu còn nhớ lúc bà dạy cháu làm bánh kẹp không? Bà đã dặn cháu là khi trở bánh thì nghĩ về bất cứ điều gì ngoại trừ việc phải hứng nó sao cho đúng cách. Nếu cháu cứ chăm chăm suy nghĩ về điều đó khi chiếc bánh đang bay giữa không trung thì chắc chắn nó sẽ rơi vỡ nát trong chảo hay thậm chí là

nằm bẹp dí trên lò nướng. Buồn cười thật, nhưng sự xao lãng quả thật là cần thiết khi ta muốn đi đến trọng tâm và trái tim của mọi sự việc.

Nhưng lúc này không phải trái tim của bà đang nói với cháu đâu, đó là dạ dày đấy. Bụng bà đang sôi cả lên bởi vì bữa tối đã xuất hiện giữa câu chuyện về dòng sông và những chiếc bánh kẹp rồi. Giờ bà phải tạm biệt cháu thôi, nhưng trước khi đi, bà sẽ lại gửi cho cháu thêm một nụ hôn mà cháu rất ghét.

## ***Ngày 29 tháng Mười Một***

Cơn bão hôm qua đã gây ra bao nhiêu là thiệt hại: Sáng nay bà tìm thấy một nạn nhân lúc đi dạo trong vườn. Dường như được thúc giục bởi thiên thần hộ mệnh, thay vì chỉ đi vòng quanh căn nhà như thường lệ, hôm nay bà đã bước thẳng tới cuối khu vườn – nơi từng đặt chiếc chuồng gà và giờ là chỗ của đồng phân ủ. Khi đi dọc theo bức tường bé tí ngăn giữa vườn nhà mình và vườn nhà chú Walter, bà phát hiện ra một vật gì đó tối tối nằm trên mặt đất. Lúc đầu trông nó có vẻ như là một quả thông, nhưng chốc chốc lại chuyển động được một quãng ngắn. Bà không mang theo kiếng nên phải đến sát mới có thể nhận ra đó là một con chim hét vẫn còn non nớt, mà lại là một con chim mái. Suýt tí nữa thì bà đã bị gãy xương đùi khi cố bắt nó. Cứ mỗi lần bà gần chụp được thì nó lại nhảy ra xa hơn. Nếu bà còn trẻ thì chuyện này dễ như trở bàn tay, thế nhưng giờ bà chậm chạp quá rồi cháu ạ. Cuối cùng thì bà cũng nảy ra được một ý kiến thiên tài. Bà tháo chiếc khăn trùm đầu và chụp lên người nó, sau đó bọc lại rồi mang vào nhà. Giờ thì cô nàng đang ở trong hộp đựng giày cũ đây này – bà đã chèn vào một ít vải vụn và đục vài cái lỗ trên hộp, trong đó có một lỗ đủ to để nó có thể chui đầu ra.

Lúc bà viết thì cô nàng đang nằm trên bàn ngay trước mặt bà. Bà chưa cho nó ăn gì bởi vì nó vẫn còn quá kích động. Nhìn nó bị kích động mà bà cũng bối rối theo, cái vẻ khiếp đảm của nó làm bà bực mình kinh khủng. Giả sử nếu có một nàng tiên giáng trần – đầu tiên là một luồng ánh sáng chói lóa xuất hiện, sau đó nàng tiên đứng giữa tủ lạnh và lò nướng – thì cháu biết bà sẽ ước gì không? Bà sẽ ước Chiếc Nhẫn Thần của Vua Solomon bởi vì phép lạ của nó sẽ giúp người đeo nhẫn có thể trò chuyện với thế giới động vật. Rồi bà sẽ nói với cô nàng chim hét rằng: “Đừng lo, chim yêu quý của ta, ta là người nhưng rất có thiện chí. Ta sẽ chăm sóc cho người, cho người ăn, và rồi khi người khỏe trở lại thì ta sẽ thả người bay đi.”

Nhưng quay trở lại với chuyện của chúng ta đã. Hôm trước, bà cháu mình đã chia tay ở nhà bếp sau câu chuyện ví von về việc làm bánh kếp, mà có lẽ nó đã làm cho cháu bức hết cả mình nhĩ. Những người trẻ như cháu luôn nghĩ rằng những vấn đề nghiêm túc thì cần phải bàn luận với giọng điệu nghiêm trọng và hùng hồn. Một thời gian ngắn trước khi cháu ra đi, bà thấy lá thư của cháu đặt dưới gối bà, trong đó cố gắng giải thích tại sao cháu không vui. Giờ cháu đang ở thật xa nên bà mới có thể nói là những gì cháu viết đã thể hiện rất rõ rằng cháu thực sự không vui, nhưng ngoài ra thì bà không hiểu gì nữa cả. Tất cả đều rối rắm và mờ mịt. Bà là một người đơn giản và thuộc thế hệ khác xa bọn cháu: nếu thứ gì đó màu trắng, bà sẽ nói là màu trắng; còn nếu nó màu đen, bà sẽ nói là màu đen. Khả năng giải quyết vấn đề của bà bắt nguồn từ kinh nghiệm tích lũy mỗi ngày, từ việc nhìn nhận mọi thứ với bản chất vốn có của nó, chứ không phải theo cách ai đó mong muốn nó xảy ra như ý họ. Sau khi gạn đục khơi trong, loại bỏ tất cả những gì không thuộc về chúng ta – những yếu tố bên ngoài – thì ta mới chắc chắn rằng mình đang đi đúng hướng. Không dưới một lần bà có cảm giác những cuốn sách cháu đọc chỉ làm cháu hoang mang thay vì giúp ích một điều gì – chúng cũng như một con mực khi thoát khỏi kẻ thù sẽ để lại một đám mây đen.

Trước khi quyết định ra đi, cháu đã đưa ra hai lựa chọn: hoặc là đi nước ngoài trong một năm, hoặc là bắt đầu gặp một bác sĩ tâm lý. Bà đã phản ứng một cách dữ dội, cháu còn nhớ chứ? Bà nói rằng cháu có thể đi đến ba năm nếu cháu muốn chứ đừng bao giờ đến gặp một bác sĩ tâm lý dù chỉ một lần, cho dù cháu tự trả tiền đi chẳng nữa. Cháu đã rất sừng sốt trước thái độ quá khích như vậy bởi vì cháu thực sự nghĩ rằng trong hai lựa chọn quái ác ấy, việc đi gặp bác sĩ tâm lý rõ ràng là nhẹ nhàng hơn. Tuy cháu không phản ứng gì nhưng bà cũng tưởng tượng được rằng lúc đó cháu nghĩ bà đã quá già và lạc hậu nên chẳng thể hiểu những điều như vậy. Nếu đúng thế thì cháu nhầm rồi. Ngay từ bé bà đã nghe nói đến Freud. Một trong những người bác của bà là một bác sĩ được học hành ở Vienna và sớm tiếp xúc với những lý thuyết của Freud. Bác ấy say mê đến nỗi lúc nào cũng cố gắng cảm hóa cha mẹ bà mỗi lần đến nhà ăn tối. “Anh sẽ không bao giờ thuyết phục được tôi

rằng nếu tôi mơ về mì sợi spaghetti thì có nghĩa là tôi sợ chết,” mẹ bà tuyên bố. “Nếu tôi mơ về spaghetti thì nó chỉ có một ý nghĩa thôi: Tôi đang đói bụng.” Bác của bà cố gắng trong tuyệt vọng để giải thích rằng tính ngoan cố của mẹ là do sự kiềm nén của bản thân, và nỗi sợ về cái chết của mẹ chắc chắn là bởi vì mì sợi spaghetti và những con giun trông rất giống nhau, mà ai trong chúng ta lại không trở thành giun một ngày nào đó chứ. Hãy thử đoán mẹ của bà đã trả lời như thế nào? Sau một vài giây yên lặng, bà ấy hét lên the thé: “Được rồi, thế tôi mơ về mì ống macaroni thì sao nào?”

Sự tiếp xúc của bà với những nhà tâm lý học không chỉ dừng lại ở những câu chuyện thời thơ ấu. Mẹ của cháu đã được chăm sóc bởi một bác sĩ tâm lý – hay chẳng qua chỉ tự xưng là bác sĩ tâm lý – tới gần mười năm; nó vẫn gặp anh ta cho đến lúc qua đời đấy. Chính vì vậy, bà đã có cơ hội theo dõi toàn bộ sự phát triển của mối quan hệ này, ngày nọ nối ngày kia, cho dù chỉ là gián tiếp. Nói thật là lúc đầu bà chẳng buồn nói nửa lời về chuyện này – cháu biết là những vấn đề như thế thuộc về bí mật chuyên ngành tâm lý phải không? Nhưng ngay lập tức mẹ cháu có cảm giác bị phụ thuộc hoàn toàn vào gã bác sĩ ấy, và điều này đã làm bà rất sốc. Suốt cả một tháng, cuộc sống của nó chỉ quẩn quanh với các cuộc hẹn và những buổi điều trị kéo dài hàng giờ. Chắc cháu sẽ nói là bà đang ghen tỵ phải không? Cũng có thể đúng, nhưng đó không phải là vấn đề chính; điều làm bà lo âu là nhìn thấy con gái mình trở thành nô lệ và bị phụ thuộc, lúc đầu là quan điểm chính trị, rồi sau đó là quan hệ tình cảm. Ilaria gặp gỡ gã ấy trong năm cuối ở Padua, và Padua đã trở thành nơi nó hò hẹn mỗi tuần. Khi nó nói với bà về điều này, bà cảm thấy thật lúng túng và hỏi rằng, “Con nghĩ thật sự cần thiết phải đi xa đến thế để tìm một bác sĩ giỏi sao?”

Ở một khía cạnh nào đó thì quyết định của mẹ cháu trong việc tham khảo ý kiến bác sĩ về tình trạng khủng hoảng liên tục của nó đã làm bà cảm thấy nhẹ nhõm. Bà thầm nhủ rốt cuộc thì Ilaria cũng quyết định nhờ ai đó giúp đỡ, và như vậy đã là một bước tiến trên con đường đúng đắn của nó rồi. Tuy nhiên, ở một phương diện khác, bà biết rằng mẹ cháu rất mong manh dễ vỡ nên cảm thấy hồi hộp không biết liệu nó có chọn được một người thật sự đáng tin cậy hay không.

Việc bước vào thế giới tinh thần của người khác luôn đòi hỏi một sự tinh tế tốt độ. “Làm sao con tìm được anh ta?” bà hỏi. “Có ai giới thiệu anh ta với con không?” Câu trả lời duy nhất của nó chỉ là những cái nhún vai. Thế rồi nó cũng mở miệng, “Làm sao mẹ hiểu được chứ?” và sau đó im lặng đầy tự mãn.

Tuy mẹ cháu có một căn hộ riêng ở Trieste, hai mẹ con vẫn có thói quen ăn trưa cùng nhau ít nhất mỗi lần một tuần. Sau khi việc điều trị tâm lý bắt đầu thì những cuộc trò chuyện ở các buổi ăn trưa trở nên vô vị một cách cố tình. Bà và mẹ cháu chỉ nói về những gì xảy ra trong thành phố, hoặc là về thời tiết; nếu thời tiết tốt và chẳng có gì xảy ra trong thành phố thì hai mẹ con hầu như ăn trong im lặng.

Nhưng đến lần thứ ba hoặc thứ tư Ilaria tới Padua, bà nhận ra nó có sự thay đổi. Thay vì yên lặng như trước, mẹ cháu bắt đầu đặt ra nhiều câu hỏi: nó muốn biết tất cả mọi thứ về quá khứ, về bà, về cha của nó, về mối quan hệ của hai mẹ con. Thế nhưng không hề có chút cảm xúc hay tò mò nào trong nghi vấn của con bé: nó tra hỏi như một thẩm vấn viên, lặp đi lặp lại một vài câu hỏi và chú trọng đến từng chi tiết cũng như làm rõ ngay những nghi ngờ trong vài tình huống nó còn nhớ, bởi vì nó cũng đã từng ở đó. Những lúc ấy bà không còn trò chuyện với con gái của mình nữa mà là đang trả lời một cảnh sát điều tra vốn rắp tâm bắt mình thú tội bằng mọi giá. Một ngày nọ, khi đã mất hết kiên nhẫn, bà đã nói với nó: “Con không thẳng thắn được sao? Cứ nói trắng ra điều con muốn đi.” Nó nhìn bà với thoáng chút mỉa mai rồi cầm một chiếc nĩa gỗ vào ly nước, và khi chiếc ly phát ra một tiếng *ping* thì nó trả lời: “Điều duy nhất con muốn là đi tìm sự thật. Con muốn biết khi nào và tại sao mẹ cùng chồng của mẹ đã bẻ gãy đôi cánh của con.”

Đó là lần cuối cùng bà cho phép mình trả lời hàng loạt những câu hỏi như vậy. Tuần sau đó bà gọi điện mời mẹ cháu ăn trưa nhưng với một điều kiện: Hai mẹ con chỉ nên trò chuyện, chứ không phải là thẩm vấn.

Liệu bà có cảm thấy cắn rứt lương tâm không? Dĩ nhiên là có. Có quá nhiều thứ bà muốn nói với Ilaria nhưng việc lộn trần những suy nghĩ trong



thâm tâm dưới áp lực của một cuộc điều tra thực sự rất sai lầm và có hại. Nếu bà đã tham gia vào trò chơi của mẹ cháu thì hai mẹ con cũng không thể tạo ra được một mối quan hệ mới tốt hơn; rồi bà sẽ buộc phải đóng vai tội phạm vĩnh viễn, còn mẹ cháu sẽ mãi mãi là một nạn nhân không bao giờ tìm ra lối thoát.

Bà lại nói chuyện với mẹ cháu về việc điều trị tâm lý của nó vào nhiều tháng sau đó. Lúc này nó được điều trị tách biệt với bác sĩ trong suốt tất cả các ngày cuối tuần và nó ốm đi trông thấy. Trong những câu nói của nó có những lời nguyền rủa mà trước giờ bà chưa nghe thấy. Bà kể cho nó nghe về chuyện ông trẻ của nó đã tìm gặp bác sĩ tâm lý như thế nào, và rồi tình cờ hỏi nó: “Bác sĩ tâm lý của con đã học ở trường nào?” “Không trường nào cả,” nó trả lời, “hay chính là trường mà anh ấy đã tự lập ra đấy.”

Trước đó bà chỉ có cảm giác bồn chồn, nhưng kể từ thời điểm ấy bà đã trở nên thật sự lo lắng không yên. Bà cố gắng tìm ra tên của gã bác sĩ ấy, và sau một cuộc điều tra ngắn, bà phát hiện ra rằng gã chẳng phải là một bác sĩ. Mọi hy vọng ấp ủ ngay từ đầu về những hiệu quả tốt của việc điều trị tâm lý đã tan biến chỉ trong chớp mắt. Dĩ nhiên chẳng phải việc không có bằng cấp làm bà nghi ngờ, mà việc không có bằng cấp đã trở thành nỗi lo khi tình trạng của Ilaria ngày càng trở nên tồi tệ. Bà nghĩ nếu việc điều trị có tác dụng thì có thể lúc đầu mẹ cháu sẽ cảm thấy khó chịu, nhưng sau đó sẽ khá hơn; và rồi vượt qua mọi nghi ngờ cũng như những lần tái phát, những điều mới mẻ cũng sẽ dần dần đến với nó. Thế nhưng Ilaria trở nên không còn thích thú với bất cứ điều gì nữa. Nó đã tốt nghiệp nhiều năm rồi nhưng vẫn không làm gì và cũng chẳng còn liên lạc với vài người bạn cũ, hoạt động duy nhất của nó là dõi theo những chuyển động tinh thần của chính mình với sự ám ảnh của một nhà nghiên cứu sâu bọ. Thế giới xung quanh nó chỉ là những giấc mơ của đêm hôm qua, hay những lời nói của bà và cha nó từ hai mươi năm trước. Bà nhìn cuộc đời nó đang lụi tàn dần mà cảm thấy bất lực vô cùng.

Mãi ba năm sau đó mới có một tia hy vọng lóe lên, dù chỉ tồn tại được một vài tuần. Không lâu sau lễ Phục Sinh, bà đề nghị mẹ cháu cùng đi du

lịch. Ilaria đã làm bà ngạc nhiên tột độ khi không hề từ chối ý định này mà ngược lại còn ngẩng mặt lên khỏi đĩa thức ăn và hỏi: “Chúng ta có thể đi đâu?” “Mẹ không biết,” bà trả lời. “Bất cứ nơi nào con thích, bất cứ nơi nào chúng ta nghĩ ra.”

Buổi chiều hôm đó, hai mẹ con đã kiên nhẫn chờ đợi các công ty du lịch mở cửa và quấy rầy họ suốt mấy tuần liền để chọn một chuyến đi yêu thích. Rốt cuộc bà đã chọn Hy Lạp – Crete và Santorini – vào cuối tháng Năm. Những công việc bà và mẹ cháu làm cùng nhau trước chuyến đi đã kết nối hai mẹ con theo một cách hoàn toàn mới mẻ. Mẹ cháu suốt ngày bị ám ảnh với đồng hành lý của mình và cứ lo sợ chẳng may sẽ bỏ quên một vật gì đó tuyệt đối cần thiết. Bà đã mua cho mẹ cháu một quyển sổ nhỏ để trấn tĩnh nó. “Hãy lập một danh sách những thứ con cần,” bà bảo nó. “Sau đó gạch bỏ mỗi thứ khi con đã bỏ vào va li.”

Lúc đi ngủ vào đêm hôm đó, bà tiếc nuối sao mình không nghĩ sớm hơn rằng đi du lịch cùng nhau chính là một giải pháp tuyệt vời để hàn gắn mối quan hệ của hai mẹ con. Ngày thứ Sáu trước chuyến đi, Ilaria bỗng gọi điện cho bà bằng cái giọng lạnh lùng của nó. Bà chắc chắn là nó gọi từ một trạm điện thoại công cộng. “Con phải tới Padua,” nó nói. “Con sẽ về, trễ nhất là tối thứ Ba.” “Có thật sự cần thiết không con?” bà hỏi nhưng nó đã cúp máy rồi.

Bà chẳng có tin tức gì mãi đến ngày thứ Năm tuần sau đó. Chuông điện thoại reng vào lúc hai giờ sáng và giọng con bé chập chờn, vừa nhẫn tâm lại vừa tỏ ra ân hận. “Con xin lỗi, nhưng con sẽ không đi Hy Lạp.” Nói rồi nó chờ đợi phản ứng của bà, và bà cũng vậy. Sau một vài giây, bà trả lời: “Mẹ cũng rất tiếc. Nhưng mẹ vẫn sẽ đi.” Nó biết bà đã thất vọng đến mức nào nên cố biện hộ cho quyết định của mình. “Nếu con đi thì con sẽ chạy khỏi chính bản thân mình,” nó thều thào.

Cháu có thể tưởng tượng là chuyến đi ấy thảm hại đến mức nào. Bà ép mình đi theo các hướng dẫn và giả vờ quan tâm đến các phong cảnh hay những công trình khảo cổ học, nhưng thực chất tất cả những gì bà suy nghĩ là về mẹ cháu và tương lai của nó sẽ trôi dạt về đâu.

Bà tự nhủ rằng Ilaria cũng như một người làm vườn, hề thấy những chồi non mới nhú lên là lo sốt vó rằng sẽ có cái gì đó làm hại đến chúng. Vì vậy mà anh ta tổng hàng tá thuốc trừ sâu để phòng tránh rệp và sâu bướm, rồi sau đó mua một tấm màn nhựa chống nước và chắn gió thật tốt để phủ lên. Anh ta chẳng có lấy một phút nghỉ ngơi, suốt ngày đêm cứ trằn trọc về khu vườn và làm thế nào để bảo vệ nó tốt nhất. Thế rồi vào một buổi sáng nọ, anh ta giở tấm màn nhựa lên và hỡi ôi, toàn bộ những bụi cây đã thối rữa và chết hết. Nếu anh ta cứ để cho chúng mọc tự nhiên thì một vài cây sẽ chết như vậy, nhưng những cây khác chắc chắn sẽ còn sống. Cháu hiểu ý bà chứ? Đó là cách mà mọi thứ vận hành, và cuộc sống luôn đòi hỏi lòng rộng lượng: nhắm mắt làm ngơ mọi thứ xung quanh trong lúc miệt mài chăm bẵm bản thân mình chẳng khác gì bạn đã chết rồi nhưng vẫn còn thoi thóp thở...

Vì áp đặt một cách quá cứng nhắc lên lý trí mình, Ilaria đã kiềm nén những tiếng nói xuất phát từ trái tim của nó. Những cuộc tranh cãi của hai mẹ con đã làm bà sợ phát khiếp khi chỉ cần nghĩ đến từ này. Lúc mẹ cháu bước qua tuổi thiếu niên, bà đã nói với con bé rằng: “Trái tim là trung tâm của tinh thần.” Buổi sáng hôm sau bà thấy cuốn từ điển trên bàn trong nhà bếp đang mở ra ở từ “tinh thần” với nét bút chì đỏ gạch dưới định nghĩa của nó: “Một chất lỏng không màu dùng để bảo quản hoa quả.”

Ngày nay, từ “trái tim” lúc nào nghe cũng có vẻ thật ngờ nghệch và tầm thường. Khi bà còn trẻ, từ này được nói ra không một chút ngại ngùng, thế mà giờ đây chẳng ai còn dùng nó nữa. Vào những dịp hiếm hoi được nhắc tới như trong các trường hợp bị thiếu máu do tắc động mạch hay tâm nhĩ có vấn đề thì ý nghĩa của nó cũng không toàn vẹn; đâu còn chút liên quan nào tới trái tim là trung tâm, là bản chất của con người. Bà thường băn khoăn tại sao nó lại bị tẩy chay như thế? “Chỉ một gã khờ mới đặt trọn niềm tin vào trái tim mình.” – Augusto rất hay dùng câu nói được trích từ Kinh Thánh này. Nhưng tại sao người như vậy lại là một gã khờ? Có phải bởi vì trái tim giống như một căn phòng phát cháy? Bởi vì nó tối đen, chỉ có bóng tối và ánh lửa? Lý trí là thời thượng còn trái tim đã quá lỗi thời. Giờ này ai đi theo tiếng gọi của trái tim đều bị xem là trở về với thế giới động vật, với thiên nhiên tự do, còn ai đi theo lý trí mới thuộc vào xã hội bậc cao. Nhưng giả sử

mọi thứ không như thế, và tất cả đều trái ngược thì sao? Có phải lý trí quá mức sẽ làm tâm hồn ta khô héo?

Sau khi trở về từ Hy Lạp, bà có thói quen dành một khoảng thời gian mỗi buổi sáng ở gần cây cầu. Bà thích ghé mắt vào trong để nhìn hệ thống ra-đa và các thiết bị phức tạp chỉ dẫn nơi ta đi đến. Vào một ngày nọ khi đứng xem những sợi dây ăng-ten rung động trong không trung, bà chợt nghĩ con người ngày càng trở nên giống với những chiếc radio chỉ có thể bắt sóng được một đài duy nhất. Cũng như chiếc radio khuyến mãi nhỏ xíu trong các hộp bột giặt ấy: cho dù toàn bộ tầng sóng đã được ghi rõ trên nút dò thì ta cũng không thể bắt được nhiều hơn một hay hai đài; và tất cả những đài còn lại chỉ rè rè không rõ. À, bà có cảm giác là nếu sử dụng lý trí quá mức thì kết quả cũng như vậy đấy: ta chỉ thành công trong việc nắm bắt một phần nhỏ bé của thực tế rộng lớn xung quanh. Thông thường sự hoang mang hay ngờ trệ trong cái phần nhỏ bé ấy bởi vì nó chỉ ngồn ngộn toàn lời nói, mà lời nói chỉ tổ làm ta đi lòng vòng thay vì dẫn ta đến một vị trí cao hơn.

Hiếu biết đòi hỏi ta phải tĩnh lặng. Bà không biết điều này khi còn trẻ. Nhưng giờ thì bà đã lĩnh hội được rồi, vì ngày ngày cô đơn và câm lặng đi quanh quẩn trong nhà như một con cá bơi trong hồ kiếng. Lời nói giam hãm lý trí ta; nếu có một nhịp điệu nào tự nhiên đến với tâm trí thì đó cũng chỉ là sự lệch nhịp của những dòng suy nghĩ; còn trái tim ta lại có thể hít thở được, nó là cơ quan duy nhất có thể đập rộn ràng, và nhịp đập này kích thích những nhịp đập khác mạnh mẽ hơn. Đôi khi cũng chỉ vì tính đãng trí mà bà để TV mở suốt cả buổi chiều. Dù không xem nhưng âm thanh của nó cứ theo bà đi đến hết các căn phòng, thế rồi buổi tối khi lên giường bà cảm thấy lo lắng hơn mọi khi và khó lòng chợp mắt. Tiếng ồn ào và huyền não liên tục cũng là một loại thuốc gây nghiện, một khi ta đã quen thì không thể nào sống thiếu nó được.

Bà không muốn đi xa hơn nữa ngay lúc này. Những trang viết hôm nay có vẻ như một chiếc bánh được làm từ nhiều công thức khác nhau, và tất cả các thành phần hỗn tạp được trộn lẫn giống như những thứ kỳ dị mà cháu bắt bà ném vào ngày nọ rồi bảo rằng nó được gọi là “món ăn tân thời”. Có lẽ bà đã

làm rối tung rối mù hết cả lên. Nếu một nhà triết học đọc được những dòng này thì bà có thể tưởng tượng rằng ông ta không thể nào kiềm chế khỏi việc ghi chú dày đặc với một cây bút chì đỏ như cách mà những thầy giáo già của bà đã từng làm. Ông ta sẽ viết thế này: “Không nhất quán. Không đúng trọng tâm. Thiếu cơ sở logic.”

Còn nếu một nhà tâm lý học đọc được thì sao nhỉ? Ông ta sẽ viết một bài luận dài lê thê về mối quan hệ đổ vỡ của bà với mẹ cháu, và về mọi thứ bà đang kiềm nén trong lòng. Nhưng cho dù bà đã kiềm nén thì bây giờ có gì khác đâu chứ? Bà có một đứa con gái và đã đánh mất nó. Con bé chết trong một tai nạn giao thông vào đúng cái ngày bà tiết lộ rằng người cha bấy lâu nay gây ra bao nhiêu phiền toái cho nó – theo lời nó nói – không phải là cha ruột của nó. Cái ngày ấy vẫn còn hiển hiện trong tâm trí bà như thể đang xem một bộ phim, chỉ có điều là nó không được phát từ một máy chiếu mà mọi hình ảnh đã được cố định trên tường. Bà thuộc nằm lòng thứ tự các phân cảnh và biết rõ mọi chi tiết trong từng cảnh ấy. Không có gì biến mất, tất cả vẫn còn bên trong bà, nó đập trong mạch máu và len lỏi trong mọi suy nghĩ, bất kể lúc bà thức hay đã ngủ. Nó vẫn sẽ còn đập ngay cả sau khi bà chết.

Con chim hét đã tỉnh dậy rồi, cô nàng đang thò đầu ra khỏi cái lỗ trên hộp và kêu chiêm chiêm rành mạch, đều đều. Có vẻ như cô nàng đang nói: “Tôi đói rồi, sao lâu quá mà bà chưa cho tôi ăn?” Bà đứng dậy và tìm thứ gì đó trong tủ lạnh để cho nó ăn. Vì chẳng còn gì cả nên bà gọi điện cho chú Walter để hỏi chú ấy có còn giun không. Lúc bấm số, bà nói với nó rằng: “Mày may mắn lắm biết không, vì mày được sinh ra từ một quả trứng. Mới cất cánh lần đầu tiên thì mày đã quên tuốt cha mẹ mày trông như thế nào rồi.”

## ***Ngày 30 tháng Mười Một***

Chưa tới chín giờ sáng, hai vợ chồng chú Walter đã đến nhà mình với một chiếc túi nhỏ - thì ra chú ấy tìm được một mớ sâu quy từ một người anh họ là dân đánh cá. Chú ấy giúp bà nhẹ nhàng đưa con chim hét ra khỏi hộp, trái tim cô nàng đập như điên dại dưới lớp lông ngực mềm mại. Bà gấp vài con sâu ra khỏi đĩa bằng một cái nhíp và đưa cho nó. Dù bà đã ve vẩy mấy con sâu trông thật ngon lành trước mắt thì nó vẫn chẳng tỏ vẻ thèm thuồng chút nào. “Bà phải cạy mỏ nó ra bằng một cây tăm ấy,” chú Walter đề nghị. “Nhưng trước hết thì phải làm bằng tay đã.” Dĩ nhiên là bà không đủ can đảm để làm chuyện đó. Nhưng rồi bà nghĩ về những con chim nhỏ xíu hai bà cháu mình đã cùng nhau nuôi nấng và nhớ lại việc cần phải làm là cạy chiếc mỏ từ một bên, thế là bà đã làm như vậy. Cứ như thế là có một chiếc lò xo ở bên trong, cô nàng ngay lập tức mở miệng ra. Ăn xong ba con sâu thì cô nàng no căng rồi. Cô Razman pha cà phê vì bà không thể làm được với đôi tay bẩn của mình, rồi sau đó bọn bà ngồi chuyện phiếm. Nếu không nhờ lòng tốt và sự giúp đỡ của họ thì cuộc sống của bà sẽ khốn khó biết nhường nào. Vài ngày tới, họ sẽ đến vườn ươm để mua hạt và củ chuẩn bị cho mùa xuân sắp tới. Họ rủ bà đi cùng nhưng bà chưa trả lời sẽ đi hay không, rốt cuộc mọi người đã đồng ý là sẽ bàn lại về việc này qua điện thoại vào sáng ngày mai.

Hôm đó là ngày Tám tháng Năm. Bà làm vườn suốt cả buổi sáng, lúc này những khóm lâu đài<sup>4</sup> đã nở hoa và cây anh đào đang hé nụ. Mẹ của cháu đột ngột xuất hiện vào buổi ăn trưa mà không hề báo trước. Nó len lén lén ra phía sau bà rồi bất ngờ hét to: “Ngạc nhiên chưa!” Bà giật mình đến nỗi đánh rơi cả cái cào cỏ. Thế nhưng nét mặt của nó trái ngược hoàn toàn với niềm vui giả tạo trong lời chào đầy hồ hởi kia. Trông nó tái xanh tái mét với đôi môi mím chặt. Nó liên tục dùng những ngón tay để vuốt tóc khi nói

chuyện, thỉnh thoảng lại giật giật, chải chải những lọn tóc trước mặt rồi ngâm cả dây buộc tóc trong miệng.

Tình trạng này của con bé đã diễn ra từ khá lâu nên bà không lo lắng lắm, ít nhất là cũng bớt lo hơn bình thường. Bà hỏi nó rằng cháu đang ở đâu. Nó trả lời là cháu đang chơi ở nhà một người bạn. Khi hai mẹ con trở vào nhà, nó lôi ra một chùm hoa lưu ly đã giập nát từ trong túi. “Hôm nay là Ngày Của Mẹ,” nó nói rồi đứng đó nhìn bà với chùm hoa trong tay mà không biết sẽ làm gì tiếp theo. Chính vì vậy mà bà quyết định giúp nó bằng cách ôm nó vào lòng và nói cảm ơn một cách đầy trù mẫn, thế nhưng cảm giác khi chạm vào cơ thể nó đã làm bà sốc khủng khiếp. Người nó cứ cứng đờ như tảng đá. Bà có cảm giác rằng cơ thể nó hoàn toàn trống rỗng như một hang động với màn sương lạnh bao phủ bên ngoài. Bà nhớ rất rõ là đã nghĩ đến cháu vào đúng khoảnh khắc ấy. Bà tự hỏi rằng một đứa bé như cháu sẽ ra sao khi mẹ của nó đang trong tình trạng đáng thương như thế? Thời gian trôi qua và mọi thứ chẳng những không tốt hơn mà ngày càng tồi tệ; bà lo lắng cho cháu và những gì có thể tác động đến cháu. Thế mà con bé cứ giữ khư khư lấy cháu và cho bà gặp càng ít càng tốt. Nó muốn ngăn bà gây ảnh hưởng tiêu cực đến cháu đấy mà. Dẫu có làm hỏng được đời nó, thì bà cũng không thể nào làm hỏng cuộc đời của cháu.

Vì đã đến giờ ăn trưa nên sau khi ôm ấp, bà vào bếp để nấu vài món gì đó. Trời hôm ấy mát dịu nên hai mẹ dọn bàn ra bên ngoài dưới cây hoa tử đằng. Bà trải chiếc khăn ca-rô trắng và xanh lá cây rồi đặt giữa bàn chiếc lọ cắm những cành hoa lưu ly của mẹ cháu tặng. Cháu thấy không? Một người lầm cảm như bà cũng có thể nhớ được mọi việc với độ chính xác không ngờ như thế đấy. Phải chăng bằng một cách nào đó bà đã biết trước rằng đó có thể là lần cuối cùng bà gặp mẹ cháu? Hay có lẽ là sau khi nó chết, bà đã cố bịa đặt ra những cách lý giải về khoảng thời gian lúc hai mẹ con còn ở bên nhau? Ai mà biết? Ai có thể nói được chứ?

Vì chẳng có thứ gì được chuẩn bị từ trước nên bà bắt tay làm món sốt cà chua. Khi sắp xong, bà hỏi Ilaria xem nó thích ăn loại mì Ý nào. Nó la to đáp lại từ bên ngoài, “Gì cũng được,” nên bà nấu món mì xoắn fusilli. Lúc

ngồi xuống ghế, bà hỏi vài điều về cháu nhưng chỉ nhận được những câu trả lời lảng tránh. Bầy côn trùng lì lợm hết bay ra lại bay vào mấy cành hoa như con thoi, tiếng vo ve của chúng như nuốt chửng cả lời trò chuyện của hai mẹ con. Đúng lúc đó có một con gì đen đen bay vào trong đĩa mì của mẹ cháu. “Ong bắp cày! Giết nó, giết nó ngay!” nó hét lớn, nhảy ra khỏi ghế và đập túi bụi lên mọi thứ. Bà nghiêng người nhìn kỹ, thì ra thủ phạm là một con ong nghệ. “Không phải ong bắp cày,” bà bảo nó. “Chỉ là một con ong nghệ thôi, nó không chích đâu.” Bà đuổi con ong đi và bỏ lại mì lên đĩa cho nó. Con bé trông vẫn chưa hoàn hồn nhưng đã chịu ngồi xuống trở lại, cầm nĩa lên mân mê hồi lâu, cứ chuyển hết tay nọ sang tay kia, rồi thì chống khuỷu tay lên bàn và nói: “Con cần một ít tiền.” Trên chiếc khăn trải bàn nơi món mì fusilli vừa bị đổ có một vết màu đỏ thật to.

Vấn đề tiền bạc này kéo dài dai dẳng đến tận vài tháng sau đó. Trước lễ Giáng Sinh, Ilaria thú nhận rằng nó đã ký giúp vài giấy tờ cho bác sĩ tâm lý của nó. Khi bà hỏi để biết rõ chi tiết hơn thì nó lại ù ù cạc cạc như mọi lần. “Chẳng qua là để bảo lãnh thôi mà,” nó nói. “Chỉ là thủ tục không hơn không kém.” Đó là cái lối ác ôn của nó: mỗi lần muốn nói chuyện gì đó, nó chỉ nói nửa vời mà không đưa ra đầy đủ thông tin, và cứ thế trút hết mọi lo lắng của nó lên cho bà. Nhưng bà cần thông tin mới có thể giúp nó được. Trong những chuyện như thế này, nó luôn là người ác ý, mà hơn cả ác ý ấy chứ, đó là nhu cầu mãnh liệt luôn muốn trở thành trung tâm của mọi nỗi đau thương. Tuy nhiên, hầu hết các câu chuyện của nó chẳng qua là đóng kịch.

Chẳng hạn như có lúc nó nói: “Con bị ung thư tử cung rồi,” và sau một hồi tra hỏi, tuy ngắn gọn nhưng rất đổi tuyệt vọng, bà phát hiện chỉ đơn giản là nó mới đi kiểm tra sức khỏe định kỳ mà mọi phụ nữ vẫn hay làm. Cháu thấy chưa? Cũng như là một thằng nhóc khóc giả vờ ấy mà. Suốt mấy năm qua, nó thông báo quá nhiều tấn thảm kịch đến nỗi bà hết tin, hoặc là không còn tin nhiều nữa. Vì vậy mà lúc con bé bảo nó đã ký giấy tờ gì đó, bà chẳng chú ý lắm và cũng không hỏi thêm thông tin gì. Trên hết là vì bà đã kiệt sức, những trò đùa của nó làm bà mòn mỏi cả rồi. Cho dù bà có gắng hỏi hay biết việc này sớm hơn thì cũng chỉ vô ích, bởi vì nó đã ký giấy tờ từ trước đó mà chẳng hé nửa lời.



Thực tế là cái việc động trời ấy đã xảy ra từ lâu, vào cuối tháng Hai. Bà phát hiện ra rằng giấy tờ mà Ilaria đã ký để trở thành người bảo lãnh cho phòng khám của gã bác sĩ kia có giá trị là ba trăm triệu Lia. Chỉ trong hai tháng thì phòng khám bị phá sản với khoản lỗ gần hai tỷ, thế là các ngân hàng đã đua nhau đòi nợ. Trong hoàn cảnh ấy, mẹ cháu chỉ biết khóc lóc với bà và hỏi liệu nó có thể làm gì. Số tiền dùng để bảo lãnh hóa ra chính là căn hộ mà hai mẹ con cháu đang sống, và ngân hàng muốn mẹ cháu phải trả ngay. Cháu có thể tưởng tượng được là bà đã điên tiết đến mức nào. Mẹ cháu đã ngoài ba mươi và nó không hề có chút khả năng tự lực cánh sinh, thế mà lại còn dám đem tài sản duy nhất của mình ra cá cược – đó chính là căn hộ mà bà đã ký cho nó vào ngày cháu chào đời. Bà giận sôi lên nhưng không cho nó trông thấy. Để nó không bị rối loạn hơn nữa, bà giả vờ bình tĩnh và nói: “Để xem chúng ta có thể làm được gì nào.”

Thế rồi mẹ cháu hoàn toàn thu mình trong lãnh cảm trong khi bà bắt đầu tìm kiếm một luật sư giỏi. Bỗng dưng bà trở thành một thám tử bất đắc dĩ và thu thập hết tất cả thông tin để có thể thắng kiện với các ngân hàng. Trong lúc làm việc này, bà phát hiện ra rằng nhiều năm nay gã bác sĩ kia đã cho nó uống thuốc có ảnh hưởng mạnh đến não. Nếu tâm trạng của nó đi xuống một chút trong các cuộc điều trị thì gã tống ngay rượu cho nó. Gã không ngừng nhắc đi nhắc lại rằng con bé chính là đứa học trò cứng và tài giỏi nhất của gã, chẳng bao lâu nữa là nó có thể thành lập một phòng khám và có bệnh nhân của riêng mình. Chỉ cần lặp lại những từ này là bà lạnh cả sống lưng. Hãy tưởng tượng Ilaria chứ không phải ai khác, thật mong manh, hoang mang và không hề tập trung lại có bệnh nhân! Nhưng việc đó cũng có thể xảy ra đấy chứ, nếu như cái phòng khám kia không bị giải thể, và thế là không cần nói cũng biết rằng con bé sẽ mô phỏng rập khuôn nghệ thuật chữa trị của sư phụ nó.

Dĩ nhiên là nó chưa bao giờ dám nói thẳng với bà về dự án nó đang thực hiện. Mỗi lần bà hỏi tại sao nó không dùng tấm bằng văn chương của nó vào việc gì đó thì nó trả lời với một nụ cười ranh mãnh: “Rồi mẹ xem, con sẽ dùng đến nó...”

Thật đau đớn khi phải nghĩ về một điều gì đó, nói về nó lại càng khó khăn gấp bội. Trong những ngày tháng bất đắc dĩ ấy, bà đã hiểu một điều về mẹ cháu, điều mà bà chưa bao giờ nghĩ tới, và chẳng biết có nên nói ra không; tuy nhiên, vì đã quyết định không che giấu bất cứ điều gì với cháu nên có lẽ bà cứ tiếp tục. Vậy thì đây. Điều mà bà bỗng dưng hiểu về mẹ cháu là... là nó chẳng hề thông minh tí nào. Quá trình đi đến việc thấu hiểu rồi chấp nhận nó thực sự khó khăn vô cùng, một phần là vì bà mẹ nào cũng luôn tự lừa dối bản thân về con cái của mình, và một phần là vì nó rất giỏi trong việc tung hỏa mù với những kiến thức giả tạo cũng như tài biện hộ của nó. Nếu có đủ dũng cảm để đối diện với sự thật trước khi quá muộn thì bà đã bảo vệ nó tốt hơn và yêu thương nó một cách mạnh mẽ hơn. Và có lẽ nếu bà bảo vệ nó thì bà đã có thể cứu sống nó rồi.

Đó là điều quan trọng nhất, nhưng trước khi ý thức được như thế thì mọi chuyện hầu như không thể giải quyết được. Khi xem xét toàn bộ tình cảnh lúc đó thì chỉ có một cách duy nhất, đó là tuyên bố rằng nó không có đủ năng lực hành vi, và như thế việc tố tụng là không chính đáng. Vào ngày bà nói với nó rằng bà và luật sư quyết định làm theo cách đó, mẹ cháu đã nổi cơn tam bành. “Mẹ làm như vậy là có âm mưu!” nó liên tục la hét. “Tất cả là vì mưu tính chiếm lấy con gái của con!” Tuy nhiên, bà chắc chắn rằng điều làm nó đau đớn nhất chính là việc thông báo nó không đủ năng lực hành vi, vì như vậy có nghĩa là sự nghiệp của nó vĩnh viễn chấm dứt trước khi được bắt đầu. Nó đang bị bịt mắt và đi trên bờ vực thẳm nhưng vẫn cứ tin rằng mình đang dạo chơi trên một cánh đồng. Sau đó nó ra lệnh cho bà phải chấm dứt làm việc với luật sư và hãy quên hết tất cả mọi thứ đi. Nó tự tìm đến một luật sư khác và bà không còn nghe gì về vấn đề này nữa cho tới ngày nó mang chùm hoa lưu ly đến tặng bà.

Cháu có biết là bà cảm thấy thế nào khi nó chống khuỷu tay lên bàn và hỏi tiền không? Đúng, dĩ nhiên là bà đang nói về mẹ cháu, và có lẽ cháu không cảm nhận được gì ngoài sự giả dối cay độc trong những lời nói của bà, có lẽ cháu nghĩ rằng mẹ cháu đúng khi nó ghét bà. Nhưng hãy nhớ điều bà đã nói với cháu ngay từ đầu, rằng mẹ cháu là con gái của bà, và bà đã mất mát nhiều hơn là cháu đấy. Cháu vẫn còn quá ngây thơ khi mất mẹ, nhưng

bà thì không, không chút nào. Nếu thi thoảng cháu cảm thấy sao bà có thể nói về chuyện này một cách vô tư như thế thì hãy nghĩ rằng bà đã đau đớn đến mức nào, và nỗi đau ấy không thể diễn tả hết bằng lời. Vô tư chỉ là vẻ bề ngoài, vô tư chính là khoảng không giúp bà hít thở và tiếp tục nói ra những điều này đấy cháu ạ.

Khi mẹ cháu đề nghị bà trả nợ cho nó, lần đầu tiên trong đời bà đã nói không với nó, tuyệt đối không. “Mẹ không phải là ngân hàng Thụy Sĩ,” bà bảo nó. “Mẹ không có số tiền đó. Mà cho dù có thì mẹ cũng không đưa cho con, con đủ lớn để chịu trách nhiệm cho những hành động của mình. Tài sản duy nhất của mẹ là căn hộ mà mẹ đã cho con. Nếu con làm mất nó thì mẹ cũng chẳng quan tâm.” Thế là nó bắt đầu khóc lóc sụt sùi. Nó bắt đầu nói một câu, rồi dừng lại nửa chừng và bắt đầu một câu khác; bà không thể hiểu mà cũng chẳng thấy chút logic nào trong những lời nó nói. Sau mười phút than van thì nó đi tới chủ đề yêu thích nhất: cha nó và những điều sai trái mà nó cho là ông ấy đã làm, chủ yếu là việc ông ấy chẳng hề đoái hoài đến nó. “Con muốn được đền bù, mẹ hiểu không?” nó hét lớn với ánh mắt rực lửa dữ tợn. Thế là bà nổ tung. Bí mật bà thề sẽ đem theo xuống mồ đã bật ra khỏi môi. Ngay sau khi lỡ lời, bà đã hối tiếc biết bao, bà muốn lấy nó lại và có thể làm bất cứ điều gì để nuốt chửng những từ ngữ đó, thế nhưng đã quá muộn rồi. Câu nói “Cha của con không phải là cha ruột của con” đã chạm tới tai con bé. Gương mặt nó tái xanh hơn cả lúc trước. Nó từ từ đứng lên và nhìn bà chằm chằm cả một lúc lâu. “Mẹ nói gì?” Giọng nó hầu như không thể nghe rõ, nhưng thật kỳ lạ là bà bình tĩnh trở lại ngay. “Con nghe đúng đấy,” bà trả lời. “Mẹ nói là chồng của mẹ không phải là cha ruột của con.”

Ilaria phản ứng thế nào ư? Đơn giản là nó bỏ đi. Nó quay đầu và đi thẳng đến công vườn, di chuyển như một con rôbốt chứ không phải là người. “Đợi đã! Hãy nói chuyện đã!” bà hét to với giọng the thé đầy giận dữ.

Tại sao bà chẳng đứng dậy, tại sao bà chẳng chạy theo nó, tại sao bà chẳng làm gì để ngăn nó ra đi? Bởi vì bà cũng chết điếng với lời lẽ của chính mình. Cháu hãy hiểu là điều bà bảo vệ cẩn thận bao nhiêu năm nay bỗng dưng vụt khỏi tầm tay. Cứ như một con chim bạch yến đột nhiên thấy cửa

lồng hé mở và vôi vàng bay mất trong tích tắc. Mà nó lại bay đến một người bà không hề mong muốn.

Khoảng sáu giờ chiều ngày hôm ấy, khi bà đang tưới những khóm hoa tú cầu trong lúc vẫn còn bàng hoàng tột độ, vài cảnh sát đã đến và thông báo rằng một tai nạn đã xảy ra.

Giờ đã khuya rồi nên bà phải nghỉ ngơi một lát. Bà đã cho Buck và con chim hét ăn. Bà cũng đã dùng bữa tối và xem tivi một lát. Cái vỏ bọc già cỗi và rách rưới của bà không thể giúp bà chịu đựng nổi những cảm xúc mạnh mẽ quá lâu nữa rồi. Nếu muốn tiếp tục làm gì đó thì bà phải xao lãng đi một lát để hít thở chút không khí đã.

Cháu cũng biết là mẹ cháu không mất ngay mà chập chờn giữa sự sống và cái chết trong mười ngày. Bà đã ở bên cạnh con bé suốt và hy vọng giá như nó mở mắt, dù chỉ trong giây lát, để bà có cơ hội xin lỗi nó lần cuối cùng. Chỉ mỗi hai mẹ con bà trong căn phòng nhỏ xíu đầy máy móc, có một màn hình nhỏ cho thấy trái tim nó vẫn đang đập, còn một màn hình khác thì lại cho thấy não của nó hầu như ngừng hoạt động rồi. Bác sĩ bảo rằng những bệnh nhân trong tình trạng như vậy đôi khi có thể phục hồi khi nghe những âm thanh họ yêu thích, vì vậy bà mang đến chiếc băng cát-xét với những bài hát nó say mê lúc nhỏ và bật liên tục hàng giờ. Có điều gì đó thực sự đã chạm đến nó, bởi vì biểu hiện trên gương mặt của nó thay đổi ngay từ nốt nhạc đầu tiên, nét mặt nó giãn ra và đôi môi bắt đầu động đậy như một đứa trẻ sơ sinh sau khi được cho bú. Có vẻ như đó là một nụ cười mãn nguyện. Ai biết được, có lẽ ký ức về những khoảnh khắc tươi vui được lưu giữ trong một phần nhỏ của bộ não vẫn còn hoạt động, và nó đang tạm thời ẩn lánh ở nơi ấy. Sự thay đổi tí xíu ấy cũng đủ làm bà ngập tràn hạnh phúc. Những lúc như vậy, chúng ta thường làm đủ mọi cách để mong sự việc tốt hơn. Bà liên tục xoa đầu nó và lặp đi lặp lại: “Con yêu ơi, con phải ráng lên, chúng ta vẫn còn cả cuộc đời trước mắt để sống với nhau, chúng ta sẽ bắt đầu lại từ đầu, và mọi thứ sẽ không còn như trước nữa.” Khi trò chuyện với mẹ cháu, có một hình ảnh liên tục xuất hiện trước mắt bà: con bé chỉ mới bốn hay năm tuổi đang đi dạo trong vườn và nói chuyện không ngừng với con búp bê yêu

thích nhất trong tay. Lúc đó bà đang ở trong bếp và không nghe rõ những gì nó nói. Thỉnh thoảng bà chỉ nghe thấy nó cười, ôi tiếng cười tươi vui, hạnh phúc biết bao. Bà tự nhủ rằng nếu nó từng hạnh phúc, nó sẽ được hạnh phúc thêm lần nữa. Và cuộc đời mới của nó phải được bắt đầu từ đó, từ đứa bé đáng yêu đó.

Như nhiều trường hợp khác, điều đầu tiên mà các bác sĩ nói với bà sau trận tai nạn là cho dù mẹ cháu còn sống thì nó cũng không bao giờ được như trước đây, có thể là nó sẽ bị liệt hoặc tổn thương não vĩnh viễn. Và cháu biết không, vì sự ích kỷ của tình mẫu tử nên bà chỉ quan tâm đến một điều là nó phải sống, cho dù có bị như thế nào đi chăng nữa. Thực tình, nếu trách nhiệm duy nhất của bà là đẩy xe lăn, tắm rửa, đút cho nó ăn hay chăm sóc nó cả đời thì âu đó cũng là cách tốt nhất để chuộc lại mọi lỗi lầm. Nhưng nếu tình yêu thương của bà đủ chân thành, nếu bà yêu nó bằng cả trái tim thì có lẽ bà sẽ cầu nguyện cho nó ra đi. Tuy nhiên, cuối cùng thì Ai đó đã yêu nó hơn bà: vào cuối buổi chiều ngày thứ chín, nụ cười mơ hồ của nó biến mất trên gương mặt và nó đã ra đi. Bà nhận ra ngay vì đang ngồi bên cạnh nó, thế nhưng bà không thông báo cho y tá trực liền bởi vì bà muốn ở bên nó thêm một thời gian. Bà vuốt ve khuôn mặt nó, siết chặt tay nó như bà vẫn từng làm lúc nó còn bé xíu. Bà liên tục lặp đi lặp lại: “Con yêu ơi, con yêu ơi.” Sau đó bà quỳ xuống giường, vẫn nắm chặt tay nó rồi bắt đầu cầu nguyện. Và trong lúc cầu nguyện, bà đã bắt đầu khóc.

Bà vẫn khóc cho đến khi cô y tá khẽ chạm vào vai. “Ra đây với cháu,” cô ấy bảo, “cháu sẽ cho bà thứ này để bình tâm trở lại.” Bà chẳng muốn bình tâm, bà chẳng muốn bất kỳ thứ gì để khóa lấp nỗi đau của mình. Bà ở đó đến lúc họ đưa con bé tới nhà tang lễ. Sau đó bà đón taxi tới nhà của người bạn nơi cháu đang chơi, và đến tối thì bà đón cháu về nhà. “Mẹ đâu rồi bà?” cháu hỏi trong lúc ăn tối. “Mẹ cháu đi rồi,” bà bảo cháu. “Nó đã đi một chuyến rất xa, xa tới tận tận trời kia kìa.” Cháu tiếp tục ăn trong yên lặng, bà nhìn mãi cái đầu vàng hoe bự xự của cháu. Vừa ăn xong, cháu liền hỏi bà với giọng thật nghiêm túc: “Bà cháu mình có thể vẫy chào mẹ không ạ?” Bà trả lời: “Dĩ nhiên rồi, cháu yêu của bà,” và bế cháu trên tay rồi cùng

đi ra vườn. Hai bà cháu mình đã đứng trên bãi cỏ thật lâu trong khi cháu vẫy bàn tay nhỏ xíu của mình với các vì sao.

## ***Ngày 1 tháng Mười Hai***

Tâm trạng bà thật tồi tệ suốt mấy ngày qua. Không có lý do cụ thể nào cả, chẳng qua là cơ thể chúng ta biết cách tự cân bằng ngay từ bên trong. Nếu nó chẳng tiếp nhận được gì hay ho thì làm sao tạo ra những điều tốt đẹp? Sáng hôm qua, khi mang mấy món đồ tạp hóa đến và nhìn mặt bà dài thườn thượt, cô Razman đã đổ lỗi hết cả cho mặt trăng. Thực tế là trăng đã tròn vào đêm trước đó. Nếu mặt trăng có thể ảnh hưởng đến thủy triều và làm cho bắp cải tím trong vườn lớn nhanh hơn thì tại sao nó không tác động đến tâm trạng của chúng ta được chứ? Bản thân chúng ta được cấu tạo từ gì nếu không phải là nước, các loại khí và khoáng chất? Dù sao đi nữa thì trước khi ra về, cô ấy đã để lại một chồng tạp chí lá cải rất ấn tượng, và thế là bà dành cả ngày để đọc cho đến mù mắt cả người. Lần nào cũng thế! Lúc đầu thấy chúng, bà nhủ thầm rằng: Được rồi, mình chỉ đọc lướt qua khoảng nửa tiếng thôi, không lâu hơn nữa đâu, còn bao nhiêu thứ có ích cần phải làm cho xong đấy. Thế nhưng mỗi lần đọc là bà đọc đến tận chữ cuối cùng. Cuộc đời bất hạnh của Công nương xứ Monaco làm bà buồn rười rượi; còn những cuộc tình vô bổ của em gái cô ấy lại khiến bà giận dữ vô cùng; những câu chuyện sướt mướt được kể tỉ mỉ đến từng chi tiết như vậy đã làm tim bà đập gấp gấp hơn. Và ôi chao là những bức thư! Bà chưa bao giờ thôi ngạc nhiên sao có những người dám cả gan viết như thế. Bà không phải là một kẻ đạo đức giả – ít nhất bà không nghĩ mình như vậy – nhưng không thể phủ nhận là sự tự do quá mức đã làm bà bối rối.

Nhiệt độ hôm nay đang xuống. Bà không đi dạo trong vườn vì sợ rằng gió rét và những cơn giá lạnh trong lòng sẽ quật bà gãy làm đôi như một cành cây đông cứng. Bà tự hỏi liệu cháu vẫn còn đang đọc đấy chứ. Giờ cháu đã hiểu bà rõ hơn, có lẽ cháu lại càng muốn cự tuyệt bà và chẳng thèm tiếp tục. Nhưng cảm giác về sự cấp bách trong thời điểm này đã không cho phép bà

trốn tránh, bà không thể dừng lại, cũng như không còn bất cứ lối thoát nào. Dù bí mật này đã được chôn giấu trong lòng suốt bao nhiêu năm nay nhưng giờ thì bà không thể giữ kín được nữa. Bà từng nói rằng khi lần đầu tiên nhìn thấy cháu hoang mang vì cuộc sống dường như không có trọng tâm, bà cũng hoang mang tột độ, có lẽ là còn nhiều hơn cháu nữa cơ. Bà biết những khái niệm về “trọng tâm” của cháu – hay đúng hơn là cháu không hề có – liên quan chặt chẽ đến việc cháu không bao giờ biết cha mình là ai. Dĩ nhiên, nghĩa vụ đau thương của bà là nói cho cháu biết mẹ của cháu đã đi đâu, và cũng dĩ nhiên là bà chưa bao giờ có thể trả lời những câu hỏi về cha cháu. Làm sao bà có thể chứ? Bà không hề có chút khái niệm nào về người đàn ông ấy. Ilaria đã đi nghỉ mát một mình thật lâu ở Thổ Nhĩ Kỳ vào mùa hè nọ, và sau chuyến đi ấy, nó đã có thai. Lúc này con bé đã ngoài ba mươi, và thường những phụ nữ chưa có con ở lứa tuổi ấy sẽ khao khát sinh con đến phát cuồng lên. Họ muốn một đứa con bằng bất cứ giá nào, chẳng quan trọng là làm thế nào hay có con với ai.

Bên cạnh đó, hầu hết tất cả phụ nữ thời ấy đều là những người sục sôi vì những giá trị nữ quyền. Mẹ cháu và vài người bạn đã cùng sáng lập ra một câu lạc bộ. Nhiều điều chúng nó nói là có giá trị và bà đồng ý, thế nhưng lẫn lộn trong đó là các kết luận hết sức áp đặt và những ý tưởng rất méo mó, bệnh hoạn. Một trong số đó là phụ nữ cần phải làm chủ hoàn toàn cơ thể của mình, việc có con hay không là tuyệt đối tùy thuộc vào họ. Đàn ông chỉ cần thiết về mặt sinh học và họ chỉ được dùng cho mục đích này thôi. Mẹ cháu không phải là người duy nhất thực hiện như thế; hai hay ba đứa bạn của nó cũng có con với cách tương tự. Cũng dễ hiểu thôi, phải không cháu? Khả năng sinh sản mang đến cho ta cảm giác được thực hiện thiên chức vô hạn của mình. Bóng tối, cái chết, hay sự bấp bênh của cuộc sống – tất cả đều lui về phía sau để ta lại hòa mình vào thế giới với một tâm thế vô cùng mới mẻ, và điều kỳ diệu này sẽ xóa bỏ hết tất cả những gì còn lại.

Mẹ cháu và những người bạn của nó đã tìm thấy sự đồng cảm từ thế giới động vật. Chúng nó nói rằng: “Mối liên hệ duy nhất của con cái và con đực là khi chúng giao phối. Lúc chia rẽ, những đứa con sẽ ở lại cùng với mẹ.” Bà không có cách nào để chứng minh liệu nó đúng hay sai. Nhưng bà biết rằng



chúng ta là con người, mỗi chúng ta được sinh ra với một gương mặt khác với tất cả những người còn lại, và gương mặt ấy sẽ đi cùng ta suốt cả cuộc đời. Mọi thứ đều ở trên gương mặt ta. Lịch sử của đời ta, cha ta, mẹ ta, ông bà, cụ kỵ, thậm chí có thể là một người chú họ xa lắc xa lơ chẳng ai nhớ tới. Đằng sau gương mặt ấy là bản chất của mỗi người, tất cả những điều tốt và những điều chưa tốt từ tổ tiên đã truyền lại cho ta. Gương mặt chính là đặc điểm nhận dạng đầu tiên, nó giúp ta tồn tại trên cuộc đời này và tự hào xưng danh: “Nhìn này, tôi đang ở đây.” Vì vậy mà khi cháu lên mười ba, mười bốn tuổi và bắt đầu dành hàng giờ đứng trước gương, bà hiểu là cháu đang tìm kiếm những gì. Chắc chắn là cháu đang kiểm tra xem có mụn và trứng cá trên mặt không, rồi bần khoăn cái mũi sao tự nhiên to thế nhỉ, nhưng ngoài ra vẫn còn một thứ gì đó. Cháu nhìn xem mình đã thừa hưởng những đặc điểm nào từ phía họ hàng của mẹ, và rồi cố gắng hình dung gương mặt của người cha đã sinh ra cháu. Đây chính là điều mà mẹ cháu và bạn bè của nó đã không suy nghĩ kỹ càng: rằng một ngày nọ đứa trẻ sẽ nhìn vào gương để rồi nhận ra còn có một con người khác ở bên trong nó, và nó muốn biết tường tận về con người đó. Có những người mất cả cuộc đời để tìm kiếm gương mặt của cha hay mẹ họ đấy cháu ạ.

Ilaria tin rằng yếu tố di truyền không có ảnh hưởng chút nào đến sự phát triển của con cái. Đối với nó, các yếu tố quan trọng là giáo dục, môi trường và sự nuôi dưỡng. Bà không đồng ý với nó. Theo ý kiến của bà thì có hai nhân tố quan trọng như nhau: những ảnh hưởng bên ngoài chiếm một nửa, và nửa còn lại là những gì chúng ta được thừa hưởng từ lúc sinh ra.

Trước lúc cháu đi học, bà chẳng gặp phải vấn đề gì lớn. Cháu không bao giờ hỏi về cha cháu, và bà luôn cẩn thận tránh nhắc tới điều này. Nhưng khi bắt đầu học tiểu học, vì những bạn nhỏ xung quanh và các bài tập khó chịu mà các giáo viên giao cho, cháu đột nhiên nhận ra có cái gì đó thiếu thiếu trong cuộc sống hàng ngày. Dĩ nhiên là nhiều bạn trong lớp cũng đến từ những gia đình đổ vỡ hay những hoàn cảnh đặc biệt, nhưng không ai ngoại trừ cháu lại hoàn toàn không biết gì về cha mình. Cháu chỉ mới sáu, bảy tuổi thôi. Làm sao bà có thể giải thích những gì mẹ cháu đã làm? Và bên cạnh đó, bà cũng chẳng biết gì ngoài việc cuộc đời cháu đã được bắt đầu từ Thổ

Nhĩ Kỳ. Thế là bà đã sử dụng dữ kiện duy nhất mà mình biết – đất nước nơi cháu ra đời – để sáng tạo một câu chuyện chẳng mấy lạ thường.

Bà đã mua một cuốn cổ tích Phương Đông và đọc cho cháu nghe hàng đêm. Bằng cách dùng những câu chuyện này để làm mẫu, bà thêm dệt nên một câu chuyện đặc biệt dành riêng cho cháu. Cháu vẫn còn nhớ chứ? Mẹ cháu là một nàng công chúa, còn cha cháu là hoàng tử của vương quốc Trăng Lưỡi Liềm. Như tất cả mọi công chúa và hoàng tử, cả hai đã yêu nhau say đắm và luôn sẵn sàng hy sinh tính mạng cho người kia. Tuy nhiên, nhiều kẻ nịnh thần đã đổ kị với tình yêu ấy. Kẻ ghen tuông nhất chính là tên tế tướng độc ác và quyền lực đã thực hiện một lời nguyền lên công chúa và đứa con còn nằm trong bụng mẹ. May mắn thay, một cận thần tốt bụng đã cấp báo cho hoàng tử, nhờ thế mà một đêm nọ mẹ cháu đã cải trang thành một nông dân và rời bỏ tòa lâu đài để đến ẩn náu tại thành phố này – đây chính là nơi cháu đã được sinh ra.

“Cháu là con gái của công chúa ư?” cháu hỏi bà với đôi mắt sáng long lanh. “Dĩ nhiên rồi,” bà trả lời, “nhưng đó là điều tuyệt mật, cháu không bao giờ được nói với ai đấy nhé.” Bà hy vọng sẽ đạt được gì với lời nói dối kỳ quặc ấy? Thực sự là không có gì, có lẽ là chỉ để cho cháu có thêm vài năm yên ổn. Bà biết rồi sẽ đến một ngày cháu không còn tin vào câu chuyện cổ tích xuân ngốc của bà nữa, và bà cũng biết rất có thể cháu sẽ bắt đầu ghét bà vào đúng cái ngày ấy. Tuy nhiên, bà tuyệt đối không thể không kể cho cháu câu chuyện này được. Cho dù có tập hợp hết lòng can đảm nhỏ bé của mình thì bà cũng chẳng bao giờ có thể nói rằng: “Bà không biết cha cháu là ai; có lẽ đến mẹ cháu còn chẳng biết nữa là.”

Đó là những năm tháng tự do về tình dục: hoạt động tình dục được xem là một chức năng bình thường của cơ thể con người, ai cũng có thể thỏa mãn bất cứ lúc nào họ muốn, hôm nay với người này, ngày mai lại với người kia. Ilaria có hàng tá bạn trai – bà không nhớ bất kỳ người nào quen với nó hơn một tháng. Mẹ cháu vốn tự nhiên đã bất ổn nên nó không thể đối mặt với tình trạng yêu đương nay đây mai đó như những người khác. Mặc dù chưa bao giờ ngăn chặn nó làm bất cứ điều gì hoặc chỉ trích nó bằng cách này hay

cách khác, bà đã thực sự lo lắng với sự dễ dãi bất ngờ này. Bà không quá sốc vì sự lang chạ của nó mà là vì cảm xúc con người sao lại xuống cấp đến thế. Một khi không có gì bị cấm đoán nữa thì cảm giác đặc biệt của riêng mỗi cá nhân sẽ không còn, và niềm đam mê cũng biết mất. Với bà, Ilaria và bạn bè của nó như những thực khách bị ốm nặng tại một buổi dạ tiệc và cố tỏ ra lịch sự ăn bất kỳ món gì được dọn lên mà không hề có cảm giác ngon miệng chút nào: cà rốt, bò nướng, hay các món ngọt đều có vị giống nhau.

Chắc chắn sự dễ dãi về tình dục này chủ yếu là sự lựa chọn của mẹ cháu, nhưng có lẽ còn một nhân tố khác có liên quan. Chúng ta biết được bao nhiêu về cách thức mà lý trí ta hoạt động? Rất nhiều, nhưng không phải là tất cả. Liệu ai đó có thể nói rằng ở sâu trong ý thức của con bé có một trực giác mách bảo rằng người đàn ông nó đang sống cùng không phải là cha ruột của nó hay không? Và chẳng phải điều này đã giải thích rất nhiều về nỗi lo âu và sự bất ổn thường trực của nó đấy sao? Bà chưa bao giờ băn khoăn về những điều này khi nó còn nhỏ, thậm chí đến khi nó đã là thiếu nữ rồi trở thành một phụ nữ trưởng thành; thiên tiểu thuyết mà bà nuôi nấng nó lớn lên quả thật là hoàn hảo. Nhưng đến khi con bé trở về từ chuyến nghỉ mát với bào thai ba tháng tuổi, tất cả bỗng đổ ập về. Ta không thể thoát khỏi những lừa lọc và dối trá. Hay đúng hơn là ta có thể lẩn tránh trong một thời gian, nhưng đến khi ta ít trông đợi nhất, chúng bất ngờ nhảy vọt trở lại và không còn dễ chịu như lúc ta nói ra, rõ ràng là không còn vô hại nữa, không hề! Lúc ta nghĩ rằng chúng đã đi thật xa thì từ lúc nào chúng đã biến thành những con yêu tinh, những con quái vật không hơn không kém. Chúng chỉ cần thoát ra trong một giây thì ta đã nằm ngã ngửa, và thế là cả bọn khát máu xô vào ăn tươi nuốt sống ta ngay. Vào một ngày nọ lúc lên mười, cháu đã đi học về trong nước mắt. “Dối trá!” cháu quát lên và ngay lập tức khóa chặt cửa phòng. Cháu đã khám phá ra rằng câu chuyện cổ tích của bà chỉ là những lời lừa dối.

*Dối trá* có thể là tựa đề cuốn tự truyện của bà. Suốt cả cuộc đời mình, bà chỉ nói dối có một lần.

Thế nhưng với lời nói dối ấy, bà đã hủy hoại đến ba đời người.

## ***Ngày 4 tháng Mười Hai***

Con chim hét vẫn còn ở trên bàn trước mặt bà. Mấy ngày nay nó không ăn uống ngon lành nữa mà cứ nằm yên trong hộp và không kêu chiêm chiếp liên tục với bà, thậm chí còn chẳng chui đầu ra khỏi lỗ – bà chỉ thấy loáng thoáng chùm lông trên đỉnh đầu của nó thôi. Sáng nay, mặc cơn giá rét, bà đi tới vườn ươm cùng với vợ chồng chú Walter. Bà đã chần chừ cho tới phút cuối cùng vì nhiệt độ thấp tới nỗi một con gấu cũng phải chùn chân. Bên cạnh đó còn có một giọng nói vang lên từ một nơi tối đen trong trái tim bà: “Tại sao mình lại quan tâm đến việc trồng thêm hoa chứ?” Nhưng khi bấm nút gọi cho cô Razman để từ chối, bà liếc ra ngoài cửa sổ và thấy khu vườn trông mới tàn úa làm sao, thế là bà cảm thấy hối tiếc cho thói ích kỷ của mình. Có lẽ bà sẽ không được thấy một mùa xuân nữa, nhưng chắc chắn cháu sẽ còn thấy rất nhiều.

Bà có cảm giác bồn chồn không yên suốt mấy ngày nay! Khi không viết, bà thơ thẩn từ phòng này sang phòng khác, nhưng chẳng có nơi nào khiến lòng bà dịu lại. Bà chẳng làm được gì nhiều, và những gì cố gắng làm cũng không mang đến được sự thanh thản hay giúp bà đưa những suy nghĩ của mình thoát ra khỏi các ký ức đau buồn. Nỗi đau từ lâu lắm trong quá khứ đã quay trở lại và vẫn mãnh liệt, day dứt như lúc nó vừa mới xảy ra.

Bà đã kể cho cháu nghe về bản thân và bí mật của bà. Nhưng câu chuyện cần phải được bắt đầu từ lúc mở đầu, và đó là những ngày bà mới trở thành thiếu nữ. Bà vẫn sống trong nỗi cô đơn khác thường như lúc bà lớn lên. Vào thời đó, thông minh không được đánh giá quá cao trong tất cả các đặc điểm của một phụ nữ để có thể lấy chồng; theo tập quán thì một người vợ chỉ như một con ngựa cái chặm chạp, để bảo chứ không là một thứ gì hơn. Một phụ nữ biết hỏi những câu hỏi, một người vợ hay tò mò, năng động là điều cuối

cùng mà một người đàn ông muốn, và chính vì vậy mà khi còn trẻ, bà đã thực sự cô đơn. Nói thật là lúc mười tám, đôi mươi, nhìn thấy bà xinh đẹp và gia đình cũng khá giả nên bà cũng có một đám người tán tỉnh vây quanh. Nhưng khi bà cho thấy rằng mình biết cách trò chuyện cũng như mở rộng trái tim và nói ra những suy nghĩ của mình thì xung quanh bà chỉ còn là khoảng trống. Tất nhiên là bà có thể im lặng và giả vờ trở thành một người khác, nhưng thật đáng tiếc – hay may mắn cũng nên – phần chân thật nhất của bản thân bà vẫn còn sống sót qua bao năm tháng đã cự tuyệt việc bị chối từ.

Cháu đã biết là bà không thể tiếp tục học sau trung học vì cha bà ngăn cấm. Những hy vọng của bà đã chết tức tưởi, và chúng để lại trong bà niềm khát khao kiến thức tột độ. Nếu một anh chàng nào đó nói rằng mình đang học ngành y là bà liền đưa ra hàng loạt câu hỏi, bà muốn biết tất cả mọi thứ, và bà cũng hỏi như vậy với những kỹ sư và luật sư tương lai. Chính cách cư xử của bà đã làm nhiều người khiếm vía, dường như bà quan tâm đến học vấn của người đó hơn là chính bản thân anh ta. Khi trò chuyện với các bạn gái ở trường, bà có cảm giác mình thuộc về một thế giới cách xa nơi họ sống rất nhiều năm ánh sáng. Khoảng cách lớn nhất giữa bà và họ chính là những mưu mẹo của phụ nữ. Khi bà còn chẳng biết gì thì họ đã thành thạo và tận dụng chúng đến mức tối đa. Đằng sau vẻ ngoài kiêu căng, tự phụ, những người đàn ông cực kỳ mong manh và ngây thơ; chẳng qua là họ đã tự khoác lên những lớp vỏ cứng cỏi bên ngoài, tất cả những gì ta cần làm là kéo một lớp xuống, và thế là họ tự tụt những lớp còn lại như thể một con cá đã sẵn sàng lao vào chảo. Bà nhận thức về điều này khá trễ, trong khi những cô bạn gái đã biết từ lúc mới mười lăm, mười sáu tuổi. Họ tỏ ra là những thiên tài trong việc chấp nhận hay từ chối những mẩu tin nhắn nhỏ xíu được gửi tới, rồi sau đó trả lời một cách rất khôn khéo và đầy tính toán. Họ hẹn hò rồi không xuất hiện, hay xuất hiện trễ một cách thái quá. Tại các buổi khiêu vũ, họ vượt ve vài phần cơ thể, và trong lúc vượt ve, họ nhìn chăm chăm vào mắt của đàn ông với dáng vẻ của một con nai vàng ngơ ngác. Đó chính là mưu mẹo của phụ nữ như bà đã nói - những mảnh nhỏ giúp họ chinh phục đàn ông. Nhưng hãy nhớ là vào lúc đó, bà như một củ khoai tây và chẳng

hiếu bất cứ thứ gì đang diễn ra xung quanh mình. Có vẻ là lạ lẫm đối với cháu, nhưng bà ý thức rất rõ về luật chơi công bằng, bà không bao giờ làm việc gì giấu giếm để lừa dối một người đàn ông. Bà nghĩ rằng rồi sẽ tới một ngày bà có thể tìm thấy một chàng trai mà bà có thể trò chuyện thâu đêm suốt sáng mà không hề mệt mỏi, và lúc đó, bà và người ấy sẽ nhận ra rằng cả hai có chung những cảm giác và nhìn mọi thứ thật giống nhau. Tình yêu sẽ bắt đầu nảy nở giữa hai người, một tình yêu dựa trên tình bạn và sự quý trọng lẫn nhau chứ không phải là những mảnh khóc rẻ tiền.

Bà mong muốn một tình bạn đầy yêu thương với một người đàn ông, cũng giống như mối quan hệ bình đẳng giữa những người đàn ông với nhau vậy. Mà chính vì cách cư xử đầy nam tính như thế đã làm cho những người để ý bà e ngại. Và bởi thế mà bà dần dần thu mình lại như những cô gái bị cho là vô duyên. Bà có rất nhiều bạn, nhưng những tình bạn này đều xuất phát từ một phía: tất cả những gì bạn bè bà muốn là kể về chuyện tình cảm yêu đương của họ. Rồi những bạn cùng lớp ngày xưa từng người một đi lấy chồng. Có một khoảng thời gian mà dường như bà không biết làm gì ngoài việc đi dự tiệc đám cưới. Những cô gái đồng trang lứa lúc này đã có con trong khi mình vẫn còn là một bà cô ế. Bà vẫn sống cùng với cha mẹ, và đến lúc đó thì hầu như đã chấp nhận rằng mình sẽ mãi mãi không cưới xin gì cả. “Con đang nghĩ gì thế hả?” mẹ bà hỏi. “Sao con lại không thích Tom, Dick, hay thậm chí cả Harry?” Rõ ràng đối với họ, sự khó khăn của bà với người khác giới bắt nguồn từ tính cách kỳ quặc của bà. Bà có nuối tiếc về điều đó không? Bà cũng không biết nữa.

Thành thực mà nói, bà chẳng hề có chút khao khát nào về việc lập gia đình. Ý niệm về sinh con lại càng làm bà khó chịu. Bà đã chịu đựng quá nhiều khi còn nhỏ cho nên sợ rằng mình sẽ bắt một sinh linh bé bỏng khác phải chịu đựng giống như thế. Bên cạnh đó, mặc dù sống cùng cha mẹ nhưng bà hoàn toàn độc lập, mỗi giờ phút của từng ngày hoàn toàn là của riêng bà. Bà kiếm được một ít tiền bằng cách làm gia sư tiếng Hy Lạp và tiếng La Tinh, những môn bà yêu thích nhất. Ngoài ra thì bà không có nhiệm vụ gì nữa cả, bà có thể dành cả các buổi chiều trong thư viện mà chẳng cần

giải thích với ai, bà cũng có thể đi đến những vùng núi bất cứ khi nào mình thích.

Thật sự là so với những phụ nữ khác, bà đang sống một cuộc sống tự do, và chỉ cần nghĩ đến việc mất đi sự tự do ấy cũng đã làm bà phát khiếp. Thế nhưng khi thời gian thấm thoát trôi qua, tất cả sự tự do, tất cả niềm hạnh phúc bên ngoài bắt đầu trở nên giả dối và gượng ép. Nỗi cô đơn mà lúc đầu bà cho là một đặc ân bỗng đè nặng trong tim. Cha mẹ bà ngày càng già yếu và cha bà không thể đi đứng bình thường nữa sau một cơn đột quỵ. Mỗi ngày bà dìu ông ấy đi mua báo – lúc ấy bà đã hai mươi bảy, hai mươi tám rồi. Khi nhìn vào hình ảnh phản chiếu của hai cha con trên cửa sổ ở cửa hàng, bỗng dưng bà thấy mình cũng già đi ghê gớm, ngay lập tức bà nhận ra hướng đi của cuộc đời mình: cha bà sẽ sớm ra đi, và không lâu sau mẹ bà cũng đi theo ông ấy, thế là chỉ còn lại một mình bà trong căn nhà đầy sách. Có lẽ bà sẽ thuê thùa hay vẽ màu nước cho qua ngày đoạn tháng, và thời gian sẽ trôi đi, năm này qua năm khác. Cuối cùng, vào một buổi sáng nọ, ai đó không nhìn thấy bà trong vài ngày sẽ cảm thấy lo lắng và gọi cho phòng cứu hỏa, thế là những anh lính cứu hỏa sẽ đập cửa vào nhà và phát hiện ra thân thể của bà nằm ở trên sàn. Bà đã chết, những gì còn lại chẳng khác gì so với mấy cái xác khô queo mà những con bọ để lại trên mặt đất khi chúng chết.

Thân thể của bà đang héo mòn đi mà chưa bao giờ được sống, điều này làm bà cảm thấy buồn kinh khủng, và dĩ nhiên là rất đổi cô đơn. Chưa bao giờ trong đời bà có một ai đó để trò chuyện, ý của bà là trò chuyện thật sự. Tất nhiên là bà rất thông minh, bà đã đọc rất nhiều mà; cuối cùng cha bà đã nói với một niềm tự hào rằng: “Olga sẽ không bao giờ lấy chồng, nó là một đứa rất có đầu óc.” Nhưng trí thông minh ấy chẳng được tích sự gì, bà không thể đi đâu đó thật xa hay học hành đến nơi đến chốn. Bà cảm thấy nhục chí khi không được học đại học, nhưng nguyên nhân chính gây ra sự bất lực và không có khả năng sử dụng tài năng của mình không hề dính dáng đến giáo dục. Xét cho cùng thì Schliemann là người tự học, thế mà ông ấy đã sáng tác ra Troy đầy thôi. Điều níu bà thối lui hoàn toàn khác: cái chết ở ngay trong lòng bà, cháu vẫn còn nhớ chứ? Nó là thứ cản trở, là nguyên nhân không cho

bà tiến lên phía trước. Bà chỉ đứng yên và chờ đợi. Chờ điều gì ư? Bà hoàn toàn mù tịt.

Tuyết đã rơi vào cái ngày Augusto đến nhà bà lần đầu tiên. Bà còn nhớ là vì tuyết hiếm khi rơi ở những vùng này, và bởi vì tuyết mà vị khách của chúng ta đã đến trễ sau giờ ăn trưa. Cũng như cha bà, Augusto là một nhà nhập khẩu cà phê và đến Trieste để bàn bạc chuyện làm ăn. Vì cha bà không có con trai nối dõi nên sau cơn đột quy, ông ấy quyết định bán công ty để sống thanh thản trong những năm cuối đời.

Ấn tượng đầu tiên về Augusto là bà chẳng hề quan tâm đến ông ấy. Augusto đến từ Ý, và như mọi người ở vùng này thường nói, tất cả những người Ý đều có vẻ giả tạo đến mức khó chịu. Thật kỳ lạ, nhưng thường thì những người có vai trò rất quan trọng trong cuộc đời của chúng ta lại để ấn tượng không hay chút nào vào lúc ban đầu. Sau giờ ăn, cha bà đi nghỉ trưa và chỉ còn lại một mình bà ngồi với khách trong phòng cho đến giờ tàu hỏa chạy. Bà bực mình không tả xiết. Mỗi lần ông ấy hỏi một câu, bà chỉ trả lời với một từ duy nhất, và nếu ông ấy im lặng, bà cũng chỉ lặng im. Lúc ra đi, ông ấy nói: “Thôi, chào tạm biệt cô nhé,” và bà đưa tay ra như một quý cô hờn hĩnh hạ mình chiếu cố cho một kẻ hạ cấp.

“Với một người Ý thì Augusto rất được đấy,” mẹ bà nói lúc ăn tối. “Anh ta là một người đàn ông chính trực,” cha bà trả lời, “và còn là một doanh nhân tài giỏi nữa.” Hãy đoán thử điều gì đã xảy ra? Bà đã nhanh nhẩu buột miệng: “Và không có một chiếc nhẫn cưới trên ngón tay!” “Đúng vậy, thật tội nghiệp, anh ta là người góa vợ,” cha bà nói trong khi bà ngượng đỏ chín cả mặt.

Hai ngày sau đó, lúc đi dạy về, bà thấy một gói nhỏ được bọc bằng giấy bạc đặt ở bên cạnh cửa ra vào. Trong cuộc đời mình bà chưa bao giờ nhận được thứ gì như vậy nên không thể tưởng tượng ra ai đã gửi cho mình. Bên trong gói quà có một tờ giấy nhỏ: *Có lẽ cô chưa bao giờ ném những món này?* với chữ ký của Augusto.

Đêm hôm đó, bà chẳng thể nào ngủ được với những viên kẹo hạnh nhân trên bàn. Bà tự nhủ chắc là ông ấy gửi chỉ vì tỏ ra lịch thiệp với cha bà, và



trong lúc ấy bà ăn ngẫu nhiên hết viên này đến viên khác. Ba tuần sau đó, Augusto trở lại Trieste trong một chuyến “làm ăn” như ông ấy nói lúc ăn trưa, nhưng lần này thì ở lại thành phố lâu hơn chứ không đi ngay như thường lệ. Trước khi nói lời tạm biệt, ông ấy xin phép cha bà để đưa bà đi dạo, thế là cha bà đồng ý ngay lập tức mà chẳng hề hỏi ý kiến bà. Hai chúng ta đã đi dọc các con đường trong thành phố suốt buổi chiều; ông ấy nói rất ít, thỉnh thoảng chỉ hỏi về các tượng đài và rồi yên lặng lắng nghe bà giải thích. Ông ấy lắng nghe bà nói! Đối với bà thì đó thực sự là một điều kỳ diệu.

Buổi sáng cái ngày rời thành phố, Augusto gửi cho bà một bó hoa hồng đỏ. Mẹ bà sung sướng lắm, còn bà thì giả vờ như không và đợi đến mấy giờ đồng hồ mới mở tờ giấy để đọc tin nhắn. Trong một thời gian ngắn, ông ấy đến thăm nhà bà hàng tuần; ông ấy đến Trieste mỗi thứ Bảy và trở về nhà vào ngày Chủ Nhật. Cháu còn nhớ Hoàng Tử Bé đã thuần phục con cáo thế nào không? Mỗi ngày cậu ta đều đến hang và đợi cho con cáo đi ra. Vì vậy, dần dần con cáo quen với cậu ta và vượt qua nỗi sợ. Không chỉ thế; con cáo đã quen đến mức mà mỗi lần chỉ cần nhìn thấy điều gì đó gợi nhớ tới người bạn nhỏ của mình, nó đều trở nên hào hứng vô cùng. Cũng bị lôi cuốn bởi những chiến thuật như vậy, bà cảm thấy mình đã bắt đầu hào hứng vào mỗi thứ Năm: quá trình thuần phục bà đã được khởi động rồi đấy. Một tháng trôi qua, cuộc sống của bà chỉ quanh quẩn ở mỗi việc chờ cho đến ngày cuối tuần. Không cần đợi lâu thì tình cảm yêu thương đã nảy nở giữa hai người. Rốt cuộc thì bà đã có một người để trò chuyện, một người biết trân trọng trí thông minh và niềm khát khao kiến thức của bà; còn về phần bà, bà rất ngưỡng mộ thái độ điềm đạm, sự sẵn sàng lắng nghe cũng như cảm giác rất an tâm và được bảo vệ mà một người đàn ông lớn tuổi dành cho những phụ nữ trẻ hơn như bà.

Hai ông bà tổ chức một lễ cưới đơn giản vào ngày 1 tháng 6 năm 1940. Mười ngày sau đó chiến tranh bùng nổ ở Ý. Để an toàn, mẹ bà đến sống ở một ngôi làng nhỏ ở vùng núi Veneto còn hai vợ chồng bà về quê của Augusto ở L'Aquila.

Cháu chỉ đọc sách lịch sử về những năm tháng này chứ không ném trái trong cuộc sống, vì vậy mà chắc cháu cảm thấy rất lạ khi tất cả những sự kiện bi thương kia chẳng để lại nhiều ấn tượng với bà. Quân Phát xít đã thống lĩnh đất nước, các bộ luật về sắc tộc được thực thi, chiến tranh nổ ra khắp nơi, riêng bà thì chỉ tiếp tục lo lắng cho những khó khăn riêng tư vất vả và tinh thần mình lên xuống ra sao. Đứng nghĩ thái độ của bà là khác thường, thực tế là hoàn toàn ngược lại đấy. Ngoài một nhóm nhỏ dính dáng đến chính trị, tất cả mọi người trong thành phố đều cư xử như vậy hết. Cha bà chẳng hạn, lúc nào cũng xem chủ nghĩa Phát xít như một trò hề. Ở nhà ông ấy gọi Thủ tướng là “gã buôn dưa hấu lề đường”. Ấy thế mà khi đi ăn tối với các quan chức của Đảng, ông ấy ở lại nói chuyện với họ đến tận khuya. Tương tự như thế, bà thấy “Những ngày Chủ nhật nước Ý” hoàn toàn vớ vẩn và chán ngắt, tất cả chỉ là đi diễu hành, hát hò và phải mặc đồ đen như góa phụ, thế nhưng bà cũng tham gia như mọi người. Thật khó chịu nhưng ai cũng phải làm, nếu muốn sống trong hòa bình. Đó không phải là thái độ anh hùng nhưng đã trở nên vô cùng phổ biến. Cuộc sống hòa bình là một trong những tham vọng vĩ đại nhất của loài người, ít nhất là vào thời điểm đó, và có lẽ bây giờ vẫn vậy.

Tại L'Aquila, hai vợ chồng bà sống ở nhà Augusto, một căn hộ lớn trong khu biệt thự đồ sộ ở trung tâm thành phố. Tất cả đồ đạc trong nhà đều nặng nề và buồn bã, ánh sáng thì lờ mờ, toàn bộ khung cảnh nhuộm một màu u ám. Trái tim bà bỗng chùng lại khi vừa bước vào bên trong. Đây là nơi mình phải sống ư, bà tự hỏi, với một người đàn ông mình chỉ mới biết được sáu tháng và trong một thành phố không có lấy một người bạn? Augusto nhận ra ngay sự thất vọng của bà và suốt hai tuần đầu, ông ấy làm hết tất cả mọi thứ có thể để làm bà khuây khỏa. Cứ cách một ngày là ông ấy lấy xe và chở bà đi đến những vùng núi xung quanh. Cả hai vợ chồng đều thích những chuyến đi như thế. Phong cảnh tuyệt đẹp của các ngọn núi và những ngôi làng cheo leo trên đỉnh cao trông như bối cảnh lúc Chúa được hạ sinh đã làm bà dịu đi chút ít, cứ như thể là bà chưa bao giờ rời xa ngôi nhà ở phương Bắc của mình vậy. Hai vợ chồng vẫn trò chuyện rất nhiều. Augusto yêu thiên nhiên, đặc biệt là côn trùng, và trong những chuyến leo núi, ông ấy đã

giải thích rất nhiều điều cho bà. Phần lớn những gì bà biết về lịch sử tự nhiên đều nhờ vào ông ấy.

Khi hai tuần được xem là khoảng thời gian trống rỗng của hai vợ chồng kết thúc, ông ấy trở lại với công việc còn bà bắt đầu cuộc sống mới của mình một cách đầy cô đơn trong căn hộ to lớn ấy. Ở với bà còn có một người giúp việc và bà ấy chăm lo hầu hết các công việc nhà. Như tất cả những người vợ trung lưu khác, nhiệm vụ của bà là chuẩn bị thực đơn cho bữa trưa và bữa tối, ngoài ra bà không còn gì để làm nữa cả. Thế là bà đi bộ một mình thật xa mỗi ngày. Bà hết đi lên lại đi xuống các con đường với tốc độ thật dữ dội, trong đầu ngùn ngụt bao suy nghĩ, nhưng đáng tiếc là chúng chẳng giúp bà hiểu được điều gì đang xảy ra. Đột nhiên bà dừng lại và tự hỏi: Mình có yêu ông ấy không, hay đây chỉ là một sai lầm to lớn? Khi hai vợ chồng đang ăn tối hay ngồi trong phòng khách, bà nhìn ông ấy và suy nghĩ mông lung: Mình đang cảm thấy thế nào? Mình cảm thấy sự quý mến, chắc chắn là vậy, và ông ấy cũng có cảm giác giống như mình. Nhưng đó có phải là tình yêu không? Tình yêu là vậy ư? Vì bà không bao giờ cảm thấy điều gì khác nên không thể trả lời được.

Sau một tháng thì lời đồn đại đầu tiên cũng đã đến tai Augusto. Những người ẩn danh đã gọi báo rằng: “Ngày nào người đàn bà Đức ấy cũng một mình dạo phố suốt nhiều giờ liền.” Bà chết lặng cả người. Tập quán ở đây khác với nơi bà đã lớn lên, bà không bao giờ có thể tưởng tượng được những cuộc đi bộ vô tư lại có thể gây ra chuyện sốc như thế. Augusto không hài lòng, ông ấy hiểu rằng đó không phải là lỗi tại bà, nhưng để cho cộng đồng xung quanh được yên ổn và vì thanh danh của mình, ông ấy đề nghị bà nên kiềm chế để không làm ảnh hưởng tới mọi người. Sáu tháng sống như vậy đã làm bà kiệt sức. Cái chết bên trong bà giờ đã trở thành khổng lồ, bà di chuyển như một người máy với ánh mắt đờ đẫn. Khi nói chuyện, những lời nói của bà thật xa xăm như thể chúng phát ra từ miệng của người khác.

Trong thời gian đó, bà đã gặp các bà vợ của những người đồng nghiệp với Augusto, và cứ mỗi thứ Năm, bọn bà hẹn nhau ở quán cà phê tại trung tâm thành phố. Mặc dù tuổi của mọi người xấp xỉ nhau nhưng bà có rất ít chuyện

để nói với họ. Chỉ có một điểm chung duy nhất là mọi người nói cùng một thứ ngôn ngữ mà thôi.

Augusto đã trở về với con người thực của mình, không cần đợi lâu thì ông ấy bắt đầu cư xử như những gã đàn ông ở đất nước này. Hai vợ chồng ăn uống trong yên lặng và ông ấy chỉ đáp lại nỗ lực trò chuyện của bà bằng từ duy nhất là “có” hoặc “không”. Sau những buổi ăn tối, Augusto thường đi đến câu lạc bộ của ông ấy, còn nếu ở nhà thì lại nhốt mình trong phòng để nghiên cứu và sắp xếp những bộ sưu tập bộ cánh cứng. Ước mơ to lớn của ông ấy là khám phá ra một loại côn trùng mới lạ chưa ai tìm được để tên tuổi của mình sẽ được lưu danh mãi mãi trong các cuốn sách và tạp chí khoa học. Nhưng bà lại muốn ông ấy được lưu danh theo cách khác, đó là có một đứa con; giờ bà đã ba mươi tuổi và cảm thấy thời gian đang vùn vụt trôi qua. Nhưng trong chuyện này, mọi thứ cũng thật tồi tệ: đêm đầu tiên của hai vợ chồng thật đáng thất vọng, và từ đó trở đi cũng chẳng khá hơn. Bà có cảm giác rằng điều Augusto mong muốn hết thảy chỉ là một người nào đó ở nhà để ăn uống cùng, một ai đó để ông ấy khoe niềm hãnh diện tại nhà thờ vào các ngày Chủ nhật; đằng sau vẻ ngoài êm đềm ấy là một con người rất lãnh đạm, thờ ơ. Điều gì đã xảy ra với người đàn ông vui tươi, nhiệt tình đã tán tỉnh bà ngày trước? Tình yêu lại có thể đi đến hồi kết như thế sao? Augusto từng nói với bà rằng những con chim trống sẽ hót to hơn vào mùa xuân để rồi một cô chim mái nào đó bị lôi cuốn, thuyết phục và sẽ cùng về xây nên tổ ấm. Ông ấy cũng đã làm như vậy đấy, nhưng khi đã có bà trong tổ, ông ấy chẳng còn quan tâm đến sự tồn tại của bà nữa. Bà ở đó sưởi ấm cho ông ấy, và chỉ vậy mà thôi.

Bà có ghét ông ấy không? Không, có thể cháu nghĩ rằng thật kỳ lạ, nhưng bà không thể ghét ông ấy cháu ạ. Để ghét ai thì người đó phải làm ta tổn thương, phải làm điều gì sai trái với ta. Nhưng Augusto chưa bao giờ làm như vậy với bà, đó mới là vấn đề. Ta thậm chí muốn chết vì một điều hư vô hơn là chết vì nỗi đau; ta có thể phản kháng lại nỗi đau nhưng không thể phản kháng lại hư vô.

Tất nhiên là khi trò chuyện với cha mẹ, bà nói rằng mọi thứ đều ổn, bà đặc biệt cố gắng tỏ ra mình là một cô dâu mới cưới tràn đầy hạnh phúc. Họ cảm thấy tự hào đã đưa bà đến một bến đỗ bình yên, còn bà thì không muốn làm sụp đổ niềm tự tin của họ. Mẹ bà vẫn ẩn náu ở vùng núi còn cha bà vẫn ở trong căn nhà cũ một mình, thỉnh thoảng lại có một người em họ xa đến trông nom. Cứ mỗi tháng cả gia đình lại họp mặt một lần. “Có tin gì chưa?” cha bà hỏi, và bà trả lời chưa có ạ. Ông ấy khao khát một đứa cháu, tuổi tác đã mang đến sự nhạy cảm mà ông ấy chưa từng có bao giờ. Lúc bấy giờ bà cảm thấy gần gũi hơn khi cha bà thay đổi, và bà không muốn làm cho ông ấy thất vọng. Hơn nữa, khi đó bà không có đủ dũng cảm để nói ra lý do của sự chậm trễ về đường con cái của mình. Mẹ bà thì viết những lá thư dài dằng dặc với bao lời lẽ thuyết phục. Con gái yêu của mẹ, bà ấy bắt đầu thư như thế đấy, rồi sau đó là một danh sách tỉ mỉ những việc lặt vặt xảy ra trong ngày. Và đến lúc kết thư, bà ấy không tránh khỏi việc thông báo rằng mình vừa mới đan xong một bộ quần áo khác cho đứa bé sắp chào đời. Bà như chết dần chết mòn đi, cứ mỗi sáng nhìn vào gương, bà lại thấy mình xấu xí hơn ngày hôm trước. Thỉnh thoảng vào những buổi tối, bà hỏi Augusto, “Sao mình không nói chuyện?” “Chuyện gì?” ông ấy trả lời, mắt vẫn không liếc khỏi chiếc kính lúp dùng để nghiên cứu côn trùng. “Em không biết,” bà nói. “Có thể là chúng ta kể chuyện của mỗi người cho nhau nghe.” Đúng lúc đó, ông ấy lắc đầu: “Olga, trí tưởng tượng của em đang hoạt động quá mức đấy.”

Nếu sống cùng nhau trong một thời gian dài, đến một lúc nào đó chó và chủ của nó sẽ dần dần trở nên giống nhau. Bà có cảm giác rằng điều tương tự cũng đang xảy ra đối với chồng bà, mỗi ngày trôi qua ông ấy lại càng giống như một con bọ. Trên tất cả mọi khía cạnh. Chuyển động của ông ấy không còn như của con người nữa, chúng thật cứng nhắc chứ không hề uyển chuyển, mỗi cử chỉ là một chuỗi các động tác co giật. Và giọng nói của ông ấy không có chút âm điệu nào, đó chỉ là những tiếng rít như kim loại phát ra từ một nơi nào không rõ trong cổ họng. Ông ấy say mê tới mức bị ám ảnh về những con côn trùng và nghiên cứu của mình, ngoài hai thứ này thì chẳng còn điều gì làm cho ông ấy động lòng. Có lần Augusto bắt được một con bọ

thật kinh tởm và đưa cho bà xem, hình như ông ấy gọi nó là một con dế trũi. “Em nhìn hàm dưới của nó này,” ông ấy nói. “Với cái này thì nó có thể ăn tất tần tật mọi thứ.” Đêm hôm đó bà mơ thấy ông ấy với hình thù như vậy, nhưng to khổng khiếp và đang nhai ngấu nghiến chiếc váy cưới của bà như thể đó là một mảnh giấy bồi.

Sau một năm thì hai vợ chồng bà bắt đầu ngủ riêng ở hai phòng, ông ấy thích thức khuya cùng với những con bọ và không muốn làm phiền bà, ít nhất là ông ấy đã nói như vậy. Khi được miêu tả như thế này, cuộc hôn nhân của bà đối với cháu tòi tệ đến mức kỳ quặc phải không, nhưng thực tế là chẳng có gì lạ kỳ trong chuyện này cả đâu cháu ạ. Vào thời đó, hầu hết các cuộc hôn nhân đều thế đấy, cứ như thế là một địa ngục dành cho hai người vậy, và một trong hai sớm muộn gì cũng không thể chịu đựng được nữa.

Thế tại sao bà không chống đối, tại sao bà không cuốn gói về lại Trieste?

Bởi vì chẳng có cái gọi là chia tay hay ly hôn vào thời đó. Sợi dây ràng buộc hôn nhân chỉ có thể bị cắt đứt trong các trường hợp bị ngược đãi tàn bạo, và người vợ cần phải kháng cự đủ quyết liệt mới có thể thoát ra để rồi sống những ngày tháng còn lại như một kẻ phù du. Nhưng cháu biết rồi đấy, phản kháng không phải là một phần trong tính cách của bà, và Augusto thậm chí còn chưa bao giờ lên giọng, nói chi là thượng căng tay, hạ căng chân với bà. Ông ấy luôn đảm bảo là bà không bao giờ thiếu thốn bất cứ thứ gì. Sau khi đi lễ vào các ngày Chủ nhật, hai vợ chồng ghé qua tiệm bánh và ông ấy cho bà mua bất cứ món gì bà thích. Thật không khó cho cháu để tưởng tượng là bà cảm thấy như thế nào khi thức dậy vào mỗi buổi sáng. Sau ba năm làm vợ, suy nghĩ duy nhất trong đầu bà là suy nghĩ về cái chết.

Augusto không bao giờ nói với bà về người vợ đầu tiên, trong những lần hiếm hoi bà dè dặt hỏi về chuyện này thì ông ấy liền đánh trống lảng. Thời gian trôi qua, khi đi quanh quần trong các căn phòng ma quái vào những buổi chiều mùa đông, bà tin chắc rằng Ada (tên của người ấy) không phải chết vì bệnh tật hay tai nạn mà chính là tự hại. Khi người giúp việc đi ra ngoài, bà tháo tung những miếng ván, lục lọi những ngăn kéo và nóng lòng tìm ra bằng chứng và dấu hiệu để chứng minh cho những nghi ngờ của

mình. Vào một buổi chiều mưa, bà tìm thấy vài bộ quần áo phụ nữ ở đáy tủ – chính là của Ada. Bà lấy ra một chiếc váy tối màu và mặc thử; hóa ra cả hai mặc cùng một cỡ. Khi nhìn mình trong gương, bà bắt đầu khóc. Bà khóc trong yên lặng, không hề phát ra một tiếng nấc như tất cả những ai đã biết trước số phận của mình sẽ được an bài như thế nào. Bà còn tìm thấy một chiếc ghế gỗ cầu kính nặng nề của mẹ Augusto, một phụ nữ sùng đạo trong một căn phòng tối tăm ở cuối nhà. Bất cứ khi nào không biết phải làm gì, bà nhốt mình trong căn phòng đó và quỳ gối suốt hàng giờ với hai tay siết chặt vào nhau. Bà cầu nguyện ư? Bà không biết. Bà chỉ trò chuyện, hay cố gắng nói với Ai đó mà bà nghĩ là đang ở trên đầu mình. Bà nói: lạy Đấng Tối Cao, hãy cho con tìm thấy con đường của mình, nếu đây là con đường của con thì hãy giúp con chịu đựng. Thói quen đi lễ ở nhà thờ - một thói quen bắt buộc của những người đã lập gia đình – đã làm sống lại những câu hỏi vốn bị chôn vùi trong tâm trí bà từ thời thơ ấu. Mùi hương trầm làm bà mê muội, và tiếng đàn organ cũng vậy. Khi lắng nghe Kinh Thánh, có điều gì đó trong lòng bà rung động nhẹ nhàng. Thế nhưng khi gặp cha xứ ở ngoài đường lúc không mặc lễ phục, khi nhìn vào chiếc mũi rỗ cùng đôi mắt lợn, khi lắng nghe những câu hỏi sáo rỗng và giả dối hết sức của ông ta, tất cả những rung động trong bà tắt hẳn. Và bà tự nhủ thầm: Thấy chưa, chẳng qua chỉ là trò lừa bịp, đó là một cách để giúp những kẻ yếu đuối chịu đựng sự bức bối trong cuộc sống hàng ngày mà thôi. Ấy vậy mà bà vẫn thích đọc sách Phúc âm trong ngôi nhà tĩnh lặng. Những lời dạy của Chúa quá đỗi phi thường, chúng làm cho cảm xúc trong bà mạnh mẽ trào dâng, và thế là bà lặp đi lặp lại thật to.

Gia đình bà không hề theo tôn giáo nào, cha bà tự xem mình là một người tự do về tín ngưỡng, còn mẹ bà và cả gia đình bên ngoại đã cải đạo từ hai đời trước như bà từng nhắc tới – à, việc bà ấy đi lễ là vì trách nhiệm xã hội, chỉ đơn giản thế thôi. Trong một số lần hiếm hoi khi bà hỏi về vấn đề tôn giáo, bà ấy trả lời: “Mẹ không biết, gia đình mình không có tôn giáo nào cả.” Câu nói ấy như một tảng đá lớn đè nặng lên giai đoạn nhạy cảm nhất trong thời thơ ấu của bà, khi bà bắt đầu biết hỏi những câu hỏi lớn nhất của đời mình...

Vì vậy mà vài câu chuyện nghe từ các xơ đã trở thành nguồn kiến thức tôn giáo của bà cho đến năm ba mươi tuổi. Thế giới của Chúa nằm ở trong ta – bà đã lập đi lập lại thế khi quanh quẩn trong ngôi nhà trống vắng của mình. Bà cố gắng tưởng tượng xem thế giới ấy chính xác ở đâu: mắt bà nhìn ngược vào trong như một chiếc kính tiềm vọng kiểm tra mọi góc ngách ở tận đáy lòng và những nơi sâu thẳm, huyền bí nhất trong tâm trí. Thế giới của Chúa ở đâu? Bà không thể thấy gì, chỉ có một màn sương dày bao phủ trái tim chứ chẳng có những đôi cỏ xanh rực rỡ như bà tưởng tượng ở thiên đàng. Trong những lúc tỉnh táo, bà thầm nhủ rằng rồi mình sẽ quẩn trí mất thôi, cứ như những người hầu hay các bà quả phụ già nua ấy. Rồi mình sẽ rơi thật chậm đến nỗi không hề nhận biết cho đến lúc đi vào những cơn mê huyền bí. Sau bốn năm thì bà cảm thấy càng khó khăn hơn để phân biệt đâu là thật, đâu là mê. Tiếng chuông ở nhà thờ kể bên điểm bốn lần mỗi giờ và bà phải nhét bông vào tai để không nghe, hoặc là nghe bớt rõ.

Bà bắt đầu bị ám ảnh với ý nghĩ rằng những con côn trùng của Augusto vẫn còn chưa chết; mỗi đêm bà nghe tiếng những đôi chân lí tí của chúng vội vã chạy khắp nhà, chúng lúc nhúc ở khắp nơi, bò khắp giấy dán tường, rúc rích trên những viên gạch ở phòng bếp và sột soạt trên thảm ở phòng khách. Bà nằm trên giường và nín thở chờ những con quái vật ấy bò dưới cánh cửa để chui vào phòng ngủ. Tuy vậy, bà giấu biến tình trạng của mình với Augusto. Mỗi buổi sáng, bà thông báo cho ông ấy biết hai vợ chồng sẽ ăn gì cho bữa trưa với một nụ cười nở trên môi, và bà vẫn cười tươi cho đến khi ông ấy đi ra khỏi cửa. Lúc ông ấy trở về nhà, bà lại tiếp tục chào đón với nụ cười đầy máy móc ấy.

Cuộc chiến cũng như cuộc hôn nhân của bà đã kéo dài sang năm thứ năm, và bom đã rơi xuống Trieste vào tháng Hai năm ấy. Trong cảnh bom rơi đạn nổ, ngôi nhà gắn bó với thời thơ ấu của bà đã bị phá hủy hoàn toàn. Nạn nhân duy nhất của thảm họa này là con ngựa chở hàng của cha bà – người ta tìm thấy nó trong vườn với hai cẳng chân nổ toét.

Lúc ấy không còn tivi và tin tức được truyền đi một cách chậm chạp hơn nhiều. Mãi đến ngày hôm sau bà mới biết mình đã bị mất ngôi nhà lúc cha



bà gọi điện. Mới nghe giọng của ông ấy, bà biết ngay là đã có chuyện hệ trọng xảy ra. Ông ấy nói như thể một người đã chết từ lâu rồi. Bà cảm thấy mình đang lạc lối bởi không còn chốn nào để trở về. Thế rồi bà nửa tỉnh nửa mê đi vòng quanh nhà suốt hai, ba ngày. Không ai có thể đẩy bà ra khỏi trạng thái u mê này, bà thấy những năm tháng của đời mình trải ra trước mắt với một chuỗi ngày nối nhau thật buồn tẻ, vô vị, rập khuôn cho đến khi già biệt cõi đời.

Cháu có biết chúng ta luôn mắc phải sai lầm gì không? Đó là tin rằng cuộc đời mình không có cách nào thay đổi được, một khi đã chọn lối nào thì phải đi cho đến tận cùng. Thế nhưng hóa ra số phận con người lại vượt ngoài trí tưởng tượng của chúng ta. Những lúc ta nghĩ rằng mình đang ở trong một tình huống không thể thoát ra, hay những lúc ta đã chạm đến đáy sâu của nỗi tuyệt vọng khốn cùng, bỗng dưng mọi thứ thay đổi nhanh như chớp mắt, tất cả bỗng đảo ngược, và chỉ trong giây lát, ta lại thấy mình đang sống một cuộc đời hoàn toàn mới lạ.

Hai tháng sau khi ngôi nhà bị bom phá hủy thì chiến tranh kết thúc. Bà về lại Trieste ngay lập tức, lúc ấy cha mẹ bà đã dọn vào một căn hộ tạm thời cùng với vài người khác. Có quá nhiều thứ cần phải làm nên chỉ sau một tuần là bà hầu như quên hết chuỗi ngày sống ở L'Aquila. Một tháng sau đó Augusto cũng đến. Ông ấy phải quản lý cơ sở kinh doanh đã mua lại từ cha bà mà ông ấy đã xao lãng và giao việc trông nom cho người khác trong những năm chiến tranh. Lúc này cha mẹ bà đã thực sự già yếu và không còn nơi nào để ở. Thật ngạc nhiên là Augusto đã nhanh chóng quyết định rời khỏi quê mình và chuyển đến Trieste; thế rồi ông ấy mua ngôi nhà cùng khu vườn nhỏ trên ngọn đồi cao ở thành phố này, và đến mùa thu là cả nhà lại đoàn tụ cùng nhau.

Trái ngược với mọi dự đoán, mẹ bà là người ra đi đầu tiên, bà ấy mất vào đầu mùa hè năm sau đó. Những năm tháng cô đơn và sợ hãi ở ngôi làng miền núi kia đã làm thui chột dần vẻ cứng cõi của bà ấy. Cái chết của mẹ đã làm sống dậy niềm khao khát có một đứa con trong bà. Bà đã lại ngủ chung với Augusto nhưng hầu như chẳng có chuyện gì xảy ra giữa hai vợ chồng.

Hàng ngày bà dành thật nhiều thời gian ngồi với cha ở ngoài vườn. Và một chiều nọ, chính ông ấy đã nói với bà rằng: “Suối nước nóng có thể mang lại điều kỳ diệu cho gan – và cho cả phụ nữ nữa đấy.”

Hai tuần sau Augusto tiễn bà lên tàu đi Venice. Tiếp đó bà bắt một chuyến tàu khác đi Bologna, rồi một chuyến nữa đến Porretta Terme vào đêm hôm đó. Thành thật mà nói, bà không tin lắm vào mấy dòng suối nước nóng, bà quyết định đi đến đây là vì quá khát khao sự yên tĩnh. Bà cảm thấy cần được ở một mình, nhưng không giống như những năm tháng trước đây. Bà đã phải chịu đựng quá nhiều rồi. Hầu hết mọi thứ bên trong bà đều đã chết, cứ như thể một cánh đồng bị cháy trụi chỉ còn trơ lại muội than đen. Chỉ có nắng, mưa và không khí trong lành mới mong có thể mang đến nguồn năng lượng cho một phần nhỏ xíu vẫn còn sống sót trong bà được tiếp tục lớn lên.

## ***Ngày 10 tháng Mười Hai***

Kể từ khi cháu ra đi, bà không còn đọc báo nữa vì cháu chẳng còn ở đây để mua mà cũng không có ai mang đến cho bà. Lúc đầu bà nhớ chúng thật, nhưng rồi dần dần bà cũng thấy nguôi ngoai. Bà nhớ cha của Isaac Bashevis Singer từng nói rằng trong tất cả các thói quen của con người hiện đại, đọc nhật báo là điều tệ hại nhất. Cứ mỗi sáng, khi tinh thần của chúng ta dễ tiếp thu nhất thì lại bị bao nhiêu điều xấu xa đã xảy ra trên thế giới vào ngày hôm trước dồn dập đổ vào. Vào thời của ông ấy, người ta có thể cứu vãn chính mình bằng cách phớt lờ báo chí, nhưng ngày nay như thế là chưa đủ, chúng ta còn có tivi và radio. Hễ mở chúng lên trong giây lát là hàng loạt điều xấu xa nhảy bổ vào và làm ta bực hết cả mình.

Sáng nay việc này đã xảy ra đấy. Bà mở tin tức khu vực trong lúc mặc đồ và nghe rằng những đoàn người tị nạn đã được cho phép vượt qua biên giới. Họ đã mỗi mòn chờ đợi ở đó suốt bốn ngày và chẳng được đi tiếp mà cũng không thể quay trở lại. Họ cũng theo người già, người đau ốm và có nhiều phụ nữ với trẻ con. Phát thanh viên nói rằng nhóm đầu tiên đã đến được trại của Hội Chữ Thập Đỏ và những người tị nạn đang được chăm sóc ở đó. Cuộc chiến này làm bà đau đớn ghê gớm, nó ở quá gần đây và thật thiếu văn minh. Mỗi khi chiến tranh nổ ra, bà lại cảm thấy như có một chiếc gai chọc thủng trái tim mình. Bà biết đó là một hình ảnh sáo rỗng, nhưng chỉ có nó mới lột tả hết cảm giác của bà cháu ạ. Sau một năm thì nỗi đau của bà đã nhường chỗ cho sự căm phẫn, bà không thể tin được rằng chẳng ai có thể can thiệp và chặn đứng cuộc tàn sát này. Nhưng rồi bà phải chấp nhận một điều rằng: Cái đất nước đó chẳng có giếng dầu nào, chỉ toàn là núi đá cằn khô thô. Và đến khi lòng căm phẫn đã chuyển sang thịnh nộ thì cơn thịnh nộ ấy cứ mãi gặm nhấm bà như một con mọt gỗ vô cùng bướng bỉnh.

Thật ngớ ngẩn khi người như bà ở từng tuổi này vẫn còn bị rúng động bởi chiến tranh. Rốt cuộc thì hết cuộc chiến này đến cuộc chiến kia vẫn đang nổ ra trên thế giới mỗi ngày, thế thì sau tám mươi năm bà phải quen với nó, như thế nó là một vết chai sần chứ. Bà vẫn còn nhớ những người tị nạn và các đoàn quân – dù là kẻ thắng trận hay bại trận – đều đi qua những đám cỏ lau cao vút trên cao nguyên Carso: đầu tiên là các đoàn tàu bộ binh từ cuộc Chiến tranh Thế giới lần I với những trận bom nổ tung cả vùng cao nguyên; rồi sau đó là những đoàn người còn sống sót sau các chiến dịch của Hy Lạp và Nga, tiếp theo là bọn tàn sát khát máu Nazi và Phát xít; và giờ đây, những tiếng súng lại nổ dọc theo biên giới và những đoàn người vô tội đang đi khỏi chốn sát sinh ở vịnh Balkan.

Một vài năm trước bà đi từ Trieste đến Venice bằng tàu hỏa và ngồi cùng toa với một bà đồng – đó là một phụ nữ trẻ hơn bà chút ít, đội mũ bê-rê. Tất nhiên là bà không biết đó là một bà đồng cho đến khi tập hợp những thông tin nghe ngóng từ cuộc trò chuyện của bà ta với một phụ nữ ngồi kế bên.

“Chị biết không,” bà ta nói khi tàu đi qua cao nguyên Carso, “nếu đi bộ qua những vùng này, tôi có thể nghe thấy tiếng gọi của những người đã chết ở đây, cứ bước được hai bước là đã nghe inh tai rồi. Họ la hét rất khủng khiếp, những người chết càng trẻ thì gào thét càng to.” Sau đó bà ta giải thích rằng hành động vũ lực sẽ làm thay đổi không gian ở một nơi nào đó mãi mãi: không khí ở đó đặc quánh và mục ruỗng đi, chính điều này sẽ kích thích cho những hành động tàn bạo tiếp theo. Nói tóm lại là nếu máu đã chảy ra ở đâu đó thì sẽ còn nhiều máu đổ tràn lên, càng về sau lại càng nhiều thêm nữa. Rồi bà đồng kết luận: “Trái đất như một gã ma cà rồng vậy, một khi đã nếm thử máu thì gã muốn uống thêm, gã muốn máu tươi và không bao giờ thỏa mãn.”

Trong suốt nhiều năm bà đã tự hỏi liệu nơi chúng ta ở có bị vương lời nguyện ấy hay không; đến giờ bà vẫn còn băn khoăn nhưng chưa tìm được câu trả lời. Cháu còn nhớ tất cả những lần bà cháu mình cùng leo lên núi Monrupino không? Khi gió Bắc nổi lên, hai chúng ta ở đó hàng giờ để ngắm toàn bộ khung cảnh như thể đang nhìn xuống từ máy bay. Hai bà cháu có thể

nhìn hàng dặm xa từ mọi hướng và rồi thi xem ai có thể xác định được những ngọn núi của dãy Dolomites và chỉ ra đỉnh Grado da Venezia trước. Giờ đây bà không thể leo lên đó được nữa nên chỉ nhắm mắt để hồi tưởng lại khung cảnh ấy.

Nhờ vào sự kỳ diệu của trí nhớ mà mọi thứ hiển hiện ra trước mắt và xung quanh bà, như thể lại được đứng trên ngọn núi ấy vậy. Không có gì mất đi, cả tiếng gió và mùi hương của mùa bà chọn để nhớ lại. Bà đứng đó rồi nhìn xuống những cột đá vôi bị xói mòn theo thời gian, rồi đến vết đất cằn cỗi nơi những chiếc xe tăng đã từng diễn tập và mũi đất Istria mờ ảo nửa nổi nửa chìm dưới lòng biển xanh. Bà nhìn bao quát hết tất cả mọi thứ xung quanh và tự hỏi mình đến cả nghìn lần: liệu có điểm gì sai trong bức tranh hài hòa này không? Nếu có thì nó ở đâu?

Bà yêu vùng đất này vô cùng, và có lẽ chính tình yêu này đã ngăn bà đi tìm đáp án cho câu hỏi ấy; duy nhất một điều bà chắc chắn là những đặc điểm của cảnh vật xung quanh rõ ràng có ảnh hưởng đến tính cách của mọi người sống ở đó. Nếu bà thường xuyên cộc cằn, khó chịu và chầu cũng như thế là bởi vì chúng ta sống ở Carso, vì những làn gió quất của nó, vì những màu sắc của nó và cả vì sự xói lở của nó nữa. Nếu được sinh ra trên những ngọn đồi Umbrian thì có lẽ chúng ta đã là những con người rất đổi dịu dàng và tính khí cũng không quá đổi nghiêm trọng như thế này.

Dù sao đi nữa thì hôm nay lời nguyện kia có vẻ đã linh nghiệm rồi, bởi vì sáng nay bà đã nhìn thấy con chim hét chết giữa những miếng vải vụn khi đi vào phòng bếp. Hai ngày qua trông nó không khỏe lắm, nó ăn rất ít và thường ngủ gật gù sau khi no. Hẳn nó đã chết từ trước bình minh vì khi bà cầm nó trên tay, cái đầu của nó đu đưa qua lại như thể có một chiếc lò xo bị gãy bên trong cơ thể. Nó nhẹ bẫng, mong manh và lạnh cóng. Bà vuốt ve nó một lúc rồi quấn lại bằng một mảnh vải để cho nó ấm áp được phần nào. Tuyết đang rơi thật nhanh và dày đặc bên ngoài, bà phải nhốt Buck ở trong phòng và bước ra vườn. Bà chẳng còn đủ sức lực để đào đất bằng xẻng nên chọn một khoảng đất mềm nhất giữa các luống hoa rồi dùng chân moi thành một lỗ nhỏ, sau đó đặt con chim vào và lấp đất lại. Trước khi trở vào nhà, bà

lặp lại lời cầu nguyện cháu luôn đọc khi hai bà cháu mình cùng chôn những con chim nhỏ trước đây: “Lạy Chúa, mong Ngài hãy nhận lấy sinh linh nhỏ bé này như đã từng nhận tất cả những sinh linh khác.”

Cháu còn nhớ chúng ta đã cố gắng cứu sống và chăm sóc bao nhiêu con chim như thế lúc cháu còn bé không? Cứ sau mỗi ngày gió bão, hai bà cháu lại tìm thấy một con chim bị thương, từ se sẻ, sẻ đồng, sẻ ngô cho đến chim mỏ chéo. Chúng ta đã cố gắng hết sức để chữa lành cho chúng nhưng mọi nỗ lực hầu như đều vô vọng và chúng ra đi chỉ trong ngày một, ngày hai mà không hề báo trước. Mỗi ngày như thế đều là một thảm họa đối với cháu, cho dù là nó đã xảy ra không biết bao nhiêu lần rồi. Sau khi chôn, cháu lấy tay quẹt nước mắt, nước mũi rồi nhốt mình trong phòng “để giải quyết nỗi đau buồn”.

Một ngày nọ cháu hỏi bà làm thế nào để tìm ra mẹ cháu vì thiên đàng quá rộng lớn và rất dễ bị lạc. Bà nói rằng thiên đàng như một khách sạn lớn, mỗi người ở đó đều có một phòng riêng. Sau khi mất đi, tất cả mọi người thương yêu nhau trên trái đất sẽ tìm thấy người thân của mình trong căn phòng đó và rồi sống cùng nhau mãi mãi. Cách giải thích này đã trấn an cháu được một thời gian, nhưng sau khi con cá vàng thứ tư hay thứ năm của cháu chết đi, cháu lại hỏi về vấn đề này lần nữa: “Điều gì sẽ xảy ra khi không còn chỗ cho tất cả mọi người?” “Nếu không còn đủ chỗ,” bà trả lời, “cháu phải nhắm mắt và lặp đi lặp lại câu ‘Phòng ơi rộng ra’ trong vòng một phút. Bỗng nhiên căn phòng sẽ mở rộng ra ngay.”

Tất cả những hình ảnh trẻ con ấy vẫn còn được lưu giữ trong ký ức của cháu chứ, hay là cái vỏ bọc của cháu đã xua đuổi chúng đi hết rồi? Bà đã lãng quên chuyện này mãi cho tới hôm nay, bà chỉ chợt nhớ ra khi chôn con chim hét. Phòng ơi mở ra, ôi kỳ diệu biết bao! Chắc chắn căn phòng của cháu đã đông đúc như một khán đài bóng đá, nơi ấy có mẹ cháu, những con chuột hamster, se sẻ, và cả cá vàng. Bà cũng sẽ đến đó sớm thôi, cháu có muốn bà ở chung trong phòng của cháu hay bà phải thuê một phòng gần đó? Liệu bà có thể mời người yêu đầu tiên của bà vào, liệu bà có thể giới thiệu ông ngoại của cháu không?

Bà đã nghĩ gì và tưởng tượng gì vào buổi tối tháng Chín ấy khi bước xuống tàu ở Porretta? Hoàn toàn không có gì. Hương dẻ hòa trong không khí và việc đầu tiên bà phải lo là đi tìm khách sạn mà mình đã đặt phòng. Lúc đó bà vẫn còn ngây thơ lắm, bà không hề biết số phận của mình vẫn còn hoạt động không ngừng, bà chỉ có một niềm tin mạnh mẽ rằng mọi chuyện có xảy ra hay không là tùy thuộc vào việc điều khiển ý chí của chính mình. Thế nhưng ý chí của bà đã tan biến hết vào khoảnh khắc bước ra khỏi ga tàu, bà chẳng muốn thứ gì, hay đúng hơn là chỉ có một điều: ra đi trong thanh thản.

Bà gặp ông ngoại của cháu ngay buổi tối đầu tiên, ông ấy cùng một người khác đã ăn tối ở khách sạn của bà. Ngoài một cụ già nữa thì hai người là những vị khách duy nhất ở đó và đang bàn luận sôi sục về chính trị. Âm điệu giọng nói của ông cháu làm bà khó chịu ngay lập tức. Một vài lần trong suốt bữa ăn bà nhìn chăm chăm vào ông ấy như chúng ta vẫn hay làm khi ai đó làm mình phát cáu, chính vì vậy mà cháu có thể tưởng tượng bà ngạc nhiên đến mức nào khi phát hiện ra ông ấy chính là bác sĩ ở khu nghỉ dưỡng vào ngày hôm sau! Ông ấy hỏi về tình trạng sức khỏe của bà trong mười phút, và khi bà cởi áo, một việc thật đáng xấu hổ đã xảy ra: Bà bắt đầu toát mồ hôi như thể mình đang cố hết sức để làm việc gì đó. Khi đo tim của bà, ông ấy nói, “Lạy Chúa tôi, cô đang sợ đến chết đi được!” và rồi bật cười khành khách với cái giọng đáng ghét vô cùng tận. Ông ấy làm bà phát tăng huyết áp khi cột thủy ngân của máy đo tăng vọt lên cực đỉnh. “Cô có bị chứng tăng huyết áp không?” ông ấy hỏi thế. Bà phát điên với chính mình, bà cố gắng trấn an bản thân rằng chẳng có gì phải sợ cả, ông ấy chỉ là một bác sĩ đang làm công việc của mình thôi, thật không bình thường và cũng chẳng xứng đáng để mình kích động như thế. Nhưng cho dù đã lẩm nhẩm trong đầu những lý lẽ này không biết bao nhiêu lần, bà vẫn không thể lấy lại bình tĩnh. Khi bà rời khỏi phòng khám, ông ấy đưa cho bà một tờ giấy ghi rõ việc điều trị và rồi bắt tay bà. “Nghỉ ngơi và thả lỏng nhé,” ông ấy nói. “Nếu không thì nước nóng cũng chẳng giúp ích được gì cho cô đâu.”

Tối hôm đó ông ấy đến và ngồi ở bàn của bà sau khi ăn. Đến ngày hôm sau thì cả hai đã đi dạo khắp thành phố và nói chuyện cùng nhau. Sự kích động dữ dội đã làm bà khó chịu phát điên ở giây phút ban đầu giờ đây trở

nên đầy mê hoặc. Mọi điều ông ấy nói đều mãnh liệt, nồng nàn; thật không thể nào gần ông ấy mà lại không được sưởi ấm bởi những câu chuyện đầy đam mê, và cả bởi hơi ấm của cơ thể ông ấy nữa.

Trước đây bà đọc trong một tờ báo có nói rằng theo các lý thuyết mới nhất thì tình yêu không phải xuất phát từ con tim mà từ lỗ mũi. Khi hai người gặp nhau và thích nhau, họ sẽ bắt đầu gửi đi những hooc-mon nhỏ xíu bà không nhớ rõ tên, sau đó chúng sẽ chui vào lỗ mũi và đi lên bộ não rồi giải phóng những cơn khát khao mãnh liệt từ những nếp nhăn bí mật. Nói tóm lại, bài báo kết luận rằng cảm giác là vô giá trị còn mùi hương vô hình mới là quan trọng. Thật ngớ ngẩn vô cùng! Ai đã từng trải nghiệm tình yêu chân chính – một tình yêu không thể cưỡng lại và chẳng thể diễn tả hết bằng lời – đều biết rằng những khẳng định như thế chẳng qua chỉ là một cố gắng vụng về để hạ thấp vai trò của trái tim. Tất nhiên là mùi của người ta yêu có thể hết sức lý thú; nhưng sự thú vị ấy chỉ đến sau những cuốn hút ban đầu vốn không phải chỉ từ mùi mà có.

Khi ở bên cạnh Ernesto vào những ngày đó, lần đầu tiên trong đời bà có cảm giác cơ thể mình không có giới hạn nào. Bà cảm thấy có một luồng sáng tinh tế phát ra xung quanh, cứ như là cơ thể của mình đang rộng mở và rung động nhịp nhàng trong mỗi bước chân. Cháu có biết cây cối hoạt động như thế nào nếu ta không tưới nước trong nhiều ngày không? Lá của chúng sẽ héo úa và thay vì vươn lên đón ánh sáng, chúng sẽ sụp xuống như những chiếc tai thỏ ủ rũ vậy. Ừ, cuộc sống của bà trong những năm tháng trước đó cũng giống một cái cây không được tưới nước, những giọt sương đêm chỉ đủ để bà sống sót. Bà đang chết khát, và dù còn chút sức mạnh để đứng trên đôi chân nhưng tất cả chỉ có vậy mà thôi. Nếu ta tưới nước cho cái cây ấy một lần, nó sẽ bắt đầu sống lại, những chiếc lá sẽ bắt đầu vươn lên. Đó cũng chính là những gì đã xảy ra với bà trong tuần đầu tiên. Buổi sáng vào ngày thứ sáu kể từ khi đến đó, bà nhìn vào gương và nhận ra mình là một phụ nữ khác hẳn. Da dẻ thật mịn màng, đôi mắt sáng long lanh, bà còn khe khẽ hát khi thay đồ nữa chứ - bà đã chẳng làm điều này kể từ lúc bé rồi đấy.



Quan sát câu chuyện từ bên ngoài, có lẽ cháu nghĩ rằng hẳn phải có nghi ngờ, khó chịu và cả sự giày vò đằng sau tất cả niềm vui sướng này chứ. Rốt cuộc thì bà đã là một phụ nữ có chồng, làm sao bà có thể chấp nhận sự có mặt của một người đàn ông khác vô tư như vậy được? Nhưng thực sự là chẳng hề có nghi ngờ, e sợ nào; không phải bởi vì bà cũng phần nào là một người tự do, phóng khoáng, mà đó là vì mọi thứ bà đang trải qua chỉ đơn thuần là những xúc cảm tự nhiên. Bà như một con cún con tìm thấy chiếc chuồng ấm áp của mình sau mấy ngày lang thang trên những con đường mùa đông lạnh buốt: cu cậu chẳng hề thắc mắc mà chỉ nằm xuống và tận hưởng hơi ấm xung quanh. Bên cạnh đó, bà có nhận thức rất kém về sự quyền rũ nữ tính của bản thân nên bà không bao giờ tưởng tượng một người đàn ông có thể cảm nhận được điều đó từ bà.

Vào ngày Chủ nhật đầu tiên khi bà đang trên đường đi lễ, Ernesto ngừng xe bên cạnh bà rồi thò đầu ra khỏi cửa, hỏi, “Cô đang đi đâu đấy?” và khi bà trả lời, ông ấy liền mở cửa ra và nói, “Tin tôi đi, Chúa sẽ yêu cô hơn nếu cô đi dạo trong rừng thay vì đến nhà thờ.” Sau những đoạn đường quanh co khúc khuỷu, hai ông bà cũng đến được đầu một lối đi nhỏ bị che khuất bởi những cây dẻ. Vì không mang đúng loại giày để đi đường gồ ghề nên cứ mỗi hai bước là bà lại vấp chân. Lúc Ernesto nắm tay bà, điều này có vẻ như một hành động tự nhiên nhất quả đất. Cả hai im lặng đi dọc theo con đường. Hương mùa thu thoảng qua trong gió, mặt đất ẩm ướt dẫm sương, lá cây đã ngả màu vàng rực và những tia nắng xuyên qua tán lá, ánh lên những màu sắc huyền ảo, nhẹ nhàng. Cuối cùng thì cả hai đi đến một khoảng rừng trống với một cây dẻ khổng lồ đứng sừng sững ngay ở giữa. Bà nhớ đến cây sồi của mình nên đến gần cây dẻ, đầu tiên bà vuốt ve nó rồi tựa má vào thân cây. Đúng lúc đó, Ernesto đã cúi mặt sát bên bà. Đó là lần đầu tiên ánh mắt của cả hai đã gần nhau đến vậy.

Ngày hôm sau bà không muốn gặp ông ấy nữa. Tình bạn đã chuyển sang một thứ gì khác rồi, và bà cần thời gian để suy nghĩ. Bà không còn là một cô gái trẻ nữa mà đã là một phụ nữ có chồng với bao nhiêu trách nhiệm kèm theo, ông ấy cũng đã có vợ và một đứa con trai. Bà đã nhìn thấy trước cả cuộc đời mình cho đến tận lúc già yếu, và những thứ bấy lâu nay mình

không trông đợi bỗng dưng xuất hiện ngay trước mắt – điều này làm bà lo sợ. Bà không biết phải cư xử như thế nào. Lúc đầu, những gì mới mẻ đều thật đáng sợ và ta phải vượt qua nỗi lo âu ấy thì mới có thể hành động tiếp. Vì vậy mà bà nghĩ rằng: Việc này thật ngu xuẩn, nó khác hẳn với những gì trước đây, mình phải quên hết mọi thứ và xóa sạch tất cả những gì đã xảy ra trong mấy ngày qua. Nhưng liền sau đó bà thầm nhủ rằng rũ bỏ mọi chuyện chính là hành động xuẩn ngốc nhất, bởi vì lần đầu tiên kể từ khi còn là một cô bé, bà cảm thấy mình đang sống lại, mọi thứ đều rung động rộn ràng xung quanh và ngay bên trong bà, thật chẳng thể nào từ bỏ được. Nhưng rồi một cách thật tự nhiên, bà có một nỗi nghi ngờ mà tất cả phụ nữ đều có (hay ít nhất từng có): rằng ông ấy chỉ đang chơi một trò chơi, ông ấy chỉ muốn chút ít hưng phấn chứ chẳng là gì hết. Tất cả những suy nghĩ này xoay như chong chóng trong đầu bà khi đang ngồi một mình trong căn phòng xám xịt ở khách sạn.

Bà không thể nào chớp mắt cho đến tận bốn giờ sáng bởi vì quá hào hứng. Ấy vậy mà sáng hôm sau bà không hề mệt mỏi, bà lại còn hát khi mặc đồ nữa chứ; chỉ trong một vài giờ mà niềm khao khát sống mãnh liệt đã được sinh ra trong bà. Vào ngày thứ mười bà gửi cho Augusto một tấm bưu thiếp: *Không khí thật tuyệt vời, thức ăn thì bình thường thôi. Hãy hy vọng cho những điều tốt đẹp nhất*, bà viết, ký tên và gửi kèm theo một nụ hôn đầy yêu thương. Đêm hôm trước bà đã ở cùng với Ernesto.

Khi nghĩ về đêm hôm đó, bỗng dưng bà nhận ra rằng có rất nhiều cánh cửa sổ nhỏ xíu tồn tại ở giữa cơ thể và tinh thần. Nếu chúng được mở ra, những dòng cảm xúc sẽ được tự do ra vào, nhưng nếu chúng đóng lại thì những cảm xúc kia sẽ không được di chuyển nữa. Chỉ có tình yêu mới có thể cùng lúc mở toang toàn bộ những cánh cửa ấy như một cơn gió mạnh.

Hai ông bà không rời nhau nửa bước trong tuần lễ cuối cùng bà ở Porretta, cả hai đi bộ thật xa và nói chuyện cho đến khi khô cổ. Trò chuyện với Ernesto so với Augusto thật khác biệt làm sao! Ernesto có tất cả niềm say mê và lòng nhiệt thành, ông ấy có thể thảo luận về những vấn đề hóc búa nhất với một sự đơn giản tuyệt đối. Hai ông bà thường nói về Chúa, về

những khả năng có thể tồn tại bên ngoài thế giới thực này. Ông ấy từng tham chiến trong đội quân Kháng chiến nên đã hơn một lần đối diện với cái chết. Ý niệm về một quyền lực siêu nhiên nào đó đã xảy ra với ông ấy trong những phút giây đó, không phải bởi vì ông ấy sợ hãi mà là ý thức của ông ấy dường như được rộng mở và lớn lên. “Anh không thể đi lẽ được,” ông ấy nói với bà. “Anh sẽ không bao giờ bước chân vào nhà thờ và sẽ không bao giờ có thể tin vào giáo lý cũng như các câu chuyện được sáng tác bởi người khác.” Ông bà lắng nghe nhau, suy nghĩ những điều giống nhau, cách nói cũng y hệt nhau, có vẻ như hai chúng ta đã biết nhau từ nhiều năm trước chứ chẳng phải chỉ mới hai tuần.

Ông bà chỉ còn lại một ít thời gian, những đêm cuối cùng cả hai hầu như không ngủ và chỉ chợp mắt đôi chút để có thể lấy lại sức khỏe. Ernesto bị lôi cuốn bởi ý nghĩ về duyên tiền định. Ông ấy nói rằng “Trong cuộc đời của mỗi người đàn ông chỉ có một phụ nữ duy nhất mà anh ta có thể tìm được sự kết hợp hoàn hảo nhất, và trong cuộc đời của mỗi phụ nữ cũng chỉ có một người đàn ông duy nhất, mà với người ấy, cô ta mới có thể trở thành toàn vẹn nhất.” Nhưng có rất ít, vô cùng ít những cặp đôi được tìm thấy nhau. Tất cả những người còn lại bị bắt buộc phải sống trong tình trạng bất mãn lâu dài và khao khát khôn nguôi. “Có bao nhiêu cuộc gặp gỡ như chúng ta cơ chứ?” ông ấy hỏi trong căn phòng tối. “Một trong mười nghìn, một trong một triệu, hay một trong mười triệu người?” Một trong mười triệu, đúng là thế đấy. Tất cả những cặp đôi khác là kết quả của sự thỏa thuận, sức hút bề ngoài chớp nhoáng, sự hấp dẫn của cơ thể, sự đồng nhất về tính cách, hay các tục lệ xã hội. Sau một hồi đắn đo, ông ấy lặp lại rằng: “Chúng ta quá may mắn, phải không em? Ai biết được đằng sau tất cả những chuyện này là gì? Ai biết được cơ chứ?”

Vào ngày bà ra đi, khi đứng đợi tàu trong nhà ga nhỏ xíu, ông ấy ôm chầm lấy bà và thì thầm vào tai, “Chúng ta đã gặp nhau trong tiền kiếp nào em nhỉ?” “Nhiều, nhiều lắm,” bà trả lời và bắt đầu khóc. Giấu kín trong xách tay của bà là địa chỉ của ông ấy ở Ferrara.

Thật vô ích để miêu tả bà đã cảm thấy như thế nào trong hành trình trở về nhà dài dằng dặc. Tâm trạng của bà rối bời bời với những dòng suy nghĩ đối lập nhau. Trong thời gian ở trên tàu, bà biết rõ ràng mình cần phải thay đổi cho nên bà liên tục đi vào phòng vệ sinh để kiểm tra sắc mặt của mình. Ánh sáng trong đôi mắt và nụ cười trên đôi môi cần phải biến mất. Chỉ có đôi má hồng là được phép ở lại, nó chính là bằng chứng rằng không khí trong lành đã có tác dụng tốt đối với bà. Cả cha bà và Augusto đều nhận ra sự cải thiện thật phi thường này. “Cha biết là nước nóng có thể mang lại điều kỳ diệu mà,” cha bà lặp lại để đến lần thứ một trăm, trong khi đó bà hầu như không thể tin được là Augusto đã tận công bà tới tấp với những hành động rất ga lăng.

Khi biết yêu lần đầu, cháu sẽ thấy tình yêu mang đến cho ta muôn sắc, muôn màu và bao nhiêu điều thú vị. Lúc chưa yêu, trái tim ta vẫn còn tự do rong chơi và ánh mắt chỉ thuộc về một mình mình thì chẳng có người đàn ông nào ta cảm thấy hấp dẫn lại dành cho ta một phút; nhưng đúng giây phút một người nào đó đánh cắp trái tim ta, và ta không hề quan tâm đến bất kỳ ai khác thì bỗng dưng tất cả bọn họ quay trở lại theo đuổi, tán tỉnh và nói những lời hết sức ngọt ngào. Đó là vì những cánh cửa sổ bà đã nói trên đây, khi chúng được mở ra, cơ thể ta sẽ chiếu ánh sáng rực rỡ lên tinh thần, và tinh thần cũng làm ngược lại cho cơ thể, chúng soi rọi lẫn nhau qua một chuỗi các tấm gương. Chỉ trong một thời gian ngắn, một vòng hào quang rực rỡ sẽ bao phủ xung quanh ta, chính ánh hào quang ấy quyến rũ đàn ông như mật ngọt thu hút những con gấu vậy. Augusto cũng không ngoại lệ. Và có lẽ là lạ đối với cháu nhưng bà không thấy khó khăn khi tỏ ra tử tế với ông ấy. Tất nhiên là nếu Augusto sống gần gũi hơn một chút với thế giới thực tại, và nếu ông ấy khôn ngoan hơn thì chắc chắn không cần mất nhiều thời gian để đoán biết điều gì đã xảy ra. Lần đầu tiên kể từ khi lấy chồng, bà cảm thấy thật biết ơn những con côn trùng ghê tởm của ông ấy.

Bà có nghĩ về Ernesto không? Tất nhiên, thật sự đó là điều duy nhất bà làm. Nhưng nghĩ không phải là từ chính xác. Nó còn hơn cả suy nghĩ nữa kìa, bà tồn tại là vì ông ấy, ông ấy tồn tại trong bà, cả hai chúng ta là một thực thể có cùng mọi suy nghĩ và hành động. Lúc chia tay, ông bà đồng ý

với nhau rằng bà sẽ là người viết thư đầu tiên; trước khi ông ấy có thể hồi âm, bà phải tìm một người bạn – một phụ nữ tin cẩn để nhận thư giúp bà. Bà gửi cho ông ấy lá thư đầu tiên vào ngày lễ Toàn Thánh. Khoảng thời gian sau đó quả thật là tồi tệ nhất trong suốt thời gian ông bà quen nhau. Ngay cả tình yêu vĩ đại, hoàn hảo nhất cũng không loại trừ được những mối nghi ngờ khi người yêu của mình ở tận nơi xa. Vào những buổi sáng khi trời vẫn còn tờ mờ, bà mở mắt trừng trừng và nằm yên bất động bên cạnh Augusto. Đó là khoảnh khắc duy nhất mà bà không giấu đi cảm giác của mình. Bà suy tư về ba tuần lễ vừa qua. Bà tự hỏi nếu Ernesto chỉ là một gã Sở Khanh thì sao, có phải cuộc sống ở spa nghỉ dưỡng trở nên nhàm chán cho nên ông ấy tìm chút thú vui bằng cách tán tỉnh người phụ nữ đầu tiên ông ấy gặp chẳng? Mỗi một ngày trôi qua mà không có tin tức gì từ ông ấy, nỗi nghi ngờ kia đã chuyển hóa thành một điều chắc chắn. Thế rồi bà tự nhủ: Được rồi, cho dù tất cả chỉ là vậy, cho dù mình đã hành động như một cô bé ngây thơ khờ khạo thì đó không phải là một trải nghiệm tiêu cực và cũng không hoàn toàn vô ích. Nếu không là chính mình thì bà sẽ già yếu và chết đi mà chưa bao giờ biết được cảm giác của một người phụ nữ là thế nào. Cháu thấy đấy, bà đang cố gắng tạo ra một tấm màn bảo vệ và ra sức bào chữa cho mình.

Cả Augusto và cha bà đều nhận ra niềm vui của bà đã biến mất. Bà nhanh chóng rơi vào cơn thịnh nộ mà chẳng vì lý do gì; nếu một trong hai người bước vào phòng là bà bỏ đi ngay kèm theo những lời cáu gắt, bà chỉ cần được một mình. Bà liên tục nghĩ về những tuần lễ đã trải qua cùng Ernesto và điên cuồng xem xét lại từng giây, từng phút một. Bà cố gắng tìm ra một chi tiết hay bằng chứng nào đó để có thể đưa ra quyết định dứt khoát. Cuộc tra tấn tinh thần này kéo dài trong bao lâu? Một tháng rưỡi hay gần hai tháng gì đó. Rốt cuộc thì vào tuần lễ trước Giáng Sinh, lá thư của ông ấy đã đến nhà bạn bà, tất cả có năm trang chi chít chữ.

Bỗng nhiên bà vui vẻ trở lại. Mùa đông trôi qua và mùa xuân cũng thế, bà viết những lá thư rồi chờ đợi trả lời. Tâm trí bà chỉ có hình bóng của Ernesto nên khái niệm về thời gian cũng thay đổi, tất cả suy nghĩ của bà chỉ tập trung về một tương lai mơ hồ, một khoảnh khắc nào đó khi mình có thể được gặp lại ông ấy.

Lá thư đầu tiên của ông ấy làm bà xúc động đến nỗi mọi nghi ngờ bấy lâu nay bỗng dưng tan biến hết. Tình yêu của cả hai là một tình yêu vĩ đại, một tình yêu tột cùng, và cũng như những cuộc tình tuyệt vời khác, nó vượt qua những trải nghiệm thông thường. Có lẽ cháu thấy lạ khi sự xa xôi cách trở không làm cho cả hai đau khổ, nhưng quả thật rằng nếu nói không đau khổ thì cũng không đúng. Cả bà và Ernesto đều phải chịu đựng sự xa cách không mong muốn này, nhưng hòa lẫn vào đó là những cảm xúc khác, nỗi đau chỉ còn là thứ yếu khi niềm háo hức mong chờ thời điểm gặp lại nhau to lớn hơn gấp bội. Cả hai đều đã lập gia đình nên đều hiểu rằng mình không thể kỳ vọng khác hơn. Nếu chuyện này xảy ra ở những thế hệ sau này thì có lẽ bà chẳng phải đợi lâu hơn một tháng để nói lời chia tay Augusto, và Ernesto cũng làm như vậy với vợ của ông ấy, rồi cả hai ông bà sẽ đến ở cùng nhau dưới một mái nhà vào mùa lễ Giáng Sinh. Như vậy có tốt hơn chẳng? Bà không biết nữa. Bà cảm thấy rất khó khăn để dứt bỏ quan niệm rằng những mối quan hệ dễ dãi sẽ làm tầm thường hóa tình yêu và biến những cảm xúc khát khao cuồng nhiệt trở thành những mê đắm phù du.

Có người yêu và tìm cách gặp gỡ người ấy không phải là đơn giản trong thời đó. Dĩ nhiên là dễ dàng hơn đối với Ernesto vì ông ấy là một bác sĩ nên có thể viện dẫn nhiều lý do như hội thảo, họp hành hay những vấn đề cấp bách. Còn bà chỉ là một nội trợ nên rõ ràng là không thể. Bà phải nghĩ đến một nhiệm vụ nào đó có thể cho phép mình đi khỏi nhà vài giờ hay thậm chí vài ngày mà không gọi lên chút nghi ngờ nào cả. Và ngay trước lễ Phục Sinh, bà đã tham gia một câu lạc bộ của những người yêu thích ngôn ngữ La Tinh không chuyên. Họ tổ chức những cuộc họp mỗi tuần và thường xuyên thực hiện những chuyến tham quan văn hóa. Biết bà có niềm đam mê đối với những ngôn ngữ cổ nên Augusto không mấy may nghi ngờ hay phàn nàn chi cả, ông ấy cảm thấy vui khi bà trở lại với những gì mình đã từng yêu thích.

Mùa hè năm ấy đã đến trong chớp mắt. Cuối tháng Sáu, Ernesto rời Ferrara để đi đến spa nghỉ dưỡng như mọi năm còn bà đi du lịch ở vùng biển cùng cha và Augusto. Những tháng sau đó bà thành công trong việc thuyết phục Augusto rằng mình chưa bao giờ thôi mong ước có một đứa con. Sáng

sớm ngày 31 tháng Tám, vẫn mặc cùng chiếc váy và mang cùng chiếc va li như năm trước, bà ngồi lên xe và ông ấy chở bà ra ga tàu để đi đến Porretta. Bà hào hứng đến nỗi không thể ngồi yên trong suốt chuyến đi, bà nhìn những cảnh vật mà năm rồi đã thấy qua khung cửa, thế nhưng mọi thứ có vẻ đã thay đổi cả rồi.

Bà ở lại spa trong ba tuần, và trong ba tuần ấy, bà đã sống trọn vẹn hơn cả quãng đời còn lại của mình. Một ngày nọ, khi Ernesto phải làm việc, bà đi dạo trong công viên và nhớ rằng mình đã nghĩ thật tuyệt vời biết bao nếu được chết vào chính khoảnh khắc này. Có vẻ thật lạ lùng, nhưng niềm hạnh phúc vô biên hay nỗi đau khổ tột cùng đều mang theo những niềm khát khao đầy mâu thuẫn. Bà có cảm giác bấy lâu nay mình chỉ lang thang vô định trên những con đường gồ ghề xuyên qua những khu rừng hết năm này sang năm khác; bà chỉ bước chân qua những bụi cây nhỏ để tiếp tục hành trình và không hề chú ý đến những thứ xung quanh ngoài việc đi thẳng trên con đường trước mắt; bà chẳng biết mình đi đến đâu – có thể là một vách đá, một đèo cao, một thành phố lớn hay cũng có thể là một sa mạc; rồi bỗng dưng những khu rừng không còn nữa, bà đã leo lên cao tự lúc nào không biết, và đột nhiên bà nhận ra mình đang đứng trên một đỉnh núi chót vót. Mặt trời chỉ vừa ló dạng, trước mặt bà là những dãy núi nhấp nhô phủ ánh sương mờ kéo dài cho đến chân trời. Tất cả chìm trong một màu xanh huyền ảo, một cơn gió nhẹ thổi qua đỉnh núi, từ đỉnh núi đến đầu bà, và từ đầu bà đến tận những suy nghĩ bên trong. Thình thoảng một âm thanh nào đó vọng lên, một tiếng chó sủa, và rồi một tiếng chuông nhà thờ. Mọi thứ vừa nhẹ bẫng lại vừa dữ dội đến lạ lùng. Từ trong ra ngoài cơ thể bà, mọi thứ đều trở nên quang đãng, không còn những đỉnh núi lờ mờ, không còn gì che ánh sáng, bà không hề muốn leo xuống và trở lại khu rừng ấy nữa; bà muốn hòa mình vào lớp sương xanh biếc kia và ở đó mãi mãi, để lại cuộc sống sau lưng và leo lên tới đỉnh cao nhất. Bà giữ suy nghĩ ấy trong đầu cho đến khi gặp lại Ernesto vào buổi tối hôm ấy. Suốt buổi ăn tối, bà không đủ can đảm để kể cho ông ấy nghe và e rằng ông ấy sẽ cười phá lên cho mà xem. Mãi đến tận khuya, khi ông ấy vào phòng và ôm chầm lấy bà, bà đặt đôi môi sát

bên tai ông ấy và thì thầm khe khẽ. Bà định nói rằng “Em muốn chết,” nhưng cháu có biết bà đã nói gì không? “Em muốn một đứa con.”

Lúc rời Porretta, bà biết mình đã có thai. Bà nghĩ Ernesto cũng đã biết điều này, mấy ngày trước đó ông ấy cứ bồn chồn, bối rối và thường hay im lặng. Nhưng phản ứng của bà lại hoàn toàn khác. Cơ thể của bà bắt đầu thay đổi sau buổi tối ở cùng ông ấy, ngực bà bỗng trở nên đầy đặn, săn chắc và làn da mịn màng hơn hẳn. Thật không thể tin cơ thể ta điều chỉnh theo tình trạng mới nhanh chóng đến vậy. Đó là lý do tại sao bà có thể nói rằng mình biết chính xác điều gì đã xảy ra, cho dù bà chưa thử thai, và thậm chí bụng mình vẫn còn phẳng lì. Bỗng nhiên bà cảm thấy thật rạng rỡ, cơ thể mình đang tự điều chỉnh và bắt đầu nảy nở, bà có thể cảm nhận được nguồn sức mạnh của nó. Bà chưa có những cảm giác ấy bao giờ.

Nhưng đến lúc chỉ còn một mình trên tàu, những suy nghĩ cặn kẽ hơn mới bắt đầu bủa vây lấy bà. Khi còn bên cạnh Ernesto, bà không hề có chút hồ nghi nào về việc mình sẽ giữ lại đứa bé: Augusto, cuộc sống ở Trieste, những cuộc đàm tiếu của mọi người – tất cả dường như đều ở xa tít tắp. Thế mà giờ đây, khi toàn bộ thế giới ấy sắp tiến đến gần mình thì bà không thể chậm trễ về bào thai này nữa, bà phải quyết định thật nhanh, và một khi nó đã được quyết định thì mọi chuyện sẽ không bao giờ thay đổi. Thật nghịch lý thay khi bà nhận ra rằng việc phá thai còn khó khăn gấp bội so với việc sinh con. Phá thai sẽ không bao giờ thoát khỏi sự nghi ngờ của Augusto. Làm sao bà có thể nhìn vào ánh mắt ông ấy mà lý giải sau bao nhiêu năm trời khẳng khăng rằng mình muốn có một đứa con? Bên cạnh đó, bà không hề mong muốn phá thai chút nào, sinh linh bé bỏng đang lớn dậy trong bà không phải là một lỗi lầm, càng không phải là một thứ gì đó có thể bị loại bỏ càng sớm càng tốt. Nó lấp đầy niềm khao khát của bà, và có lẽ đó chính là niềm khao khát to lớn và mãnh liệt nhất trong cuộc đời bà.

Khi ta yêu một người đàn ông – một tình yêu mãnh liệt, toàn vẹn cả cơ thể lẫn tâm hồn – không còn gì tự nhiên bằng ước muốn được có một đứa con. Đó không phải là một khao khát mang tính lý trí hay là một lựa chọn dựa trên những tiêu chuẩn, lý lẽ thông thường. Trước khi gặp Ernesto, bà



tưởng tượng rằng mình muốn có một đứa con và biết chính xác tại sao mình muốn nó cũng như những lợi ích và mất mát trong chuyện này. Nói một cách ngắn gọn thì đó là một lựa chọn đầy lý trí, bà muốn một đứa bé bởi vì đã đến một lứa tuổi nhất định và đang rất cô đơn, ngoài ra còn bởi vì bà là một phụ nữ, mà như mọi phụ nữ khác, nếu không sinh ra được điều gì thì ít nhất cũng phải sinh ra con cái chứ. Cháu thấy không? Nếu mua một chiếc xe thì bà cũng sử dụng chính xác những tiêu chuẩn như vậy đấy.

Nhưng vào cái đêm bà nói với Ernesto rằng “Em muốn một đứa con”, có điều gì đó khác hẳn hoàn toàn. Quyết định này đã đi ngược lại với tất cả những lý lẽ thông thường, hay nói một cách chính xác là những lý lẽ ấy đều phủ phục trước quyết định này. Mà thực ra nó không hẳn là một quyết định, nó là niềm khao khát hoang dại, điên cuồng sẽ sở hữu Ernesto mãi mãi. Bà muốn Ernesto tồn tại trong mình, cùng mình, bên cạnh mình suốt đời. Giờ đây có lẽ cháu cảm thấy ghê sợ khi đọc về cách cư xử của bà. Có lẽ cháu cũng tự hỏi rằng tại sao cháu chưa bao giờ phát hiện ra là bà đã che đậy một phần tính cách hèn hạ, thấp kém của mình phải không? Khi tàu đến Trieste, bà chỉ làm một điều duy nhất có thể là bước xuống tàu trong lớp vỏ của một phụ nữ yêu chồng cuồng nhiệt. Augusto bất ngờ bởi những thay đổi trong bà, nhưng thay vì lý giải tại sao, ông ấy chỉ cuốn theo chiều gió.

Sau một tháng thì việc ông ấy có con là hoàn toàn chính đáng. Vào ngày bà thông báo về kết quả thử thai, ông ấy rời văn phòng giữa buổi sáng và dành cả ngày ở bên bà để lên kế hoạch thay đổi ngôi nhà khi đứa bé chào đời. Và khi bà kể tai nói to tin vui với cha bà, ông ấy nắm chặt tay bà trong lòng bàn tay khô ráp của mình một lúc lâu và không hề cử động, còn đôi mắt thì đã đỏ hoe và ngân ngấn nước tự lúc nào. Cũng khá lâu rồi, chứng điếc tai đã khiến ông ấy bị cô lập với cuộc sống xung quanh, những cuộc đối thoại của ông ấy là một chuỗi từ ngữ bật ra từ miệng, đôi khi có những khoảng lặng đột ngột giữa những lời nói hay ông ấy lạc đề và kể những câu chuyện trong quá khứ chẳng ăn nhập gì với cuộc trò chuyện đang diễn ra. Chẳng biết tại sao nhưng bà không hề xúc động bởi những giọt nước mắt của ông ấy mà chỉ thấy một nỗi khó chịu mơ hồ. Bà còn có cảm giác những giọt nước mắt ấy chỉ là ngụy biện chứ không là gì khác. Dù sao đi nữa thì ông ấy

cũng không sống được cho tới lúc nhìn thấy mặt cháu gái mình. Ông ấy ra đi thật thanh thản lúc đang ngủ khi bà đã mang thai mẹ cháu đến tháng thứ sáu. Khi nhìn ông ấy nằm trong quan tài, bà giật mình vì thấy ông ấy sao già yếu và héo hon đến vậy. Gương mặt của ông ấy vẫn như thế, thật xa cách và không mấy may xúc cảm.

Tất nhiên là bà viết cho Ernesto ngay sau khi có kết quả thử thai; sau mười ngày thì thư của ông ấy mới đến tay bà. Bà chờ vài tiếng đồng hồ mới mở lá thư vì vô cùng hồi hộp và sợ rằng có thể nó sẽ chứa đựng những điều không hay ho lắm. Mãi đến chiều muộn hôm đó bà mới quyết định đọc. Bà nhốt mình trong phòng vệ sinh khóa chặt của một quán cà phê để có chút yên tĩnh riêng tư. Lời lẽ của ông ấy rất điềm tĩnh và hợp lý: “Anh không biết liệu điều này có phải là tốt nhất hay không, nhưng nếu đó là điều em muốn thì anh rất tôn trọng quyết định của em.”

Lúc đã vượt qua mọi cản trở, bà bình thản chờ đợi phút lâm bồn. Bà có giống một con ác quỷ không? Hay bà chính là nó? Bà không biết. Trong suốt thời gian mang thai và cả những năm tháng sau này, bà không hề có cảm giác hoài nghi hay ăn năn, hối hận. Làm sao bà có thể giả vờ yêu một người đàn ông khi đang mang trong mình giọt máu của một người đàn ông khác mà mình thực sự yêu thương? Cháu thử nhìn xem, mọi thứ trong thực tế đâu hề đơn giản, chúng không bao giờ chỉ có hai màu trắng hoặc đen mà là muôn màu, muôn sắc, và tất cả chúng lại có biết bao sắc thái khác nhau. Việc đối xử dịu dàng và quý mến Augusto đối với bà không phải là một nghĩa vụ, bởi vì bà thực sự yêu ông ấy. Nhưng tình yêu này khác với tình yêu dành cho Ernesto, đó không phải là tình yêu nam nữ mà là tình yêu của một cô em gái đối với người anh trai đang mệt mỏi của mình. Nếu ông ấy là một người xấu thì mọi thứ có lẽ đã khác đi, bà sẽ chẳng bao giờ mơ ước có một đứa con và sống chung một mái nhà với ông ấy, đằng này ông ấy chỉ nhàm chán và máy móc đến khù khờ; ngoài điều đó ra ông ấy là người có bản chất rất tốt. Ông ấy vui khi có một đứa con, và bà vui lòng mang đến đứa con cho ông ấy. Tiết lộ bí mật của mình vì lý do gì chứ? Nếu bà làm vậy thì chắc chắn ba cuộc đời sẽ bất hạnh mãi mãi. Hay ít nhất đó là suy nghĩ của bà lúc ấy. Thời nay, khi ai cũng có thể tự do lựa chọn và quyết định thì

việc bà làm có vẻ thật đáng sợ, nhưng vào lúc ấy, bà cảm thấy mình đang ở trong một hoàn cảnh bình thường. Bà không nói là nó xảy ra với tất cả các cặp vợ chồng, nhưng không có nghĩa là bất thường khi một phụ nữ có chồng lại có con riêng với một người đàn ông khác. Thế thì điều gì sẽ xảy ra? Cũng giống như trong trường hợp của bà vậy: chẳng có gì xảy ra cả. Đứa bé được sinh ra, lớn lên bình đẳng như các anh chị em của nó và trưởng thành mà không hề có chút may mắn nghi ngờ nào cả. Lúc bấy giờ, gia đình được xây dựng trên nền tảng vô cùng vững chắc, để phá hủy nó thì một đứa con ngoài giá thú không đủ để làm nổi.

Và mọi chuyện đã xảy ra như vậy với mẹ cháu: từ lúc ra đời, con bé là con gái của cả hai vợ chồng, bà và Augusto. Đối với bà, điều quan trọng nhất là Ilaria được sinh ra nhờ tình yêu chứ không phải là do may rủi, do tục lệ xã hội hay do buồn chán; bà nghĩ chỉ điều này thôi cũng đủ xóa bỏ tất cả những vấn đề khác. Quả là một sai lầm lớn!

Tuy nhiên, trong những năm đầu, mọi việc tiến triển rất tự nhiên và trôi chảy. Bà đã sống vì nó, bà đã – hay ít nhất tin rằng mình đã – là một người mẹ tràn ngập tình yêu thương và luôn ân cần, chu đáo với con mình. Từ mùa hè đầu tiên sau khi con bé ra đời, bà có thói quen đưa nó đi đến bãi biển Adriatic mỗi năm và hai mẹ con tận hưởng những ngày tháng ấm áp nhất ở đó. Hai mẹ con thuê một căn nhà, cứ hai hay ba tuần Augusto đến thăm và ở lại trong những ngày cuối tuần.

Cũng chính trên bãi biển đó, Ernesto đã nhìn thấy con gái mình lần đầu tiên. Tất nhiên ông ấy làm ra vẻ là một người hoàn toàn xa lạ, đôi khi ông ấy đi dạo và “tình cờ” đến gần hai mẹ con. Hay những lúc Augusto không có mặt, ông ấy ngồi dưới tán dù cách đó một quãng xa để ngắm hai mẹ con chơi đùa hàng giờ trong khi giả vờ đọc sách báo. Vào những buổi tối, ông ấy viết cho bà những lá thư dài, ghi lại những suy nghĩ trong đầu, những cảm giác dành cho hai mẹ con và những điều vừa chứng kiến. Lúc đó, vợ Ernesto cũng sinh thêm một cậu con trai khác và ông ấy phải bỏ việc ở spa nghỉ dưỡng để mở phòng khám tư ở quê hương Ferrara của mình. Ngoài những lần gặp gỡ được sắp đặt cẩn trọng như những dịp “tình cờ”, hai ông bà

không còn nhìn thấy nhau trong suốt mấy năm cho tới khi Ilaria lên ba tuổi. Bà dành hết mọi sự chú ý cho con bé; mỗi sáng thức dậy, bà vui mừng khôn tả khi nghĩ rằng con bé đang có mặt trên đời, và cho dù bà muốn làm chuyện khác thì cũng chẳng thể nào tập trung được.

Không lâu trước khi chia tay ở spa nghỉ dưỡng, Ernesto và bà đã cùng nhau thỏa thuận một điều. “Mỗi buổi tối, vào đúng mười một giờ,” ông ấy nói, “cho dù anh ở đâu và làm bất cứ việc gì, anh cũng sẽ bước ra ngoài và nhìn sao Thiên Lang trên bầu trời. Em cũng làm như thế nhé, cho dù chúng mình cách xa nhau vạn dặm, cho dù chúng mình không được gặp nhau suốt cả đời và chẳng biết điều gì đang xảy ra, nhưng khi làm như thế này, những suy nghĩ của hai ta sẽ gặp nhau trên đó, ít nhất là chúng cũng sẽ được đến thật gần nhau.” Hai ông bà bước ra ngoài ban công của khách sạn và Ernesto chỉ cho bà chòm sao Lạp Hộ cùng ngôi sao sáng Betelgeuse. Rồi sau đó ông ấy chỉ đến Thiên Lang, ngôi sao sáng nhất trong chòm.

## *Ngày 12 tháng Mười Hai*

Một tiếng ồn đột ngột đánh thức bà vào đêm hôm qua, mãi một lúc sau bà mới nhận ra đó là chuông điện thoại. Chuông đã reo nhiều lần trước khi bà có thể lê cái thân già này ra khỏi giường, và khi vừa tới thì tiếng chuông đã tắt. Dù sao thì bà cũng cầm ống nghe lên và nói a lô hai, ba lần bằng cái giọng vô cùng ngái ngủ. Thay vì trở về giường, bà ngồi trên ghế bành kế bên chiếc điện thoại. Có phải là cháu không? Có thể là ai được nhỉ? Tiếng chuông phá vỡ màn đêm tĩnh lặng đã thực sự làm bà bực mình. Bà nhớ đến câu chuyện một người bạn đã kể vài năm trước đây. Chồng bà ấy nằm trong bệnh viện từ rất lâu nhưng luật lệ thăm bệnh nhân rất nghiêm ngặt nên bà ấy đã không có mặt khi ông ấy ra đi. Bị dẫn vặt với nỗi thất vọng và buồn đau, đêm đó bà ấy không thể ngủ và cứ nằm yên trong bóng tối cho tới khi chuông điện thoại bất ngờ reo. Thật ngạc nhiên, bà ấy không thể tin ai đó có thể gọi đến để chia buồn vào giờ này. Khi cầm ống nghe, bà ấy nhận ra có điều gì đó thật khác lạ đập vào mắt: có một vầng sáng lung linh xung quanh chiếc điện thoại, nhưng khi vừa nói a lô, từ ngạc nhiên bà ấy chuyển sang khiếp sợ. Giọng nói ở đầu dây bên kia dường như đến từ một nơi rất xa và nghe có vẻ rất khó khăn. “Marta,” giọng nói được phát ra với tiếng ồn rè rè, “anh muốn chào tạm biệt trước khi ra đi...” Đó là giọng nói của chồng bà ấy. Ông ấy ngưng lại và rồi hình như có tiếng gió mạnh thổi qua, sau đó điện thoại mất tín hiệu và chỉ còn bầu âm thanh lặng lẽ bao trùm.

Lúc ấy bà trấn an bạn của mình rằng chẳng qua là vì bà ấy đang mệt mỏi quá thôi, nhưng việc người chết sử dụng các phương tiện truyền thông hiện đại như vậy thật quả là kỳ lạ. Dẫu sao đi nữa thì câu chuyện ấy cũng để lại một dấu ấn trong tâm trí bà. Từ sâu thẳm tận đáy lòng, nơi một phần nào đó trong bà vẫn rất hồn nhiên và tin vào những điều kỳ diệu, đôi khi bà muốn nhận được một cú điện thoại vào lúc nửa đêm như thế từ Thế Giới Bên Kia,

từ con gái mình, chồng mình và cả người đàn ông mình yêu hơn tất cả mọi thứ trên thế giới này.

Họ đã chết, họ không còn ở đây nữa, riêng bà vẫn tiếp tục hành động như thể vừa sống sót sau một vụ đắm tàu. Bà vẫn an toàn vì được thủy triều đẩy dạt lên một hòn đảo trong khi không biết điều gì đã xảy ra với những người thân thiết của mình. Họ đã biến mất khỏi tầm mắt của bà khi chiếc thuyền lật úp, có lẽ họ đã chìm rồi – có vẻ là vậy – nhưng cũng có thể là chưa. Dẫu sao thì năm tháng trôi qua và bà vẫn dò tìm ở những hòn đảo xung quanh, chờ đợi một luồng khói bốc lên, một tín hiệu hay bất kỳ điều gì đó để khẳng định niềm tin mơ hồ của bà rằng họ vẫn còn sống trên cõi đời này.

Một tiếng động lớn đã đánh thức bà vào đêm Ernesto mất. Augusto bật đèn và la lớn “Ai đó?” Không có ai trong phòng cả, mọi thứ vẫn còn ở nguyên vị trí cũ. Chỉ đến sáng hôm sau, khi mở tủ quần áo bà mới thấy các ngăn đựng đều rơi xuống cả, tất cả váy, khăn choàng và đồ lót nằm chất đống dưới đáy tủ.

Giờ đây bà mới có thể nói “đêm Ernesto mất” chứ lúc đó bà chưa biết được. Bà vừa mới nhận một lá thư của ông ấy nên suy nghĩ về chuyện gì đó xảy ra với ông ấy không hề có trong đầu. Bà cứ cho rằng không khí ẩm ướt đã làm rỉ sét các thanh chống và sức nặng của đồ đạc đã làm cho chúng đổ sập. Lúc này Ilaria đã bốn tuổi và đi nhà trẻ, cuộc sống của bà với con bé và Augusto vẫn ổn định và êm đềm. Buổi chiều hôm ấy, sau cuộc họp với câu lạc bộ tiếng La Tinh, bà đến một quán cà phê và viết thư cho Ernesto. Câu lạc bộ đã lên kế hoạch cho một hội nghị ở Mantua vào hai tháng tới, đây hẳn là cơ hội chờ đợi bấy lâu nay để hai người có thể gặp lại nhau. Bà gửi lá thư đi và bắt đầu mong chờ thư trả lời của ông ấy. Nhưng chẳng có tin tức gì trong tuần kế tiếp, và cả những tuần sau đó nữa. Lúc đầu bà nghĩ dịch vụ bưu điện đã bị trục trặc gì đó, rồi bà lại tưởng tượng là ông ấy đang bị ốm nên không thể đến văn phòng để nhận thư. Sau một tháng nữa thì bà viết thêm một mẫu tin nhắn khác, nhưng vẫn bật vô âm tín. Mỗi ngày trôi qua, bà cảm thấy mình như một ngôi nhà bị nước thấm dần qua móng. Lúc đầu nó chỉ là những tia nước nhỏ âm ỉ mơn man những trụ bê tông, nhưng rồi thời

gian trôi qua, nó trở thành những dòng chảy to lớn, mạnh mẽ, và áp lực của nó biến xi măng trở thành đất cát; ngôi nhà vẫn đứng đó, mọi thứ trông có vẻ bình thường, nhưng bà biết thực chất không phải thế, chỉ cần một cú xô nhẹ thì bề mặt và tất cả nền móng của nó sẽ bị sụp đổ tan tành như thể một ngôi nhà xếp hình của trẻ con vậy.

Trước khi đi dự hội nghị, bà thui thui như một cái bóng. Sau khi có mặt chớp nhoáng ở Mantua, bà đi thẳng đến Ferrara và cố gắng khám phá điều gì đã xảy ra. Chẳng có ai trong văn phòng của Ernesto, bà đi qua đó mấy lần nhưng những cánh cửa lúc nào cũng đóng im ỉm. Ngày hôm sau bà đi đến một thư viện và hỏi xem các tờ báo từ mấy tháng trước, nhờ một đoạn thông báo ngắn mà bà biết được toàn bộ câu chuyện đã xảy ra. Trên đường trở về nhà sau khi đến thăm một bệnh nhân, ông ấy đã mất tay lái và đâm vào một cây tiêu huyền rất lớn. Ông ấy chết gần như ngay lập tức. Thời gian và ngày tháng trùng lặp chính xác với thời điểm các giá đựng đồ trong tủ quần áo của bà sụp xuống.

Trong mục bói toán của các tờ tạp chí lá cải mà cô Razman thỉnh thoảng mang tới có nói rằng những người thuộc chòm sao Hồ Cáp ứng với cung thứ tám thường bị chết bất đắc kỳ tử. Theo chuyên mục đó thì không ai sinh ra dưới cung hoàng đạo này sẽ được ra đi thanh thản. Bà tự hỏi không biết có phải Ilaria và Ernesto đều ra đời khi những chòm sao này tỏa sáng rực rỡ trên bầu trời hay không. Cách nhau hơn hai mươi năm, cả hai cha con đều già biệt cõi đời trong tình huống chính xác như nhau: đâm xe vào một thân cây.

Bà đắm chìm trong cơn tuyệt vọng khôn nguôi sau cái chết của Ernesto. Bà đã tỏa sáng rực rỡ trong những năm qua và đột nhiên nhận ra rằng ánh sáng ấy không phải ở bên trong bà mà chỉ là một hình ảnh phản chiếu. Niềm hạnh phúc và tình yêu cuộc sống bấy lâu nay chưa bao giờ thuộc về bà, hóa ra bà chỉ có vai trò là một tấm gương. Chính Ernesto là người phát ra nguồn sáng ấy, còn bà chỉ phản chiếu lại thôi. Khi ông ấy biến mất, mọi thứ bỗng tối sầm trở lại. Sự hiện diện của Ilaria chẳng những không còn làm bà vui nữa mà trở nên khó chịu, tinh thần bà lung lay đến nỗi nghi ngờ rằng liệu

con bé có thật là con của Ernesto hay không. Sự thay đổi này không thể thoát khỏi nhận thức của con bé, nó nhận ngay tín hiệu chối bỏ của bà bằng chiếc ãng-ten nhạy cảm của trẻ con và trở nên thật hống hách, cứng đầu. Kể từ đó, nó là sợi dây leo căng tràn nhựa sống còn bà là thân cây già đang chờ đợi bị phủ kín bởi sợi dây leo. Nó đánh hơi mùi tội lỗi của bà như một con chó săn và lợi dụng điều đó để leo cao hơn nữa. Ngôi nhà lúc này giống như một địa ngục với toàn những tiếng la hét và cãi vã.

Để bà bớt gánh nặng, Augusto thuê một người giúp việc để chăm sóc con bé. Ông ấy cố gắng lôi kéo nó đến với những con côn trùng của mình, thế nhưng chỉ sau ba, bốn lần, mọi nỗ lực đều tan tành mây khói khi nó thét lên: “Gớm quá đi!”, và thế là ông ấy đành từ bỏ. Bỗng nhiên tuổi già của ông ấy đến thật nhanh, trông ông ấy cứ như là ông ngoại của con bé chứ không phải là cha, hơn nữa ông ấy còn giữ khoảng cách với nó lắm. Khi nhìn mình trong gương, bà cũng thấy tuổi tác đang đè nặng lên mình, những nét cơ thể đã trở nên thô ráp, nặng nề mà trước kia chưa bao giờ có. Thờ ơ với bản thân cũng đã nói lên sự coi thường chính mình. Giữa khoảng thời gian khi Ilaria đến trường cho tới lúc người giúp việc trông nom nó, bà có rất nhiều thời gian rỗi. Cảm giác bồn chồn không yên cứ thúc đẩy bà phải hoạt động không ngừng, thế là bà lái xe lên xuống các ngọn đồi ở Carso như một kẻ u mê.

Bà giờ lại những cuốn sách tôn giáo đã đọc khi còn ở L'Aquila. Bà hy vọng sẽ tìm được câu trả lời nào đó trong những trang giấy ấy. Bà đi lang thang và lẩm bẫm không biết bao nhiêu lần câu nói của St. Augustine về cái chết của mẹ ông: “Hãy đừng đau khổ vì mất mẹ mà hãy biết ơn vì ta đã từng có mẹ.”

Một chị bạn đã dẫn bà tới gặp một linh mục để xưng tội hai, ba lần gì đó nhưng bà không thể tiếp tục vì cảm thấy càng đau buồn hơn trước. Ông ấy dùng những lời lẽ ngọt ngào đến phát ngấy để ca tụng sức mạnh của niềm tin, cứ như thể niềm tin là thứ gì đó ta có thể mua ở bất kỳ tiệm tạp hóa nào. Bà không thể chấp nhận việc mất mát Ernesto; ánh sáng của bà đã tắt đi và giờ bà không thể tìm thấy được lý do tại sao lại như thế. Cháu thấy đấy, khi



gặp gỡ ông ấy, khi cả hai chìm đắm trong tình yêu, ngay lập tức bà thuyết phục chính bản thân mình rằng mọi thứ đã được giải quyết, bà hạnh phúc sống, hạnh phúc với mọi thứ xung quanh mình; bà cảm thấy mình đã đạt tới đỉnh cao của cuộc đời, một đỉnh cao vô cùng vững chãi; bà đoán chắc rằng không ai và không gì có thể đẩy bà ra khỏi vị trí của mình được. Trong lòng bà tràn ngập niềm tự tin kiêu hãnh vốn có của những người cho rằng mình đã hiểu hết mọi thứ trên đời. Qua nhiều năm, bà vẫn tin chắc là mình đã đi đến điểm này bằng sức mạnh của chính mình, thế nhưng thực tế là bà chưa hề cất bước nào mà không cần ai giúp đỡ. Bà cố gắng đi trên đôi chân của mình, nhưng những bước chân của bà loạng choạng như của một đứa bé hay một cụ già vậy. Có lúc bà nghĩ cần phải dựa vào một thứ gì đó để hỗ trợ: có lẽ là tín ngưỡng hay công việc. Nhưng ý tưởng này không tồn tại được lâu. Ngay lập tức bà hiểu rằng nó chỉ mang đến thêm một sai lầm nữa. Đã đến tuổi bốn mươi rồi thì không còn chỗ cho những sai lầm. Nếu một lúc nào đó bỗng dưng ta cảm thấy mình hoàn toàn trần trụi, ta cần phải can đảm nhìn vào gương để thấy rõ chính mình. Bà phải bắt đầu trở lại. Từ chính mình. Nhưng bà đang ở đâu? Bà là ai? Khi nào là lần cuối bà được là chính mình?

Như đã nói, bà lái xe tới lui trên các ngọn đồi suốt cả các buổi chiều. Đôi khi cảm thấy nỗi cô đơn càng làm mình tội tệ hơn, bà đi xuống thành phố và hòa lẫn vào đám đông, đi lên xuống các con đường đông đúc và tìm kiếm chút khuây khỏa. Cứ như thể là bà đã có một công việc rồi vậy, bà ra ngoài khi Augusto đi làm và trở về trước khi ông ấy về nhà. Bác sĩ của bà nói với ông ấy rằng trong những trường hợp mệt mỏi tinh thần thì niềm mong muốn di chuyển liên tục không phải là hiếm. Vì bà không có ý định tự vẫn nên lái xe đây đó không có gì nguy hiểm. Theo ông ấy thì càng di chuyển, bà càng cảm thấy bình tĩnh hơn. Augusto nghe theo lời giải thích này, bà không biết có phải vì ông ấy thực sự tin vào bác sĩ hay chỉ vì lười nhác và muốn có một cuộc sống yên bình. Dù sao đi nữa thì bà cũng cảm thấy biết ơn ông ấy vì đã không chõ mũi vào cũng như không tạo ra những cản trở khác trong những hành động của bà.

Bác sĩ đã nói đúng một điều: dù tinh thần sụp đổ nhưng bà không hề có ý định tự vẫn. Lạ thật, nhưng đúng là vậy đấy, không có bất cứ giây phút nào

bà nghĩ đến việc tự giết mình sau khi Ernesto chết, và cháu có tin không khi Ilaria chính là người giữ bà lại đấy? Bà đã nói với cháu rằng con bé chẳng có ý nghĩa chút nào với bà trong thời điểm đó. Tận sâu trong tâm can bà có cảm giác rằng sự mất mát bất ngờ của mình không phải – hay không thể – là một dấu chấm hết. Điều này xảy ra hẳn phải có ý nghĩa nào đó, nhưng tìm được ý nghĩa này cũng khó như leo lên một bức tường khổng lồ vậy. Nhưng có thật là có bức tường ấy để bà leo qua không? Có lẽ là có, nhưng bà không thể tưởng tượng điều gì đang chờ đợi ở phía bên kia cũng như bà sẽ thấy được gì khi đã leo lên tới đỉnh.

Một ngày nọ bà đã lái xe tới một nơi mình chưa bao giờ đặt chân đến. Có một nhà thờ nhỏ xíu được bao quanh bởi một nghĩa trang be bé, bốn bề xung quanh là những ngọn đồi với rất nhiều cây, trên đỉnh của một ngọn đồi có một thứ gì đó màu trắng trông như là phần còn lại của một pháo đài cổ. Qua khỏi nhà thờ một chút có hai hay ba ngôi nhà của những người nông dân, mấy con gà đang chạy rông và bươi rác trên đường, còn có cả một con chó mực đang sủa vang nữa chứ. Trên con đường ấy có một bảng chỉ dẫn ghi là Samatorza. Samatorza, cái tên nghe cô đọc đến lạ, cứ như là một nơi để ai đó tập hợp mọi suy nghĩ lại. Bà đứng cạnh một con đường trải đá và rồi bắt đầu đi tới mà chẳng cần biết nó sẽ dẫn tới đâu. Mặt trời đã bắt đầu lặn nhưng càng đi xa, bà càng không muốn dừng, thỉnh thoảng một con chim giẻ cùi la thất thanh làm bà giật mình thon thót. Có điều gì đó kêu gọi bà tiếp tục đi, bà không nhận ra nó là gì cho đến khi tới một khoảng đất trống và nhìn thấy một cây sồi khổng lồ, oai nghiêm và điềm tĩnh đứng giữa trời với cành lá vươn ra như những cánh tay đang sẵn sàng ôm chầm lấy bà.

Nghe có vẻ thật ngớ ngẩn nhưng ngay khi thấy nó, trái tim bà đập một cách khác thường, dường như không phải đập nữa mà là quay vù vù; có vẻ nó như là một con thú nhỏ đang rất toại nguyện vì điều gì đó, nó chỉ đập như vậy khi bà nhìn thấy Ernesto. Bà ngồi xuống, vuốt ve cây sồi rồi tựa đầu và lưng vào thân của nó.

*Gnõthi seauton* – bà đã viết như vậy lên trang đầu tiên của vở bài tập môn tiếng Hy Lạp khi còn trẻ. Dòng chữ này đã bị chôn vùi trong ký ức và bất

thình lình quay trở lại khi bà đứng dưới tán cây sồi này: *Biết chính ta.*  
Không khí, và hơi thở.

## ***Ngày 16 tháng Mười Hai***

Tuyết đã rơi vào tối qua, cả khu vườn nhuộm màu trắng xóa khi bà thức dậy. Buck chạy loanh quanh như phát cuồng trên bãi cỏ, cu cậu nhảy căng lên, sủa inh ỏi và ngậm mấy cành cây khô rồi quăng vào không trung. Một lát sau thì cô Razman tới thăm, cả hai chúng ta cùng ngồi uống cà phê và cô ấy mời bà sang nhà cô vào đêm Giáng Sinh. “Bà đã làm gì cả ngày nay vậy?”, cô ấy hỏi trước khi rời khỏi nhà. Bà nhún vai: “Cũng chẳng có gì. Tôi chỉ xem tivi một chút rồi suy nghĩ này nọ thôi.”

Cô ấy không bao giờ hỏi về cháu và rất cẩn trọng để tránh nhắc đến chuyện này. Nhưng nghe giọng điệu thì bà có thể nói là cô ấy coi cháu là một người vô ơn. Khi đang trò chuyện về một vấn đề nào đó, cô ấy thường nói rằng: “Bọn trẻ thật là nhẫn tâm, chúng chẳng biết tôn trọng ai cả.” Bà gật đầu và hy vọng rằng cô ấy sẽ thôi nói nữa, nhưng bà âm thầm tin rằng trái tim của chúng ta không bao giờ thay đổi; đơn giản là thói đạo đức giả đã ít đi. Bản chất thanh niên thường ích kỷ còn người già thì thông thái. Tuổi tác của ta không quyết định ta là người sâu sắc hay hời hợt, mà vấn đề là ở con đường ta chọn để đi. Bà không nhớ từ đâu, nhưng đã lâu rồi bà có đọc một câu của người da đỏ nói rằng: “Đừng nhận xét một con người cho tới khi đi suốt ba con trăng trong đôi giày của người ấy.” Bà thích câu nói ấy đến nỗi đã viết lên một mẫu giấy cạnh điện thoại để không quên mất. Nếu chỉ nhìn thoáng qua thì dường như nhiều cuộc đời chỉ có toàn sai lầm, trục trặc và đầy dẫy phi lý. Thật dễ dàng để hiểu lầm người khác nếu ta chỉ đứng bên ngoài quan sát. Chỉ khi nhìn thật sâu, chỉ khi đi hết ba con trăng bằng đôi giày của ai đó thì chúng ta mới hiểu được động cơ, cảm giác và điều gì đã khiến họ làm thế này mà không phải thế kia. Sự hiểu biết xuất phát từ lòng khiêm tốn chứ không phải từ niềm kiêu hãnh về kiến thức.

Có lẽ cháu sẽ mang đôi dép của bà sau khi đọc chuyện này chứ? Bà hy vọng thế đấy, bà hy vọng cháu sẽ dành thời gian để đi từ phòng này sang phòng khác, bà hy vọng cháu sẽ rẽ vào khu vườn, đi từ cây óc chó đến cây anh đào, rồi từ cây anh đào sang cây hoa hồng, và từ cây hoa hồng đến những cây thông đen đúa, xù xì ở cuối bãi cỏ. Bà hy vọng cháu làm điều này không phải là vì van xin lòng trắc ẩn hay tìm kiếm sự tha thứ sau khi chết, mà bởi vì nó cần thiết cho cháu và tương lai của cháu. Nếu cháu muốn tiến lên phía trước mà không bị trở ngại bởi những điều giả dối, điều đầu tiên cháu cần làm là hãy biết mình đến từ đâu và những gì đã xảy ra trước đó.

Ước gì bà đã viết lá thư này cho mẹ của cháu, nhưng thôi thì bà viết cho cháu vậy. Nếu bà không viết thì sự tồn tại của bà trên cuộc đời này coi như là một thất bại. Ai cũng mắc sai lầm, nhưng nếu đã chết đi mà không biết sai lầm đó là gì thì trước đây ta chỉ sống trong vô vọng. Những việc đã xảy ra với chúng ta không phải là vô cớ, mỗi cuộc gặp gỡ, mỗi sự kiện nhỏ đều có ý nghĩa của nó, sự hiểu biết về chính bản thân chúng ta xuất phát từ việc sẵn sàng chấp nhận những tình huống mới và khả năng tùy cơ ứng biến như những con kỳ nhông lột xác rồi để lại lớp da khô trong những lúc chuyển mùa.

Nếu bà đã không nhớ tới dòng chữ Hy Lạp trong cuốn tập khi đã gần bốn mươi tuổi, nếu bà đã không dừng lại và bắt đầu mọi thứ lại từ đầu thì có lẽ bà sẽ tiếp tục mắc sai lầm như trước đó. Có lẽ bà sẽ yêu một ai đó để tổng khứ hình ảnh Ernesto ra khỏi tâm trí, và rồi yêu một người khác, lại thêm một người khác nữa; để tìm kiếm một bản sao của ông ấy và cố gắng thoát khỏi quá khứ thì có lẽ bà đã có đến hàng tá người yêu. Nhưng chẳng có ai trong số đó giống như nguyên mẫu cả, bởi vậy bà lại tiếp tục tìm và càng ngày càng cảm thấy không thỏa mãn, có lẽ đến một ngày nào đó bà sẽ trở thành một bà lão ngốc nghếch được vây quanh bởi những tình nhân trẻ cũng nên. Hay bà cũng có thể cố ghét Augusto bởi vì xét cho cùng thì chính ông ấy là một phần nguyên nhân khiến bà không thể đưa ra những quyết định quyết liệt hơn. Cháu thấy không? Việc làm dễ dàng nhất khi không muốn nhìn nhận chính bản thân mình là đi tìm lối thoát. Chúng ta luôn có thể đổ lỗi cho người khác, phải dũng cảm lắm thì ta mới thừa nhận đó là lỗi – hay

chính xác là trách nhiệm – của chỉ một mình ta. Và chưa hết, như bà đã nói, đây chính là cách duy nhất để cho ta tiến lên phía trước. Nếu cuộc đời là một con đường thì chắc chắn nó sẽ có lắm dốc, nhiều đèo cháu ạ.

Đến năm bốn mươi tuổi bà mới biết phải bắt đầu từ đâu. Còn để biết mình sẽ đi tới đâu thì đó là một quá trình dài với hàng loạt những trở ngại mà cũng mê hoặc không kém. Cháu biết là báo đài gần đây có nói đến việc gia tăng đến chóng mặt số lượng các thể loại guru<sup>[5]</sup> và đầy dẫy những câu chuyện về nhiều người bỗng nhiên bỏ lại hết tất cả mọi thứ sau lưng để đi theo một bậc thánh nhân nào đó. Bà cảm thấy thật khiếp đảm khi nghĩ về những kẻ tự xưng mình là bậc thầy cứ mọc lên như nấm sau mưa và ra rả giáo điều làm thế nào để tìm thấy sự bình thản trong tâm hồn và hài hòa của vũ trụ. Bọn họ là những dấu hiệu thật nguy hiểm về sự hoang mang, tuyệt vọng của con người. Đằng sau tất cả những chuyện này là một thực tế rằng chúng ta đã gần kết thúc một thiên niên kỷ; ngày tháng chẳng qua chỉ là quy ước nhưng sự kiện này quả thật là đáng sợ; ai cũng chờ đợi một điều gì đó thật khủng khiếp xảy ra, và tất cả đều muốn chuẩn bị sẵn sàng. Chính vì vậy mà họ vây quanh các guru, đăng ký các khóa học để tìm kiếm chính bản thân mình, và sau chừng một tháng là họ dương dương tự đắc rằng mình có thể tiên đoán tương lai – những tiên đoán sai be bét. Ôi lại thêm một điều giả dối đáng kinh tởm biết bao!

Chỉ có duy nhất một bậc thầy chân chính và đáng tin cậy tồn tại – đó là lương tâm của chúng ta. Để tìm thấy nó, ta phải đứng trong yên lặng – một mình trong yên lặng – ta phải đứng trên trái đất trần trụi, trần trụi với chính mình và mọi thứ xung quanh như thể ta đã chết rồi. Lúc đầu ta không nghe gì hết và chỉ có cảm giác sợ hãi, nhưng rồi sau đó ta bắt đầu nghe thấy một giọng nói từ xa vọng lại, sao tầm thường thế nhỉ. Lạ thật, khi ta kỳ vọng những điều to tát nhất thì những thứ nhỏ bé này lại xuất hiện. Rõ ràng là quá nhỏ đến nỗi ta muốn hét lên: “Hãy đợi đã, chỉ *thế thôi* à?” Nếu cuộc sống này có chút ý nghĩa thì giọng nói ấy sẽ nói cho ta biết rằng ý nghĩa của cuộc sống là cái chết; nó là trung tâm và vạn vật cứ thế xoay quanh nó. Ôi, một khám phá thật quý báu, ta sẽ nhớ mãi điều này, nhưng đến một kẻ khờ dại

nhất cũng biết rằng một mai mình sẽ chết cơ mà. Đúng thế, chúng ta đều biết sự thật này bằng lý trí của mình, nhưng biết bằng lý trí là một chuyện, bằng trái tim mới là cả một vấn đề. Lúc mẹ cháu ở trong trạng thái luôn muốn tấn công người khác, bà đã bảo nó rằng: “Con đang làm tổn thương trái tim mẹ đấy.” Nó bật cười đáp lại: “Mẹ buồn cười quá. Trái tim cũng là cơ thôi, nếu mẹ không kéo căng ra thì làm sao nó bị tổn thương được chứ.”

Đợi đến khi con bé đủ trưởng thành để thấu hiểu mọi chuyện, bà mới cố gắng giải thích lý do nào đã dẫn đến việc bà không chú ý nhiều đến nó. Bà nói, “Đúng thế, có những thời điểm lúc con còn nhỏ, mẹ đã bỏ bê con bởi vì mẹ ốm nặng lắm. Nếu mẹ cố chăm sóc con lúc đang đau ốm thì e rằng mọi chuyện sẽ tồi tệ hơn. Nhưng giờ thì mẹ đã khỏe, hai mẹ con mình lại có thể trò chuyện, bàn luận và bắt đầu lại từ đầu rồi.” Con bé chẳng thêm quan tâm. “Giờ thì con phát ốm lên đây,” nó nói thế rồi im bật. Rốt cuộc thì bà đã lấy lại bình tâm trong khi con bé lại cảm ghét điều này, nó làm mọi thứ có thể để phá hỏng và đẩy bà vào địa ngục trần gian. Nó lựa chọn bất hạnh để trở thành bản chất tự nhiên của nó. Nó thai nghén trong mình một ý tưởng khác biệt về cuộc sống và rồi giam mình đằng sau những song chắn để không ai có thể làm mai một ý tưởng đó đi. Tất nhiên con bé nói rằng nó muốn hạnh phúc; thế nhưng từ sâu thẳm trong lòng, nó đã chặn đứng tất cả những cơ hội để thay đổi khi mới mười sáu, mười bảy tuổi. Khi bà dần dần rộng mở bản thân và chuyển động theo một chiều hướng mới thì nó vẫn đứng yên bất động với hai tay giơ lên trời chờ đợi thứ gì đó rơi xuống. Sự thanh thản đầy mới mẻ này của bà đã làm nó tức tối. Khi nhìn thấy cuốn Kinh Tân Ước trên bàn kế bên giường ngủ, nó nói rằng: “Mẹ cần được an ủi để làm gì chứ?”

Khi Augusto mất, nó thậm chí chẳng muốn dự đám tang. Ông ấy đã bị chứng xơ cứng động mạch hành hạ suốt những năm cuối đời và đi quanh quẩn trong nhà, miệng lẩm bẩm như một đứa trẻ - điều này làm nó không thể chịu đựng nổi. “Ông muốn gì cơ chứ?” nó hét toáng lên khi ông ấy vừa bước chân vào phòng nó. Con bé lên mười sáu tuổi thì ông ấy ra đi; nó không gọi ông ấy là “Cha” kể từ lúc mười bốn tuổi. Ông ấy mất trong bệnh viện vào một buổi chiều tháng Mười Một. Hôm trước đó ông ấy phải nhập viện vì lên cơn đau tim. Bà đã ngồi trong phòng cùng ông ấy, thay vì mặc áo

ngủ, ông ấy khoác trên mình chiếc áo choàng bệnh viện có dây buộc phía sau. Các bác sĩ còn nói với bà rằng tình trạng tồi tệ nhất đã qua rồi.

Khi cô y tá mang bữa tối vào, bất thành lình ông ấy đứng dậy khỏi giường và bước vài bước về hướng cửa sổ cứ như thể đã nhìn thấy điều gì đó. “Bàn tay của Ilaria,” ông ấy nói với đôi mắt vô hồn, “Trong nhà này không có tay ai giống như nó cả.” Thế rồi ông ấy trở về giường và ra đi. Bà nhìn ra cửa sổ. Một cơn mưa rào lất phất. Bà vuốt tóc ông ấy.

Đã mười sáu năm nay ông ấy không hề hé môi về điều này, ông ấy đã giữ bí mật đó cho riêng mình.

\* \* \*

Đã trưa rồi, mặt trời vừa ló dạng và tuyết đang tan chảy. Bà có thể nhìn thấy những khoảng cỏ vàng úa trước nhà và từng giọt nước tí tách rơi từ những cành cây. Lạ thật, khi Augusto mất, bà nhận ra rằng cái chết không phải lúc nào cũng mang đến những nỗi đau như nhau. Đột nhiên ta thấy trống rỗng – cảm giác trống rỗng thì lúc nào mà chẳng giống nhau – nhưng chính xác thì trong khoảng trống đó có những nỗi đau khác nhau được hình thành. Những gì ta chưa kịp nói sẽ dồn lại và cứ thế sẽ ngày càng phình to ra. Đó là một khoảng trống bí bùng không hề có cửa ra vào hay cửa sổ; bất cứ thứ gì lơ lửng trong đó sẽ bị nhốt vĩnh viễn, chúng ở trên đầu ta, bên cạnh ta, xung quanh ta, bao phủ và mờ mịt như một làn sương dày đặc. Việc Augusto biết bí mật về Ilaria đã làm bà đau buồn tột độ. Lúc đó bà muốn nói hết với ông ấy về Ernesto, về việc ông ấy có ý nghĩa như thế nào đối với bà, và cả về Ilaria nữa; có biết bao nhiêu chuyện bà muốn nói cho ông ấy nhưng giờ đã muộn mất rồi.

Giờ thì có lẽ cháu đã hiểu những gì bà nói lúc đầu: sự thiếu vắng của người đã khuất không dày vò chúng ta bằng những lời chưa kịp nói trước khi họ mất.



Tương tự như những gì đã làm lúc Ernesto mất, sau cái chết của Augusto bà cũng tìm niềm an ủi từ tôn giáo. Lúc đó bà thường gặp một giáo sĩ Dòng Tên lớn hơn mình vài tuổi. Nhận thấy những lễ nghi tôn giáo làm bà không thoải mái, sau vài lần gặp mặt Cha đã đề nghị cả hai nên gặp nhau ở đâu đó ngoài nhà thờ.

Vì hai người đều thích đi bộ nên đã quyết định sẽ đi bộ cùng nhau. Cha đến đón bà mỗi chiều thứ Tư, chân mang giày leo núi và lưng đeo một chiếc ba lô cũ kỹ; bà rất thích khuôn mặt của Cha – đôi gò má hõm đúng kiểu người đã được sinh ra và lớn lên ở miền núi. Lúc đầu bà cảm thấy xấu hổ vì người ấy là một tu sĩ nên chỉ kể những câu chuyện dở dang và e ngại rằng sẽ làm xúc phạm đến Cha, hay sợ phải đối diện với những lời khiển trách và chỉ trích nghiêm khắc. Đến một ngày nọ, khi cả hai đang ngồi nghỉ ngơi trên một tảng đá, Cha nói rằng: “Con đang làm tổn thương con đấy có biết không. Chỉ một mình con thôi.” Từ lúc đó bà không nói dối nữa, bà mở rộng trái tim vốn đã đóng kín kể từ khi Ernesto mất. Bà nói hết chuyện này đến chuyện kia; chẳng mấy chốc bà quên bẵng đi người ngồi trước mặt mình là một tu sĩ. Không như những tu sĩ khác bà từng gặp, dường như Cha không biết đến những lời lẽ kết tội hay an ủi; Cha không hề dùng những lời đường mật để giải quyết vấn đề. Tính cách của cha cứng rắn đến nỗi có thể làm người khác khó chịu lúc đầu. “Chỉ có nỗi đau làm cho ta lớn mạnh,” Cha nói. “Nhưng ta phải đối diện với nỗi đau đó, ai trốn tránh hay cảm thấy hối tiếc thì đã chấp nhận chịu thua.”

Thắng và thua, những thuật ngữ đầy tính chiến đấu này đã giúp gợi lên hình ảnh về một cuộc đấu tranh nội tâm hoàn toàn tĩnh lặng. Theo Cha thì trái tim con người cũng như trái đất vậy, một nửa được soi sáng bởi mặt trời và nửa kia chìm trong bóng tối. Ngay cả những vị thánh không phải lúc nào cũng được soi sáng. “Lý do đơn giản là vì chúng ta có thể xác,” Cha nói, “một phần chúng ta ở trong bóng tối, chúng ta là những sinh vật lưỡng cư như ếch vậy, một phần chúng ta sống ở dưới này và phần kia thì luôn khao khát hướng lên. Sống là nhận thức, là biết rõ điều này để đấu tranh ngăn ngừa không cho bóng đêm che khuất đi ánh sáng. Đừng tin vào những ai hoàn hảo, những ai lúc nào cũng có sẵn câu trả lời. Đừng tin bất kỳ điều gì

ngoại trừ những lời trái tim mách bảo chúng ta.” Những lời nói của cha cuốn hút bà ghê gớm, bà chưa từng gặp ai có thể diễn tả hết những cảm giác sục sôi nhưng không thể tìm ra lối thoát trong bà suốt mấy năm qua. Những suy nghĩ của bà được hình thành khi Cha nói chuyện, bỗng dưng bà có thể nhìn thấy con đường trải ra trước mắt mình; việc đi trên con đường đó không còn là một điều bất khả thi nữa.

Đôi khi Cha mang theo trong ba lô những cuốn sách yêu quý nhất, và trong những lúc nghỉ chân, Cha đọc cho bà nghe vài đoạn bằng giọng nói hào sảng và nghiêm nghị của mình. Nhờ Cha mà bà khám phá ra những lời cầu nguyện của các tu sĩ Nga, những câu nói xuất phát từ trái tim, rồi bà còn hiểu được phần lớn sách Phúc Âm cũng như Kinh Cựu Ước vốn có vẻ rất mật mờ đối với bà trước đó. Suốt những năm tháng kể từ ngày Ernesto mất, bà đã thực hiện một cuộc hành trình nội tâm, nhưng sự thật là hành trình ấy chỉ giới hạn trong những kiến thức của chính mình. Có những lúc bà thấy mình đang đứng trước một bức tường cao, bà biết rằng con đường phía bên kia bức tường sẽ rộng hơn và tươi sáng hơn nhưng loay hoay không biết làm thế nào để leo qua nó. Vào ngày nọ, khi một cơn mưa rào đột ngột đổ xuống, hai người trú mưa trước một cửa hang và bà đã hỏi Cha rằng: “Một người cần làm thế nào để có được niềm tin ạ?”

“Ta không phải làm gì cả, nó tự đến với ta,” Cha trả lời. “Ta đã có nó đấy thôi, nhưng chính niềm kiêu hãnh của ta không thừa nhận điều này, ta thắc mắc quá nhiều, ta khiến những điều đơn giản trở nên thật phức tạp. Sự thật là ta đang sợ hãi vô cùng. Hãy quên bản thân đi và điều gì tới sẽ tới.”

Sau những cuộc đi bộ, bà luôn trở về nhà với tâm trạng mơ hồ và bối rối hơn trước. Như bà đã nói, Cha rất nghiêm khắc và những lời lẽ của Cha làm bà đau nhói. Có đôi lần bà quyết định sẽ không bao giờ gặp Cha nữa, mỗi tối thứ Ba bà thầm nhủ: “Giờ mình phải gọi cho ông ấy và nói rằng ngày mai mình sẽ không đi vì cảm thấy mệt,” thế nhưng bà không thể nào nhấc máy. Thế là chiều thứ Tư bà lại đứng chờ trước cửa đúng giờ, chân mang giày leo núi và lưng đeo một chiếc ba lô.

Những chuyến đi của bà kéo dài hơn một năm thì bỗng dưng Cha được lệnh bề trên chuyển sang nơi khác.

Những điều bà vừa kể có thể khiến cháu nghĩ rằng Cha Thomas là một người kiêu căng với những lời lẽ và cách nhìn thế giới thật bạo liệt và cuồng tín. Nhưng sự thật không phải thế, Cha là người trầm tĩnh và hòa nhã nhất mà bà từng biết tới, rõ ràng Cha không phải là một trong những chiến binh của Chúa. Nếu có điều gì thần bí trong tính cách của Cha thì đó là một điều thần bí rất thực tế và gắn chặt với cuộc sống hàng ngày.

Có lần Cha đã trao cho bà một chiếc phong bì khi cả hai đứng ở bậc cửa. Bên trong là một tấm bưu thiếp có cảnh một đồng cỏ xanh mơn mớn trên núi. Trên tấm ảnh có ghi một câu tiếng Đức: “Vương quốc của Chúa nằm ở trong ta” và đằng sau là dòng chữ của Cha: *Khi ngồi dưới gốc cây sồi, hãy đừng là chính mình mà là một cây sồi, ngồi trên cỏ hãy là những ngọn cỏ, đứng giữa loài người hãy là một con người.*

Vương quốc của Chúa nằm ở trong ta, cháu nhớ không? Bà đã hoang mang với câu nói này khi còn là cô dâu mới cưới ở L’Aquila. Vào lúc ấy, khi nhắm mắt lại và nhìn ngược vào trong, bà chẳng thấy thứ gì. Sau khi gặp Cha Thomas thì có điều gì đó đã thay đổi, dù vẫn chẳng nhìn thấy gì nhưng bà không còn hoàn toàn mù quáng nữa, đã có một tia sáng bắt đầu le lói ở những phần tối tăm, sâu thẳm nhất, và đôi khi bà cũng cố gắng để quên đi chính bản thân trong chốc lát. Đó chỉ là một tia sáng nhỏ bé, yếu ớt, một ngọn lửa leo lét mà chẳng cần phải tốn nhiều sức để thổi tắt đi. Tuy nhiên, sự hiện diện của nó cũng đủ làm bà nhẹ bẫng đến lạ kỳ; điều bà cảm thấy không chỉ là niềm vui mà chính là hạnh phúc. Đó hoàn toàn không phải là một sự phấn khích quá trớn, và bà cũng chẳng thấy thông thái hay được tăng bốc một cách quá đáng. Đơn giản là ý thức về sự tồn tại thật yên bình đang lớn dần bên trong bà.

Là cỏ trên cỏ, là sồi dưới cây sồi, là người giữa muôn người khác.

## *Ngày 20 tháng Mười Hai*

Buck dẫn bà đi lên gác xếp vào sáng hôm nay. Đã bao nhiêu năm rồi bà chưa mở cửa lên căn phòng đó nhỉ? Bụi phủ khắp nơi và nhện chằng tơ đầy các góc nhà. Lúc bê mấy chiếc thùng và hộp giấy, bà phát hiện ra hai hay ba ổ chuột sóc, chúng nó ngủ say đến nỗi chẳng biết gì. Khi còn nhỏ, việc lên gác xếp là một niềm vui, nhưng lúc già rồi thì chẳng còn vui mấy nữa. Tất cả những gì vốn từng là bí ẩn, phiêu lưu, khám phá giờ đã trở thành những ký ức đau lòng.

Bà muốn tìm chiếc máng cỏ và phải mở mấy chiếc hộp cùng hai chiếc rương to mới thấy. Bà cũng nhìn thấy đồ chơi của Ilaria và con búp bê yêu quý nhất của nó, tất cả đều được gói lại bằng giấy báo và vải cũ.

Dưới đáy rương bà tìm thấy những con côn trùng của Augusto, chúng vẫn còn được bảo quản hoàn hảo và sáng bóng, ngoài ra là chiếc kính lúp cùng những thiết bị sưu tập côn trùng khác. Cạnh đó là một chiếc hộp kẹo caramen đựng những lá thư của Ernesto, tất cả đều được cuộn lại bằng một sợi dây ruy băng đỏ. Không có đồ đạc gì của cháu cả, cháu còn trẻ nên gác xếp chưa phải là nơi của cháu đâu.

Bà tiếp tục mở mấy gói nhỏ từ một chiếc rương và tìm thấy vài thứ đã gắn liền với tuổi thơ của mình còn sót lại sau vụ sập nhà. Chúng đã bị cháy xém, đen nhem và bà mở ra cứ như thể là những di vật vậy. Phần lớn là những vật dụng trong nhà bếp – một chiếc chậu tráng men, một chiếc bát đựng đường bằng sứ màu xanh pha trắng, vài bộ muỗng nĩa bằng bạc, một chiếc chảo làm bánh, và cuối cùng là một cuốn sách không bìa với những trang giấy đã long ra. Sách gì ấy nhỉ? Bà không thể nhớ được. Chỉ đến khi bà cẩn thận cầm lên và đọc lướt qua vài dòng đầu tiên, những ký ức xưa mới quay trở lại. Bà cảm thấy rất xúc động vì nó không phải là một cuốn sách bình

thường như bao cuốn sách cũ khác, đó là cuốn sách bà yêu thích nhất khi còn bé, và nhờ nó mà bà đã ấp ủ bao nhiêu ước mơ thời thơ ấu. Cuốn sách có tên *Những Kỳ Quan Của Thế Kỷ Hai Mươi Một* – một cuốn tiểu thuyết khoa học viễn tưởng. Cốt truyện tuy rất đơn giản nhưng lại tràn ngập trí tưởng tượng. Vào cuối thế kỷ thứ mười chín, có hai nhà khoa học nọ vì tò mò muốn biết liệu những lời tiên tri về sự tiến bộ vượt bậc có thật sự xảy ra trong tương lai hay không nên đã biến mình vào trạng thái “ngủ đông” cho đến tận năm 2000. Chính xác sau một thế kỷ, cháu của một đồng nghiệp trước đây đã đánh thức họ dậy và đưa họ đi tham quan vòng quanh thế giới trên một vật thể bay. Câu chuyện không hề có những người ngoài hành tinh hay các đĩa bay, mọi thứ xảy ra chỉ liên quan đến số phận của loài người theo cách tưởng tượng riêng của tác giả. Và theo lời kể của ông ấy thì trong vòng một trăm năm, nhân loại đã làm được biết bao điều vĩ đại, và tất cả chúng đều hết sức phi thường. Thế giới này không còn sự hiện diện của đói nghèo bởi khoa học và kỹ thuật đã giúp tất cả mọi nơi đều trở nên trù phú – và quan trọng hơn nữa là hoa thơm quả ngọt sinh ra được chia đều cho mọi người dân.

Máy móc đã giải thoát con người khỏi lao động cực nhọc để dành nhiều thời gian cho việc trau dồi những hoạt động cao quý hơn, cả thế giới ngập tràn âm nhạc, thơ ca và những cuộc bàn luận triết lý tao nhã, uyên thâm. Chưa hết, vật thể bay ấy còn có thể chuyên chở mọi người từ lục địa này sang lục địa khác trong chưa đầy một tiếng đồng hồ. Hai nhà khoa học già có vẻ như rất thỏa mãn: những giả thuyết và niềm tin lý tưởng vào sự tiến bộ của thế giới nay đã trở thành hiện thực. Bà cũng tìm được những hình ảnh yêu thích nhất trong cuốn sách này: hai nhà khoa học phớt pháp mặc áo ghi lê ca rô với chòm râu dài như Darwin thích thú nhìn xuống mặt đất từ vật thể bay của mình.

Để xua tan những nghi ngờ còn sót lại, một trong hai nhà khoa học mạnh dạn đặt một câu hỏi vốn lúc nào cũng thường trực trong tim: “Còn những người nổi loạn và những kẻ hiếu chiến thì sao? Họ vẫn còn tồn tại chứ?” “Ồ, dĩ nhiên là còn,” chàng trai trẻ dẫn đường cười và trả lời. “Họ sống trong

những thành phố riêng được xây dựng bằng những tảng băng, vì vậy mà họ không thể nào làm tổn hại đến người khác cho dù có muốn đi chẳng nữa.”

“Còn quân đội thì sao?” nhà khoa học còn lại nhanh chóng hỏi tiếp. “Sao chúng ta không thấy một người lính nào cả?”

“Quân đội không còn tồn tại nữa,” chàng trai trả lời.

Tới lúc này thì cả hai thở phào nhẹ nhõm: rốt cuộc thì loài người cũng đã trở lại với bản chất tốt lành của thuở ban đầu! Nhưng họ nhẹ nhõm chẳng được bao lâu thì chàng trai dẫn đường tiếp tục nói: “À không, đó không phải là lý do. Con người vẫn không mất đi đam mê hủy diệt của mình, chẳng qua là họ đã học được cách kiềm chế bản thân mà thôi. Binh lính, súng ống, giáo gươm và tất cả những thứ như thế đã lỗi thời rồi. Giờ đây con người đã phát minh ra một loại vũ khí nhỏ nhưng có sức mạnh siêu việt, đó chính là lý do tại sao không còn chiến tranh nữa. Tất cả những gì ta cần làm là leo lên một đỉnh núi và quăng loại vũ khí ấy từ trên cao, thế là cả thế giới sẽ bị tan tành thành từng mảnh vụn.”

Nổi loạn! Cách mạng! Bao cơn ác mộng từ thời thơ ấu của bà bỗng dưng bật dậy bởi vì hai từ này. Khi đọc cuốn sách kia, bà đã làm những phép tính phức tạp để xem liệu mình có được nhìn thấy bóng dáng của năm 2000 hay không. Tuổi chín mươi có vẻ là một khoảng thời gian xa vời với vợ nhưng không hẳn là không thể đạt tới. Ý tưởng này làm bà lằng lằng và cảm thấy có chút gì đó vượt trội hơn so với những ai không thể sống nổi cho đến thế kỷ hai mươi mốt.

Thế mà giờ đây, khi chúng ta đã đến gần nó thì bà biết rằng mình không thể sống tới ngày ấy được. Nhưng bà không cảm thấy hối hận hay tiếc nuối gì đâu, bà chỉ rất mệt mỏi, trong tất cả những điều kỳ diệu được hứa hẹn trong cuốn sách thì bà chỉ nhìn thấy một: loại vũ khí nhỏ bé nhưng có sức mạnh kinh hoàng. Bà không biết liệu mọi người khi đã đến lúc chuẩn bị từ giã cõi đời có bỗng nhiên cảm thấy mình sống sao mà lâu quá, nhìn nhiều quá và cảm cũng nhiều quá hay không. Khi nghĩ về quãng đời trải dài gần một thế kỷ của mình, cảm giác lớn nhất của bà là thời gian dường như bắt đầu trôi qua nhanh hơn. Bà không biết rõ, nhưng có lẽ những người sống

trong thời kỳ Đồ Đá cũng có cảm giác về thời gian tương tự như chúng ta ngày nay. Ngày vẫn là ngày, đêm vẫn dài hay ngắn hơn đôi chút so với ngày, và khoảng thời gian của mỗi ngày trôi qua tùy thuộc theo mùa. Tất cả vẫn đều giống hệt như thời kỳ Đồ Đá vậy. Mặt trời vẫn đều đặn lặn rồi lại mọc. Nói như những nhà thiên văn học thì nếu có sự khác biệt thì sự khác biệt ấy nhỏ bé vô cùng.

Vậy mà bà có cảm giác mọi thứ đang diễn ra nhanh hơn. Thời gian trôi qua và có quá nhiều thứ xảy ra, lịch sử mang đến cho ta không biết bao nhiêu là sự kiện. Ta sẽ cảm thấy càng mệt mỏi hơn khi mỗi ngày kết thúc; và đến cuối đời, ta kiệt sức hoàn toàn.

Và rồi đột nhiên, vào một ngày như bao ngày khác, bà mở tivi và phát hiện ra rằng tất cả những điều này đã kết thúc, người ta đã phá vỡ những bức tường, dỡ bỏ những hàng rào kẽm gai và các tượng đài: một xã hội không tưởng của thế kỷ đã trở thành dĩ vãng trong chưa đầy một tháng. Giờ thì những ký ức này chỉ còn trong viện bảo tàng, vô hại và bất động giữa một căn phòng rộng lớn. Ai đó đi qua sẽ thốt lên: “Ồ, sao mà lớn thế, sao mà kinh khủng thế!”

Có quá nhiều thứ đã lướt qua trước mắt bà nhưng không có chút gì đọng lại. Giờ thì cháu đã hiểu tại sao bà nói thời gian bắt đầu trôi nhanh hơn rồi chứ? Điều gì đã xảy ra trong một đời người vào thời kỳ Đồ Đá nhỉ? Hết mùa mưa thì tuyết lại rơi, rồi mùa hè đến với lũ châu chấu phá hoại, sau đó là vài cuộc giao tranh với bộ tộc láng giềng đáng ghét, mà cũng có thể là một thiên thạch sẽ rơi xuống trái đất và để lại một hố sâu bốc khói. Bên ngoài cánh đồng hay phía bên kia sông đều không có gì tồn tại, và bởi vì ta không biết thế giới sẽ được mở rộng tới đâu nên thời gian trôi qua chậm chạp hơn.

Người Trung Hoa thường nói: “Chúc anh luôn sống an nhàn”<sup>[6]</sup>. Đó có phải là một lời chúc tốt lành hay một hy vọng đầy độ lượng hay không? Bà không nghĩ thế, đối với bà nó nghe như là một lời miệt thị vậy. Thời buổi thái bình thật ra cũng là hỗn loạn, bởi vì có quá nhiều thứ xảy ra. Bà đã sống qua những thời buổi thái bình như thế, nhưng có lẽ cháu sẽ còn được trải nghiệm nhiều hơn. Việc chuyển giao thiên niên kỷ có lẽ không có gì to tát

mà chỉ đơn thuần là một sự kiện thiên văn học, nhưng dường như nó sẽ mang đến những điều làm cả thế giới này đảo lộn.

Vào ngày 1, tháng Một, năm 2000, những con chim trên cành cây vẫn tỉnh giấc đúng giờ như chúng đã làm vào ngày 31, tháng Mười Hai, năm 1999; chúng vẫn hót như thường lệ, và khi hót xong, chúng lại đi tìm thức ăn: một ngày vẫn như mọi ngày. Thế nhưng đối với con người, mọi việc lại khác. Nếu những điều khủng khiếp mà nhiều người từng mong đợi không xảy ra thì có lẽ con người sẽ xây dựng một thế giới mới tốt đẹp hơn bằng thiện chí của mình. Liệu có thể như thế không nhỉ? Cũng có thể lắm, nhưng mà cũng có thể không. Những gì bà cảm thấy đều khác biệt và mâu thuẫn. Đối với bà, có lúc con người chỉ là loài vượn vốn làm nô lệ cho thú tính của mình, và bất hạnh thay khi chúng có khả năng điều khiển những máy móc tinh vi và nguy hiểm vô cùng; nhưng cũng có lúc bà cảm giác rằng những điều tồi tệ nhất đã qua, và những khía cạnh tốt đẹp hơn trong tinh thần con người cuối cùng đã thắng thế. Giả thuyết nào là đúng? Ai biết được, có thể không có giả thuyết nào đúng cả, cũng có thể điều thực sự sẽ xảy ra vào ngày đầu tiên của thế kỷ hai mươi mốt là Thượng Đế sẽ dội lên trái đất một trận mưa lửa và lưu huỳnh để trừng phạt loài người bởi sự khờ dại và xuẩn ngốc đã làm phạm tiềm năng của chính họ.

Vào năm 2000, cháu sẽ xấp xỉ hai mươi bốn tuổi và được chứng kiến những gì sẽ xảy ra, còn bà đã ra đi và mang theo xuống mồ những tò mò chưa có lời giải đáp. Cháu đã sẵn sàng và chuẩn bị để đối mặt với thời kỳ mới này chưa? Nếu bây giờ có một cô tiên giáng trần và cho bà ba điều ước thì cháu có biết bà ước gì không? Bà sẽ xin cô tiên biến mình thành một con chuột sóc, một con chim, một con nhện, hay bất cứ con gì có thể sống ngay bên cạnh mà cháu không thể phát hiện ra. Bà không biết, và lại càng không thể tưởng tượng tương lai của cháu sẽ như thế nào, nhưng bởi vì bà yêu thương cháu nên điều này làm bà rất đau lòng. Trong một vài lần bà cháu mình nói chuyện về tương lai của cháu, có vẻ như mọi việc chẳng có chút lạc quan nào: với tính cứng đầu của tuổi trẻ, cháu tin rằng nỗi bất hạnh đang dày vò cháu sẽ dày vò cháu mãi mãi. Nhưng bà hoàn toàn tin vào điều ngược lại. Có lẽ cháu băn khoăn tại sao bà lại có thể có ý nghĩ điên rồ như



vậy phải không? Là vì Buck, cháu yêu ạ, vẫn luôn chỉ là Buck mà thôi. Khi cháu chọn cậu ta ở trại thú nuôi ấy, cháu nghĩ đơn giản là mình chỉ chọn một con trong bầy chó. Nhưng thực ra trong suốt ba ngày ấy, một cuộc đấu tranh nội tâm rất dữ dội đã diễn ra bên trong cháu: một mặt thì tiếng gọi của vẻ bề ngoài đang hấp dẫn cháu, nhưng mặt khác thì cháu cũng đã nghe thấy tiếng gọi của trái tim, và không chút mảy may nghi ngờ hay chần chừ, cháu đã chọn trái tim.

Ở tuổi của cháu có lẽ bà đã chọn một con chó thật mượt mà, duyên dáng, một con quý giá và thơm tho nhất, một con để mọi người phát ghen khi dắt đi dạo cùng. Chính sự thiếu tự tin và môi trường sống của mình đã buộc bà phải chọn vẻ bề ngoài như thế đấy.

## *Ngày 21 tháng Mười Hai*

Sau hàng giờ lục lọi trên gác xép ngày hôm qua, chỉ có hai thứ bà mang xuống là chiếc máng cỏ và chảo làm bánh vốn còn sót lại sau trận bom năm nào. Có lẽ cháu sẽ nói máng cỏ thì dễ hiểu rồi, đang là mùa Giáng Sinh mà, nhưng chảo làm bánh thì để làm gì nhỉ? Chiếc chảo này là của bà ngoại bà, tức là bà cố của cháu, nó là vật duy nhất còn lại để cho thấy lịch sử của những người phụ nữ trong gia đình chúng ta. Nó ở trên tầng thượng quá lâu và bị rỉ sét nhiều nên bà mang thẳng tới phòng bếp, bỏ vào chậu và cố gắng kỳ cọ bằng chút sức lực của đôi tay và xà phòng chuyên dụng. Cháu thử nghĩ xem đã bao nhiêu lần nó được đặt vào và mang ra khỏi lò nướng, và đã có bao nhiêu bàn tay khác nhau (hay giống nhau) đổ bột bánh vào? Bà mang nó xuống là để cho nó được sống lại, để cháu sử dụng và có thể truyền lại cho những đứa con gái của mình trong tương lai, dấu gì thì cuộc đời của chiếc chảo khiêm tốn này đã tổng kết và phản ánh lịch sử của nhiều thế hệ trong gia đình nhà ta.

Vào giây phút nhìn thấy nó nằm dưới đáy rương, bà đã nhớ đến khoảng thời gian hạnh phúc bên nhau cuối cùng của bà cháu mình. Lúc nào ấy nhỉ? Một năm trước, hay có lẽ là trước đó nữa. Đầu giờ chiều hôm ấy cháu đã vào phòng bà mà không gõ cửa. Bà đang nằm trên giường với hai tay gác trước ngực, và khi nhìn bà, cháu đã khóc òa nức nở. Tiếng thút thít của cháu đánh thức bà. “Có chuyện gì vậy cháu?” bà ngồi dậy và hỏi. “Chuyện gì đã xảy ra?” “Bởi vì chẳng bao lâu nữa bà sẽ chết,” cháu trả lời và khóc to hơn trước. “Lạy Chúa tôi,” bà bật cười, “câu mong là nó sẽ không sớm đến thế.” Rồi bà nói thêm: “Cháu biết không? Bà sẽ dạy cháu một thứ gì đó mà bà biết làm còn cháu thì chưa biết. Bằng cách này, khi bà không còn ở bên cháu nữa thì cháu có thể làm để nhớ đến bà.” Bà đứng dậy và cháu choàng tay ôm lấy cổ bà. Bao nhiêu xúc cảm cũng bắt đầu trào dâng bên trong bà, nên để cho

mọi thứ bình yên trở lại, bà cất tiếng: “Nào, bà sẽ dạy cháu làm gì đây?” Cháu lau khô nước mắt và suy nghĩ một lúc rồi nói: “Làm bánh.” Thế là hai bà cháu mình xuống bếp và khởi đầu cho một trận chiến. Đầu tiên, cháu không muốn đeo tạp dề. Cháu bảo: “Nếu đeo tạp dề thì cháu lại phải vấn tóc và mang dép nữa. *Ấy dà!*” Khi đánh lòng trắng trứng, cháu đã bị thương ở khuỷu tay, rồi sau đó cháu bực hết cả mình khi bơ không tan trong lòng đỏ trứng hay chiếc lò mãi vẫn chưa đủ nóng. Lúc bà ném chiếc muỗng gỗ dùng để khuấy sô cô la, một giọt màu nâu đã bị quệt lên trên mũi. Cháu nhìn bà rồi bật cười, “Đã tới tuổi này rồi mà vẫn vậy. Bà không xấu hổ sao? Bà có chiếc mũi màu nâu như con cún ấy!”

Làm chiếc bánh đơn giản vậy mà cũng mất cả buổi chiều và để lại một bãi chiến trường trong bếp. Bỗng nhiên mọi thứ thật nhẹ nhàng và dễ dàng với hai bà cháu mình biết bao, cả hai cứ như thể là một đôi hạnh phúc. Rốt cuộc thì chiếc bánh cũng được cho vào lò nướng. Lúc đó, cháu nhìn chiếc bánh nâu qua cánh cửa kính và đột nhiên nhớ lại lý do vì sao mình làm nó rồi lại bắt đầu khóc. Bà cố gắng an ủi cháu khi cả hai đứng kế bên lò nướng. “Đừng khóc nữa cháu. Đúng là bà sẽ ra đi trước cháu, nhưng dù khi bà không còn ở đây nữa thì bà vẫn ở đây, bà sẽ sống bên trong cháu và những ký ức vui vẻ của cháu. Khi nhìn cây cối, rau quả và những bông hoa, cháu sẽ nhớ đến khoảng thời gian tuyệt vời nhất lúc bà cháu mình còn ở bên nhau. Và điều này cũng xảy ra khi cháu ngồi trên chiếc ghế bành của bà nữa; nếu cháu làm bánh theo lời bà dạy hôm nay thì cháu sẽ thấy bà đứng trước mặt cháu với giọt sô cô la nâu trên mũi.”

## ***Ngày 22 tháng Mười Hai***

Sau bữa sáng, bà vào phòng khách và bắt đầu sắp xếp máng cỏ ở gần lò sưởi như mọi năm. Đầu tiên bà trải tấm thảm màu xanh lá cây ra rồi đặt lên mấy mảng rêu khô, những cây cỏ, cái chuồng chiên với Đức Cha Joseph, Đức Mẹ Mary, con bò, con lừa phía bên trong và rải rác xung quanh là những người chăn cừu, những phụ nữ chăn ngỗng, những nhạc sĩ, mấy con lợn, những người đánh cá, gà mái và gà trống, cừu và dê. Bà dùng băng keo để treo bầu trời xanh bằng giấy lên trên, sau đó bà bỏ ngôi sao của thành Bethlehem vào trong túi áo ngủ bên phải và ba vị vua trong túi bên trái, thế rồi bà bước qua phía bên kia căn phòng để treo ngôi sao lên, và ở xa xa bên dưới, bà xếp những vị vua đang cười lạc đà thành một hàng.

Cháu còn nhớ không? Với những lập luận trẻ con đầy hiếu thắng, cháu luôn cảm thấy bức tức khi ngôi sao và ba vị vua được xếp quá gần máng cỏ ngay từ đầu. Đáng lẽ chúng phải được xếp từ đằng xa rồi mới dần dần tiến gần lại; ngôi sao phải ở phía trước, còn các vị vua thì ở phía sau một tí. Tương tự như thế, cháu không thể chịu nổi khi Chúa Hài Đồng được xếp vào máng cỏ trước thời điểm, vì vậy mà hai bà cháu phải đưa Chúa vào máng cỏ đúng nửa đêm ngày 24, tháng Mười Hai. Bà nhớ là cháu còn thích làm một điều khác với máng cỏ này: khi bà sắp xếp những con cừu trên tấm thảm màu xanh lá cây, cháu bắt đầu một trò chơi do chính cháu sáng tạo ra và không bao giờ biết chán. Bà nghĩ lễ Phục Sinh đã gợi ý cho cháu về trò chơi này, vì cứ mỗi dịp như vậy, cháu lại đem giấu đi những quả trứng đầy màu sắc ngoài vườn. Vào lễ Giáng Sinh, thay vì giấu trứng thì cháu lại giấu cừu: đợi lúc bà không để ý, cháu lấy một con cừu trong đàn và giấu ở một nơi nào đó rất khó đoán rồi chạy về chỗ bà kêu be be đầy tuyệt vọng. Thế là cuộc truy tìm bắt đầu, bà ngừng bất kỳ công việc gì đang làm dở và đi khắp nhà, kêu to: “Cừu nhỏ của bà, cháu ở đâu? Hãy giúp bà tìm cháu, bà sẽ chăm

sóc cháu và cháu sẽ được an toàn.” Lúc ấy cháu đi theo bà suốt, miệng kêu be be và cười khúc khích.

Cừu nhỏ của bà, giờ này cháu ở đâu? Cháu đang ở giữa bầy sói và những cây xương rồng phải không? Khi đọc những dòng này, có lẽ là cháu đang ở đây và đồ đạc của bà đã được xếp trên gác xép. Liệu những lời lẽ của bà sẽ đưa cháu đến một nơi an toàn chứ? Bà không đủ tự tin để cho điều này là đúng, nhưng cũng có thể chúng chỉ làm cho cháu tức giận thêm, chúng chỉ khẳng định rằng những suy nghĩ không hay về bà trước khi cháu ra đi là hoàn toàn có cơ sở. Có lẽ cháu chỉ có thể hiểu bà khi đã trưởng thành hơn, khi cháu đã trải qua con đường bí ẩn đi từ sự ngoan cố đến lòng đồng cảm.

Bà nói rồi đấy, đồng cảm chứ không phải thương hại nhé. Nếu cháu thương hại bà thì bà sẽ hiện hồn về và làm nhiều trò khó chịu lắm đấy. Bà cũng sẽ làm thế nếu cháu giả vờ nhún nhường chứ không phải khiếm tốn thực sự, hoặc là khi cháu ăn nói huyên thuyên vớ vẩn thay vì phải giữ yên lặng. Bóng đèn sẽ nổ, đĩa sẽ bay ra khỏi giá đựng, quần áo lót của cháu sẽ vắt vèo trên cái chụp đèn, bà sẽ không cho cháu phút yên thân nào từ lúc bình minh cho tới tận khuya đâu.

Nhưng thật sự không đúng thế đâu, bà sẽ chẳng làm gì cả. Nếu bà vẫn ở đâu đó, nếu bà vẫn còn nhìn thấy cháu thì bà sẽ rất buồn, một nỗi buồn vẫn hay xuất hiện khi nhìn thấy một cuộc đời bị bỏ đi, một cuộc đời không thể thực hiện được hành trình dẫn đến tình yêu thương. Cháu hãy bảo trọng nhé. Khi lớn lên, cháu sẽ luôn bị thôi thúc bởi ý nghĩ cần phải thay đổi mọi thứ, phải sửa những điều sai thành đúng, nhưng mỗi khi làm vậy, cháu hãy nhớ rằng cuộc cách mạng đầu tiên và quan trọng nhất phải bắt nguồn từ cháu. Đấu tranh cho một điều gì đó mà chưa biết rõ chính mình là điều nguy hiểm nhất, cháu biết không.

Mỗi khi cháu cảm thấy hoang mang hay lạc lối, hãy nghĩ về những cái cây và nhớ cách chúng lớn lên như thế nào. Hãy nhớ rằng một cái cây với nhiều cành và ít rễ sẽ bị đổ ngay trong trận bão đầu tiên, còn một cái cây với ít cành và nhiều rễ thì nhựa sống sẽ không chảy dọc khắp thân cây được. Rễ và cành phải mọc đồng đều, cháu phải đứng bên trong và phía trên mọi thứ,

bởi vì chỉ như vậy cháu mới có thể mang đến bóng mát và sự che chở, chỉ như vậy cháu mới được bao phủ bởi lá xanh và quả ngọt khi đã tới mùa.

Còn nữa, khi có nhiều con đường mở ra trước mắt và cháu không biết nên đi lối nào thì đừng chọn bừa nhé; hãy ngồi xuống và chờ đợi. Hãy thở thật sâu với tất cả niềm tin, như cái cách cháu thở vào ngày mình chào đời ấy, đừng để bất cứ thứ gì làm cháu xao động, hãy đợi, và đợi thêm chút nữa. Hãy ngồi yên, thật im lặng và lắng nghe trái tim của cháu. Và rồi khi nó cất tiếng, hãy đứng lên và đi theo những lời trái tim mách bảo.

**HẾT**

• Chú thích •

<sup>[1]</sup> Theo Kinh Thánh, Cain là một trong hai người con trai của Adam và Eva. Trong một lần dâng lễ, thấy Chúa ưng ý lễ vật của người em Abel hơn, Cain nổi lòng ganh ghét và đã giết Abel. Chúa đã trừng phạt Cain và ra khỏi vườn địa đàng...

<sup>[2]</sup> Cây đầu xuân (forsythia), còn gọi là hoa mai Mỹ hay hoa nghinh xuân, có nhánh thẳng, hoa màu vàng tươi hình ngôi sao năm cánh, thường nở vào đầu xuân.

<sup>[3]</sup> Con rắn và bậc thang là một trò chơi của trẻ em, đồ xúc xắc rồi di chuyển trên một bàn cờ ô vuông theo những tuyến đi cố định và phải hạ những con rắn để leo lên những bậc thang đã vẽ trên bàn cờ.

<sup>[4]</sup> Hoa lâu đầu (columbine) còn gọi là hoa mao lương hay rẻ quạt. Hoa có hình dáng như những cái mũ trùm đầu của các bà các cô hồi thế kỷ 16 ở châu Âu.

<sup>[5]</sup> Guru: một cách gọi để chỉ một đạo sư hoặc một người hướng dẫn có uy tín trong Ấn Độ giáo.

<sup>[6]</sup> Nguyên gốc tiếng Anh "May you live in interesting times" xuất phát từ câu ngạn ngữ Trung Hoa "Ninh vi thái bình cầu, bất tố loạn thế nhân" (nghĩa là: Thà làm con chó trong thời bình còn hơn là con người lúc loạn thế). Câu này ám chỉ những kẻ an phận, hèn nhát.